

KẾ HOẠCH
PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI TỈNH NINH THUẬN 5 NĂM 2011 - 2015

(Ban hành kèm theo Quyết định số 70 /2011/QĐ-UBND ngày 22 tháng 12 năm 2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận)

Thực hiện Chỉ thị số 751/CT-TTg ngày 03/6/2009 của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2011 - 2015;

Căn cứ Quyết định số 1222/QĐ-TTg ngày 22/7/2011 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Ninh Thuận đến năm 2020 và Nghị quyết Đại hội tỉnh Đảng bộ lần thứ XII nhiệm kỳ 2010 - 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 24/2011/NQ-HĐND ngày 14/12/2011 của Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Thuận về phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Ninh Thuận 5 năm 2011-2015;

Trên cơ sở kết quả thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ chủ yếu Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2006 - 2010;

Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2011 - 2015, gồm các nội dung chủ yếu như sau:

Phần thứ nhất

KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ PHÁT TRIỂN

KINH TẾ - XÃ HỘI 5 NĂM 2006 – 2010

Triển khai Nghị quyết Đại hội tỉnh Đảng bộ lần thứ XI, Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Quyết định 336/2006/QĐ-UBND ngày 25/12/2006, phê duyệt Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2006 - 2010 với mục tiêu tổng quát cho cả giai đoạn là: “Phát huy tiềm năng lợi thế nhất là lợi thế về kinh tế biển để huy động và sử dụng có hiệu quả mọi nguồn lực xã hội để đầu tư thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, chuyển dịch nhanh cơ cấu kinh tế theo hướng tăng nhanh tỷ trọng công nghiệp và dịch vụ, bảo đảm phát triển bền vững và đạt tốc độ tăng trưởng cao hơn giai đoạn 2001 - 2005, tạo bước đột phá về tăng trưởng trong một số ngành và lĩnh vực, thu hẹp khoảng cách giữa Ninh Thuận với cả nước, đạt mức bình quân chung của khu vực, tạo cơ sở để đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hóa; Phát triển các lĩnh vực văn hoá xã hội phù hợp

với phát triển kinh tế, chăm lo tốt hơn đến đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, giữ vững quốc phòng, bảo đảm an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội”.

Thực hiện Nghị quyết Đại hội tỉnh Đảng bộ lần thứ XI và Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2006 - 2010, trong bối cảnh tình hình quốc tế và trong nước có nhiều thuận lợi và khó khăn đan xen đã tác động trực tiếp đến quá trình thực hiện nhiệm vụ, trong đó nổi lên là nước ta gia nhập Tổ chức Thương mại Thế giới đã tạo ra nhiều cơ hội thu hút đầu tư, đồng thời đặt ra cho nền kinh tế những thách thức mới, nhất là mở cửa hội nhập khi gia nhập WTO, cùng với tác động của tình hình lạm phát tăng cao trong năm 2008, giá cả một số mặt hàng thiết yếu phục vụ sản xuất và đời sống nhân dân tăng cao và tình hình khủng hoảng tài chính toàn cầu tác động đến kinh tế - xã hội của cả nước trong năm 2009, tình hình dịch bệnh lây lan, nhất là dịch cúm A (H1N1), thiên tai lũ lụt trong năm 2010 là những khó khăn, thách thức lớn của nền kinh tế - xã hội cả nước 5 năm qua (2006 - 2010).

Tình hình trong tỉnh: Thời tiết tương đối thuận lợi, tiềm năng về kinh tế biển được đánh giá đúng mức, nhiều dự án quy mô lớn được đăng ký đầu tư (du lịch biển, công nghiệp, điện gió, điện mặt trời) và đặc biệt một số chương trình phát triển kinh tế lớn của tỉnh đang triển khai trong vài năm trở lại đây sẽ tạo ra thời cơ mới, cơ hội mới tạo bứt phá tăng trưởng nhanh và bền vững nền kinh tế tỉnh nhà, các công trình trọng điểm đã và đang đầu tư bước đầu phát huy hiệu quả. Bên cạnh đó cũng có nhiều khó khăn và thách thức, nhất là sự mất cân đối về các nguồn lực cho đầu tư phát triển, khả năng hấp thụ nguồn lực đầu tư còn hạn chế và thiếu nguồn nhân lực có chất lượng để phát triển kinh tế - xã hội, cộng với hậu quả cơn lũ lịch sử vào đầu tháng 11/2010 đã gây thiệt hại nặng nề, lâu dài cho sản xuất và đời sống nhân dân trong tỉnh.

Trong bối cảnh đó, UBND tỉnh đã bám sát Nghị quyết Đại hội tỉnh Đảng bộ lần thứ XI và các Nghị quyết chuyên đề của Tỉnh ủy, tổ chức triển khai kịp thời các chủ trương chính sách của Trung ương, các giải pháp chỉ đạo, điều hành thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hàng năm của Chính phủ phù hợp với điều kiện thực tế của tỉnh, đồng thời tranh thủ sự hỗ trợ kịp thời có hiệu quả của Chính phủ và các Bộ ngành Trung ương, cùng với sự cố gắng của các ngành, các cấp và nhân dân trong tỉnh, kết quả đạt được cụ thể như sau:

A. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI 5 NĂM 2006 – 2010:

Kết quả thực hiện các chỉ tiêu chủ yếu của kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2006 - 2010 đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua cụ thể đó là:

Chỉ tiêu	Đ.v.t	Thời kỳ 2001-2005	Thời kỳ 2006-2010	
			Kế hoạch	Thực hiện
A) <u>Chỉ tiêu kinh tế:</u>	%	8,1	11 - 12	10,7

Chỉ tiêu	Đ.v.t	Thời kỳ 2001-2005	Thời kỳ 2006-2010	
			Kế hoạch	Thực hiện
1. Tốc độ tăng GDP	Tỷ đồng	1.851,1	3.192	3.078,9
2. Tổng sản phẩm nội tỉnh (giá SS94):	Tỷ đồng		3.192	2.982,9
- Tổng sản phẩm nội tỉnh (giá SS94)	Tỷ đồng			96
- Nhập khẩu xăng dầu				
3. GDP bình quân đầu người:				
- Theo giá so sánh 1994	Tr. đồng	3,28	3,32	5,1
- Theo giá hiện hành	"	4,8	9,6	11,7
- Quy đổi USD	"	295	600	630
4. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế:				
- Tỷ trọng Nông - Lâm - Ngư nghiệp	%	40,9	30	42,6
- Tỷ trọng CN - XD	%	20,3	35	22,2
- Tỷ trọng dịch vụ	%	38,7	35	35,2
Tốc độ tăng GTSX các ngành:				
5. Nông, Lâm nghiệp	%	0,2	6 - 7	9,5
6. Thủy sản	%	12,6	8 - 9	10,6
7. Công nghiệp - Xây dựng	%	19,9	24 - 25	17,7
8. Dịch vụ	%	10	11 - 12	11
9. Tổng thu ngân sách trên địa bàn:	Tỷ đồng	264	550 - 600	883,7
- Tốc độ tăng thu	%	21,4	18 - 20	27,3
- Tốc độ tăng thu	%	10	11 - 12	13,2
10. Tỷ lệ huy động GDP vào NSNN				
11. Tổng giá trị kim ngạch XK	Tr.USD	42,5	90 - 100	46,9
- Tốc độ tăng bình quân	%	35,2	19 - 20	2,0
12. Tổng vốn đầu tư toàn xã hội	Tỷ đồng	5.115	11.250	17.745
- Tốc độ tăng bình quân hàng năm	%		>15	32
B) Chỉ tiêu xã hội:				
13. Tốc độ tăng dân số tự nhiên:	%	1,47	1,2	1,282
- Quy mô dân số trung bình	Người	564	630	570,1
- Quy mô dân số trung bình	Người	53.200	60.000	70.741
14. Giải quyết việc làm mới 5 năm	%	24	40	40
15. Tỷ lệ lao động qua đào tạo	%	14,4	25	25
Trong đó: Đào tạo nghề				

Chỉ tiêu	Đ.v.t	Thời kỳ 2001-2005	Thời kỳ 2006-2010	
			Kế hoạch	Thực hiện
16. Tỷ lệ hộ nghèo 2010 (Chuẩn nghèo năm 2005).	%	21,3	<13	11,05
	%			15,48
- Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn 2011 - 2015	%	30,5	<23	23,5
	BS/vạn dân	5	6	5,4
17. Tỷ lệ suy DD trẻ em dưới 5 tuổi	%	2	20	12,1
18. Tỷ lệ Bác sỹ trên một vạn dân	%			Hoàn thành 28,4
19. Tỷ lệ trường phổ thông đạt chuẩn quốc gia.	%		20	
20. Hoàn thành phổ cập Trung học cơ sở				
21. Tỷ lệ học sinh Tiểu học được học 2 buổi/ngày				
C) <u>Chỉ tiêu Môi trường:[1]</u>				
22. Trồng rừng tập trung	Ha	8.746	8.500	4.719,1
23. Độ che phủ rừng	%	43,5	55	43,6
	%	60	80	79
	%	48,8	80	74
24. Tỷ lệ cấp nước sinh hoạt nông thôn				
25. Tỷ lệ hộ gia đình có công trình hợp vệ sinh				

Qua biểu tổng hợp trên, trong tổng số 25 chỉ tiêu chủ yếu của Kế hoạch 5 năm, có 13 chỉ tiêu hoàn thành (chiếm 52%), 12 chỉ tiêu không đạt kế hoạch đề ra. Trong đó: Kinh tế có 7/12 chỉ tiêu hoàn thành, xã hội có 6/9 chỉ tiêu hoàn thành.

B. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ CHỦ YẾU THỰC HIỆN KẾ HOẠCH 5 NĂM 2006 – 2010 TRÊN MỘT SỐ NGÀNH, LĨNH VỰC:

I. Về Kinh tế:

Trong 5 năm qua, mặc dù có khó khăn do sự tác động tình hình lạm phát cao năm 2008 và khủng hoảng tài chính và suy thoái toàn cầu năm 2009, tốc độ tăng trưởng GDP đạt khá, bình quân tăng 10,7%/năm (KH là 11 - 12%), cao hơn 1,27 lần so với giai đoạn 2001 - 2005; tổng sản phẩm nội tỉnh (GDP theo giá so sánh) năm 2010 gấp 1,66 lần so với năm 2005, bằng 96,5% mục tiêu kế hoạch 5 năm đề ra; riêng năm 2008 tốc độ tăng trưởng GDP chỉ đạt 8,4% và năm 2009 là 7,3%, là năm có tốc độ tăng trưởng thấp nhất trong 5 năm qua [2]. Đóng góp vào tăng trưởng chung, trong đó ngành công nghiệp - xây dựng đóng góp 3,56%, dịch vụ là 3,55%, nông, lâm và thủy sản là 2,89%, và nét mới so với giai đoạn trước là có đóng góp từ thuế nhập khẩu xăng dầu là 0,68%.

b) Chuyển dịch cơ cấu kinh tế:

Cơ cấu kinh tế bước đầu chuyển dịch theo hướng tăng tỷ trọng công nghiệp - xây dựng, tỷ trọng ngành công nghiệp - xây dựng tăng từ 20,4% năm 2005 lên 22,2% năm 2010 (*bình quân mỗi năm tăng 0,36%*), tuy nhiên còn chậm và không đạt mục tiêu đề ra (35%).

Cơ cấu kinh tế theo thành phần kinh tế đã chuyển dịch theo hướng giảm dần tỷ trọng đóng góp vào GDP của khu vực nhà nước, tăng tỷ trọng đóng góp trong GDP của khu vực ngoài nhà nước, đặc biệt là khu vực kinh tế tư nhân [3].

2. Phát triển nông, lâm nghiệp, thủy sản và kinh tế nông thôn: Phát triển khá toàn diện, tốc độ tăng trưởng khá, đã thực hiện tốt mục tiêu tăng trưởng gắn với giải quyết các vấn đề an sinh xã hội; giá trị sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng bình quân 10%/năm:

a) Sản xuất nông nghiệp:

- Trồng trọt: Mặc dù bị ảnh hưởng do cơn lũ lịch sử vào cuối năm 2010, nhưng thời tiết những năm đầu từ 2006 đến năm 2009 tương đối thuận lợi, đồng thời các công trình thủy lợi đã đầu tư qua các năm phát huy hiệu quả, cùng với hiệu quả của chương trình giống cây trồng vật nuôi, đã góp phần thúc đẩy sản xuất nông nghiệp phát triển trên cả 3 mặt về quy mô, năng suất và hiệu quả, quy mô sản xuất được mở rộng, tổng diện tích gieo trồng tăng gấp 1,71 lần so với giai đoạn 2001-2005, năng suất một số cây trồng chính tăng khá, trong đó cây lúa đạt 52,4 tạ/ha tăng 6,9 tạ/ha, cây ngô đạt 33,4 tạ/ha tăng 5,8 tạ/ha so với năm 2005, giá trị sản xuất trên 1 ha đất canh tác đạt 50 triệu đồng/ha, riêng diện tích chủ động tưới đạt trên 55 triệu đồng/ha vượt mục tiêu kế hoạch đề ra (35 - 40 triệu đồng); hoàn thành quy hoạch một số cây trồng chính phát triển theo hướng sản xuất hàng hóa tập trung, bước đầu đã hình thành một số vùng chuyên canh cây công nghiệp ngắn ngày phục vụ chế biến như mì 2.314 ha, mía 2.279 ha; nhiều mô hình sản xuất mới có hiệu quả được nhân rộng như mô hình sản xuất giống lúa và bắp lai, mô hình “3 giảm, 3 tăng”; mô hình cơ giới hóa trong thu hoạch lúa.

- Chăn nuôi:

Thực hiện đồng bộ các biện pháp từ khâu giống, thức ăn, công tác thú y; trong đó công tác phòng chống dịch bệnh đàn gia súc, gia cầm thực hiện khá tốt, thị trường tiêu thụ thuận lợi, chăn nuôi gia súc có sự phục hồi và có bước phát triển, quy mô tổng đàn đạt 249,19 nghìn con, tăng 29,41 nghìn con so với năm 2005, quy mô đàn gia cầm tăng nhanh trên 1,4 triệu con, tăng gấp 3,6 lần so với năm 2005; từng bước chuyển đổi chăn nuôi theo hướng thâm canh và bán thâm canh theo mô hình trang trại kết hợp chăn nuôi hộ gia đình, đến nay trên địa bàn tỉnh có 1.221 trang trại, trong đó có 484 trang trại trồng trọt, 327 trang trại chăn nuôi gắn với phát triển đồng cỏ 1.300 ha bảo đảm thức ăn cho chăn nuôi, mô hình nuôi vỗ béo có hiệu quả góp phần nâng cao chất lượng đàn gia súc, tỷ lệ sinh hóa đàn bò đạt 33,3% (mục tiêu là 32%).

- Chương trình đầu tư công trình thủy lợi trọng điểm đạt kết quả tích cực, tổng vốn đầu tư trong 5 năm trên 1.230 tỷ đồng, hầu hết các công trình trọng điểm trong kế hoạch 5 năm đều được triển khai, hoàn thành 4 hồ chứa và 9 công trình hồ chứa khác đang triển khai thi công [4], nâng tổng số đến nay trên địa bàn tỉnh có 12 hồ chứa nước, tổng dung tích trên 130 triệu m³, đầu tư trên 110 km kênh mương, tăng thêm diện tích tưới trên 4.200 ha, nâng tỷ lệ chủ động tưới đạt 42% so tổng diện tích đất canh tác.

b) Phát triển Lâm nghiệp:

Chủ trương phát triển rừng kinh tế được thực hiện đạt kết quả tốt, cơ cấu trồng rừng được dịch chuyển sang trồng các loại cây mang lại hiệu quả kinh tế như cây Trôm, cây Neem, Cóc hành[5], nâng cao chất lượng độ che phủ rừng, tỷ lệ độ che phủ rừng đạt 43,6%; hoàn thành công tác rà soát, điều chỉnh quy hoạch 3 loại rừng theo Chỉ thị 38/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ; triển khai chương trình trồng mới 5 triệu ha rừng của Chính phủ, đã đầu tư 82,7 tỷ đồng, phát triển mới 6.000 ha rừng các loại, trong đó có 1.657 ha rừng sản xuất; khoanh nuôi tái sinh 5.000 ha, tổ chức giao khoán bảo vệ 241.571 lượt ha, tạo thu nhập cho một số hộ đồng bào dân tộc nghèo miền núi từ 200 - 250 nghìn đồng/tháng.

Hạn chế lớn nhất trong phát triển nông, lâm nghiệp đó là: Tuy đạt tốc độ tăng trưởng cao và vượt mục tiêu kế hoạch, chuyển dịch cơ cấu sản xuất nội bộ ngành còn chậm, tỷ trọng chăn nuôi chiếm 28,4% (mục tiêu năm 2010 đạt 42%), quy mô sản phẩm nhỏ, sức cạnh tranh còn thấp, cơ cấu cây trồng chuyển dịch không rõ nét, diện tích các loại cây công nghiệp ngắn ngày, cây ăn quả đạt thấp so với chỉ tiêu đề ra [6], cây nho được xác định là cây chủ lực nhưng tỷ trọng còn thấp (17,4%) và có xu hướng giảm mạnh về diện tích, giảm gần 842 ha so với năm 2005, còn 773 ha (mục tiêu đến năm 2010 là 2.500 ha); đàn gia súc tuy có phục hồi nhưng còn chậm, chất lượng đàn gia súc tuy có cải thiện nhưng chưa đáp ứng được yêu cầu cho công nghiệp chế biến.

Nguyên nhân chủ yếu của tồn tại trên trước hết là việc tổ chức triển khai thực hiện các quy hoạch phát triển ngành, quy hoạch sản phẩm cây, con không đạt kết quả, nguyên nhân là do quy hoạch chưa dự báo được các biến động của thị trường và chậm điều chỉnh cho phù hợp với tình hình thực tiễn, thiếu nguồn lực và các đề án khả thi, thiếu giải pháp phù hợp, nhất là vai trò của nhà nước hỗ trợ cho nông dân tiêu thụ sản phẩm và nâng cao chất lượng đàn gia súc

còn nhiều hạn chế, nhiều mô hình sản xuất có hiệu quả chậm được nhân rộng; về trồng rừng thì do định mức hỗ trợ của nhà nước còn thấp, chậm được điều chỉnh kịp thời nên việc triển khai trồng rừng sản xuất không đạt kế hoạch; chỉ tiêu về độ che phủ rừng chậm được điều chỉnh cho phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương do chuyển đổi đất rừng sang sử dụng các mục đích khác như đầu tư các hồ đập và chuyển đất rừng sang đất sản xuất kinh doanh trên 40 nghìn ha. Chuyển dịch nội bộ ngành còn chậm, tỷ trọng chăn nuôi còn thấp, chưa đạt mục tiêu kế hoạch là 42% do có sự đầu tư mạnh về thủy lợi, mở rộng diện tích canh tác; đối với ngành chăn nuôi chưa có nhiều các dự án đầu tư phát triển nâng cao năng suất, chất lượng đàn gia súc.

c) Thủy sản:

Tốc độ tăng trưởng đạt khá, giá trị sản xuất tăng bình quân 10,6%/năm, chiếm 15,2% GDP của tỉnh, cơ cấu nội bộ ngành chuyển dịch tích cực theo hướng tăng tỷ trọng ngành nuôi trồng chiếm 23,3% tăng 5,4%, khai thác chiếm 68% giảm 5,3% so với năm 2005.

Thực hiện chủ trương về phát triển kinh tế biển, trong đó xác định thủy sản cùng với công nghiệp ven biển, du lịch biển là ngành kinh tế mũi nhọn của tỉnh, chủ trương xây dựng Ninh Thuận trở thành vùng sản xuất giống quy mô lớn đạt kết quả tích cực, lợi thế về sản xuất giống thủy sản được phát huy, thu hút 15 dự án đầu tư, trong đó 10 dự án hoàn thành, năng lực sản xuất tăng nhanh, quy mô sản xuất giống được mở rộng đạt 11,2 tỷ con giống, tăng bình quân 16,6%/năm, vượt mục tiêu kế hoạch đề ra. Kết quả chuyển đổi đối tượng nuôi mới tôm thẻ chân trắng đang phát huy hiệu quả, quy mô sản xuất mở rộng, sản lượng đạt 7.851 tấn/năm; nghề khai thác hải sản hiệu quả có được nâng lên thông qua việc thực hiện tốt chương trình đánh bắt xa bờ, đầu tư đóng mới tàu có công suất lớn để chuyển đổi cơ cấu nghề; cơ cấu tàu thuyền có công suất lớn trên 90 CV chiếm 26,6% số lượng và 77,5% công suất, mô hình hợp tác trên biển được phát huy.

Hạ tầng nghề cá được tiếp tục đầu tư để từng bước hình thành trung tâm dịch vụ hậu cần nghề cá của khu vực, trong 5 năm bằng nguồn vốn hỗ trợ có mục tiêu của trung ương và vốn ngân sách tỉnh, đã đầu tư 195,4 tỷ đồng, triển khai 8 công trình, dự án, trong đó hoàn thành 2 cảng cá Cà Ná và Mỹ Tân đảm bảo cho gần 2.000 tàu thuyền ra vào neo đậu, triển khai đầu tư khu neo đậu tránh trú bão Ninh Chữ quy mô cấp vùng cho 2.000 tàu thuyền, cơ bản hoàn thành dự án đầu tư cơ sở hạ tầng nuôi tôm An Hải quy mô 648 ha, tiếp tục đẩy nhanh tiến độ đầu tư dự án đầu tư cải tạo Đầm Nại, Trung tâm giống hải sản cấp I, dự án vùng kiểm định giống Ninh Phước.

Hạn chế nổi lên đó là: Khai thác hải sản còn khó khăn, hiệu quả thấp; năng lực chế biến tăng chậm do nhiều dự án sản xuất chế biến thủy sản không triển khai, giá trị xuất khẩu thủy sản mới đạt 24% mục tiêu đề ra [7], chưa khai thác hết tiềm năng nguyên liệu của địa phương từ khai thác và nuôi trồng thủy sản, nhất là tôm nuôi là lợi thế của tỉnh để phục vụ cho chế biến xuất khẩu; một số dự án đầu tư cơ sở hạ tầng vùng nuôi tôm chậm hoàn thành, tình trạng ô nhiễm môi trường vùng nuôi chậm khắc phục.

d) Phát triển kinh tế nông thôn:

Được đầu tư toàn diện hơn, vừa đầu tư kết cấu hạ tầng thiết yếu, vừa hỗ trợ phát triển sản xuất và nâng cao dân trí cho người dân; chương trình giao thông nông thôn được quan tâm chỉ đạo, tổ chức triển khai đồng bộ, trong 5 năm đã huy động trên 280 tỷ đồng từ nhiều nguồn vốn [8], đầu tư 262 tuyến đường giao thông nông thôn, với chiều dài 258,3 km và 14 cầu ở nông thôn, đến nay đã có 100% xã có đường ô tô đến trung tâm xã thông suốt quanh năm, hầu hết các cầu tạm bợ ở các vùng sâu, vùng xa được đầu tư thay mới tạo thuận lợi cho giao thương hàng hóa và đi lại của nhân dân ở miền núi đi lại và giao thương hàng hóa thuận lợi; 80% đường huyện lộ và 85% tuyến đường trong nội thị, đường liên phường, khu phố ở các đô thị được nhựa hóa, 40% đường liên thôn được bê tông hóa; chương trình mục tiêu quốc gia về nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn đạt kết quả tích cực, đầu tư trên 279 tỷ đồng/41 công trình, cấp nước sinh hoạt cho 122 nghìn người, đạt tỷ lệ 79% (năm 2005 là 54%); môi trường nông thôn có bước cải thiện, tỷ lệ hộ gia đình có công trình hợp vệ sinh đạt 57%, 34,9% số hộ chăn nuôi có chuồng trại hợp vệ sinh, có 16/47 xã tổ chức thu gom rác thải tập trung; nét mới là đã đầu tư trên 150 tỷ đồng triển khai 9 công trình giảm nhẹ thiên tai ở các vùng xung yếu, ven biển, ven sông, bảo đảm an toàn tính mạng và tài sản cho nhân dân trong mùa mưa bão. Quan hệ kinh tế hợp tác ở nông thôn có bước phát triển thông qua thực hiện liên kết 4 nhà trong sản xuất, tiêu thụ sản phẩm cho nông dân, mô hình liên kết trong khai thác thủy sản và nuôi tôm theo tổ cộng đồng đang được phát huy hiệu quả và nhân rộng.

3. Công nghiệp - xây dựng:

Giá trị sản xuất toàn ngành công nghiệp - xây dựng tăng 17,7%/năm, trong đó công nghiệp tăng bình quân 11,9%/năm.

a) Sản xuất công nghiệp phát triển đúng hướng và đạt được một số kết quả nhất định, công nghiệp chế biến luôn giữ vai trò động lực cho tăng trưởng ngành công nghiệp và thúc đẩy công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp nông thôn, tỷ trọng công nghiệp chế biến chiếm 74,8% giá trị toàn ngành, bước đầu đã hình thành một số sản phẩm công nghiệp có lợi thế như sản xuất muối công nghiệp với quy mô lớn nhất nước gần 4.000 ha, chiếm 50% sản lượng của cả nước; công nghiệp chế biến nông thủy sản, sản xuất vật liệu xây dựng và công nghiệp sử dụng nhiều lao động tiếp tục được mở rộng quy mô sản xuất như chế biến nhân điều tăng từ 6.500 tấn/năm lên 9.000 tấn/năm, gạch Tuynen nâng công suất từ 30 triệu viên/năm lên 120 triệu viên/năm, xi măng quy mô 750 nghìn tấn/năm, may mặc nâng quy mô từ 1 triệu sản phẩm/năm lên 2,5 triệu sản phẩm/năm; một số dự án quy mô lớn đang triển khai sẽ tạo tăng trưởng cho giai đoạn tới như nhà máy bia 50 triệu lít, nhà máy sản xuất muối cao cấp quy mô 200 nghìn tấn/năm và một số dự án khai thác thế mạnh của tỉnh về năng lượng như điện gió, điện mặt trời, chế biến Ti tan được nhiều nhà đầu tư quan tâm.

Tiêu thủ công nghiệp phát triển ổn định, giá trị sản xuất tăng bình quân 14%/năm và chiếm 21% giá trị ngành công nghiệp; chương trình khuyến công giai đoạn 2008 - 2012 được triển khai và đề án phát triển làng nghề - du lịch đã góp phần thúc đẩy các sản phẩm làng nghề

truyền thống phát triển, như gồm Bầu Trúc, dệt Thổ Cẩm Chung Mỹ, Mỹ Nghiệp; phát triển một số làng nghề có quy mô sản phẩm lớn và có lợi thế như chế biến cá khô, chế biến nước mắm, góp phần tạo việc làm cho lao động nông thôn.

Về Đầu tư hạ tầng công nghiệp: Quy hoạch đầu tư phát triển 2 khu công nghiệp trọng điểm phía Bắc và Phía Nam quy mô 800 ha và 2 cụm công nghiệp Thành Hải và Tháp Chàm; tập trung triển khai đầu tư các công trình phục vụ sản xuất công nghiệp như cấp nước, thoát nước, hạ tầng khu, cụm công nghiệp, với tổng vốn trên 680 tỷ đồng, đến nay 2 cụm công nghiệp Thành Hải và Tháp Chàm cơ bản hoàn thành đầu tư cơ sở hạ tầng thu hút 12 dự án đầu tư đang triển khai, trong đó có 7 dự án đã đi vào hoạt động, tiếp tục triển khai đầu tư mở rộng cụm công nghiệp Thành Hải quy mô trên 40 ha; riêng 2 khu công nghiệp đang triển khai giai đoạn I với tiến độ quá chậm, không hoàn thành theo tiến độ đề ra. Hoàn thành đầu tư giai đoạn I khu sản xuất muối công nghiệp và xuất khẩu Quán Thẻ đi vào hoạt động năm 2009 (600 ha) và đang triển khai thi công giai đoạn II (1.700 ha) hoàn thành trong năm 2011, sẽ tạo ra năng lực sản xuất mới trên 150 nghìn tấn muối/năm và tiếp tục triển khai đồng muối Bắc Quán Thẻ 650 ha sau năm 2011.

Hạn chế lớn nhất của ngành công nghiệp đó là: Tốc độ tăng trưởng đạt thấp so với chỉ tiêu KH 5 năm (đạt 50% chỉ tiêu KH 5 năm) và thấp hơn giai đoạn 2001 - 2005 (18%/năm); quy mô ngành công nghiệp nhỏ, tỷ trọng công nghiệp trong GDP còn thấp và có xu hướng giảm (năm 2005 chiếm 14,6%, năm 2010 chiếm 12,7%, giảm 1,9%), công nghiệp chế biến còn chiếm tỷ trọng thấp và không đạt mục tiêu đề ra, năm 2005 chiếm 76%, đến năm 2010 còn 74,8% (mục tiêu là 85%).

Nguyên nhân: Năng lực sản xuất mới tăng chậm, sản phẩm công nghiệp có giá trị gia tăng cao còn ít, nhiều dự án đầu tư trọng điểm ngành công nghiệp chậm triển khai, trong đó có 2 khu công nghiệp Du Long và Phước Nam do một số nhà đầu tư thiếu năng lực tài chính và thiếu quyết tâm đầu tư, năng lực tài chính một số nhà đầu tư chưa tương xứng với quy mô dự án đầu tư, cùng với tình hình khó khăn do khủng hoảng tài chính toàn cầu đã ảnh hưởng trực tiếp đến tiến độ triển khai các dự án.

b) Về Xây dựng: Công tác quy hoạch xây dựng và quản lý đô thị có chuyển biến tích cực, đã hoàn thành 60 đồ án quy hoạch chi tiết; công tác quản lý trật tự xây dựng đô thị được tăng cường, tổ chức kiểm tra 576 công trình xây dựng và nhà ở riêng lẻ, kiên quyết xử lý 376 trường hợp sai phạm; năng lực ngành xây dựng có bước phát triển, tăng thêm 89 doanh nghiệp so với năm 2005 (162 doanh nghiệp), một số doanh nghiệp đầu tư trang thiết bị, đổi mới công nghệ bảo đảm năng lực thi công một số công trình có quy mô lớn, yêu cầu kỹ thuật phức tạp.

Chủ trương đô thị hóa được thực hiện đồng bộ, từ khâu quy hoạch gắn với các dự án đầu tư hạ tầng như cấp thoát nước, giao thông đô thị và phát triển khu đô thị mới. Trong các năm qua, đã tập trung đầu tư trên 795 tỷ đồng, triển khai 27 công trình, dự án, hoàn thành đưa vào sử dụng Nhà máy cấp nước Tháp Chàm công suất 52.000m³/ngày - đêm, Dự án cấp nước Phước Dân và khu công nghiệp Phước Nam công suất 30.000 m³/ngày - đêm, nâng tổng lượng cấp nước

trên địa bàn tỉnh lên 104.000 m³/ngày - đêm, đến nay có 95% dân số đô thị được cấp nước sạch; triển khai dự án thoát nước Thành phố Phan Rang - Tháp Chàm và 02 thị trấn Phước Dân, Khánh Hải. Hạ tầng giao thông đô thị tiếp tục được mở rộng và nâng cấp, tập trung đầu tư một số tuyến đường nội thị; đã hoàn thành đầu tư cơ sở hạ tầng 3 khu dân cư mới, diện tích 63,4 ha; một số dự án khu đô thị mới có quy mô lớn đang được các nhà đầu tư quan tâm đăng ký đầu tư như Khu đô thị mới K1 (diện tích 55 ha), Khu đô thị mới K2 (diện tích 52ha), Khu dân cư D2 - D7 (diện tích 38ha), Khu đô thị mới Đông Văn Sơn - Bắc Bình Sơn (diện tích 100ha); cảnh quang môi trường đô thị được quan tâm thực hiện tốt hơn, bộ mặt đô thị ngày càng khang trang, đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Triển khai đề án phát triển nhà ở xã hội đạt kết quả bước đầu, hoàn thành đưa vào sử dụng 87 căn hộ chung cư Nguyễn Văn Trỗi và Chung cư C5, kêu gọi các thành phần kinh tế đầu tư 3 dự án xây dựng nhà ở xã hội khác, với tổng vốn 162 tỷ đồng xây dựng trên 600 phòng ở.

4. Đối với khu vực dịch vụ:

Tốc độ tăng trưởng đạt khá, giá trị sản xuất tăng bình quân 11%/năm, chiếm 35,2% GDP của tỉnh.

a) Hoạt động thương mại: Có bước chuyển biến tích cực, hạ tầng thương mại được quan tâm đầu tư, phát triển nhiều loại hình kinh doanh dịch vụ mới, nhiều nhà phân phối lớn đã triển khai đầu tư trên địa bàn như Saigon Co.op Mart, Tổng Đại lý xăng dầu, xi măng; thương mại miền núi phát triển khá tạo lưu thông hàng hóa thông suốt giữa các vùng miền; chương trình phát triển chợ đạt một số kết quả bước đầu, xã hội hóa đầu tư phát triển chợ được đẩy mạnh, trong 5 năm, huy động nhiều nguồn vốn đầu tư trên 52,6 tỷ đồng, hoàn thành và đưa vào sử dụng 39 dự án chợ, trong đó: Vốn xã hội hoá là 35.620 triệu đồng, chiếm 67,6%; nâng tổng số đến nay toàn tỉnh có 101 chợ, 03 siêu thị (02 siêu thị chuyên doanh và 01 siêu thị tổng hợp); tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ năm 2010 đạt 6.390,8 tỷ đồng, tăng bình quân 24,6%/năm, tăng gấp 3 lần so với năm 2005 và vượt 1,7 lần chỉ tiêu KH 5 năm đề ra (3.800 tỷ đồng).

Tuy nhiên, hoạt động thương mại trên địa bàn vẫn là kênh bán lẻ chiếm hơn 70%, chưa hình thành các kênh phân phối cấp I, đã ảnh hưởng không ít đến công tác chỉ đạo, quản lý nhà nước về thị trường, nhất là trong bối cảnh thực hiện chủ trương bình ổn giá cả tiêu dùng trong điều kiện lạm phát tăng cao trong những năm gần đây, thị trường nông thôn vẫn chưa được quan tâm đầu tư của các doanh nghiệp.

b) Về du lịch: Thế mạnh về du lịch biển đang được tập trung khai thác với nhiều dự án quy mô lớn được triển khai, mở thêm nhiều tuyến du lịch bước đầu đã gắn kết các tour du lịch biển với các điểm du lịch văn hóa (tháp Po Klong Garai, làng nghề truyền thống), đã thu hút hơn 700 nghìn lượt du khách tăng gấp 3,1 lần năm 2005, lượng khách tăng bình quân 25,7%/năm, trong đó khách quốc tế tăng 33,6%/năm, thời gian lưu trú đạt 1,9 ngày/lượt - người (tăng 0,3 ngày so với năm 2005), doanh thu du lịch tăng bình quân 20,9%/năm.

Hạ tầng du lịch được quan tâm đầu tư, trong 5 năm qua, tỉnh đã tập trung đầu tư cơ sở hạ tầng để phát triển 5 khu du lịch biển trọng điểm theo quy hoạch, đã huy động nhiều nguồn vốn đầu tư trên 291 tỷ đồng triển khai 7 công trình giao thông đến các khu du lịch và tiếp tục triển khai tuyến đường ven biển từ Bình Tiên đến Cà Ná, các cơ sở hạ tầng về cấp điện, cấp nước được mở rộng đến các khu du lịch, cơ sở hạ tầng của làng nghề truyền thống được quan tâm đầu tư hoàn thành nhanh và đồng bộ, bước đầu hình thành các điểm thu hút khách du lịch; nhờ vậy mà trong những năm qua, đã thu hút các thành phần kinh tế tham gia đầu tư phát triển du lịch, một số dự án có quy mô lớn đã cấp giấy chứng nhận đầu tư, một số dự án đã hoàn thành, góp phần tăng năng lực sản xuất ngành du lịch như Khách sạn Sài Gòn - Ninh Chữ (4 sao), Khu Resort Long Thuận (3 sao) và 6 khách sạn Mini, với tổng vốn đầu tư trên 250 tỷ đồng, và 18 dự án đang triển khai đầu tư tổng vốn 7.800 tỷ đồng, trong đó một số dự án quy mô lớn như khu du lịch Bình Tiên, khu du lịch sinh thái Nam Núi Chúa, khu du lịch Bãi Thùng...và một số dự án tại khu du lịch Bình Sơn - Ninh Chữ.

Tuy nhiên tốc độ tăng trưởng ngành du lịch chưa tương xứng với tiềm năng và lợi thế của tỉnh, nhất là lợi thế về du lịch biển, một số dự án du lịch quy mô lớn chậm hoàn thành, tỷ trọng ngành du lịch còn chiếm thấp trong GDP của tỉnh [9], chất lượng dịch vụ còn thấp, cơ sở hạ tầng phục vụ phát triển du lịch chưa được đầu tư đồng bộ, nhất là các tuyến đường giao thông kết nối với các khu du lịch trọng điểm, cung cấp điện, nước còn nhiều bất cập, thiếu đồng bộ. Chủ trương đưa du lịch Ninh Thuận vào chương trình trọng điểm du lịch của cả nước chưa thực hiện được, kết quả triển khai quy hoạch phát triển 5 khu du lịch trọng điểm còn hạn chế, một số dự án du lịch có quy mô lớn chậm triển khai hoàn thành, năng lực sản xuất mới của ngành du lịch tăng chậm, chưa hình thành được một số khu du lịch cao cấp, khách sạn đạt chuẩn 5 sao có sức cạnh tranh cao; năm 2009 do tác động của khủng hoảng tài chính và suy giảm kinh tế toàn cầu đã ảnh hưởng đến chỉ tiêu thu hút khách du lịch, mới đạt 92% chỉ tiêu KH 5 năm (700 - 800 nghìn khách).

c) Dịch vụ vận tải: Có nhiều tiến bộ, đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu đi lại và giao lưu hàng hóa của nhân dân, chất lượng dịch vụ được nâng lên, phương tiện hiện đại được đầu tư, hoạt động vận tải hành khách công cộng được mở rộng đến các địa bàn trong tỉnh, đáp ứng nhu cầu đi lại cho 4.500 - 5.000 lượt hành khách/ngày. So với năm 2005, năng lực vận tải tăng thêm gần 2.265 xe, đến cuối năm 2010 toàn tỉnh có 4.073 xe, khối lượng luân chuyển hành khách tăng bình quân 16,3%/năm, luân chuyển hàng hóa tăng bình quân 12%/năm.

Xã hội hóa trong đầu tư bến xe tỉnh, huyện đạt kết quả tích cực, trong các năm qua đã thu hút các thành phần kinh tế đầu tư xây dựng bến xe Phan Rang, bến xe huyện Ninh Sơn, cơ bản đã xóa tình trạng xe dù, bến cóc, bước đầu lập lại trật tự giao thông đường bộ, tạo thuận lợi cho việc đi lại người dân, đưa hoạt động vận tải trên địa bàn tỉnh đi vào nề nếp.

Hạ tầng giao thông được quan tâm đầu tư, trong 5 năm đã huy động nhiều nguồn vốn đầu tư trên 1.325 tỷ đồng, triển khai thi công 25 tuyến đường quan trọng tạo động lực phát triển kinh tế xã hội, đến nay có 14 tuyến đường đã cơ bản hoàn thành, 11 tuyến đường đang triển khai thi công, một số công trình trọng điểm đã hoàn thành công tác chuẩn bị đầu tư hoặc đang chuẩn bị

để khởi công trong 2011 tạo kết nối để khai thác tối đa lợi thế kinh tế vùng cho phát triển của địa phương, như tuyến đường ven biển từ Bình Tiên đến Cà Ná, nâng cấp mở rộng tuyến Quốc lộ 1A đoạn từ sân bay Quốc tế Cam Ranh đến thành phố Phan Rang - Tháp Chàm. Nhìn chung hạ tầng giao thông của tỉnh còn nhiều hạn chế, thiếu đồng bộ, nhiều dự án trọng điểm chậm được triển khai.

Tuy nhiên dịch vụ vận tải của tỉnh có quy mô nhỏ, chiếm tỷ trọng thấp trong GDP của tỉnh (năm 2010 chiếm 2,4%); dịch vụ về vận tải biển phát triển chậm do tỉnh chưa có cảng hàng hóa; hạ tầng giao thông còn hạn chế, mật độ giao thông của tỉnh thấp nhất cả nước [10]; hạ tầng giao thông thiếu đồng bộ, các tuyến giao thông huyết mạch của tỉnh như tuyến đường ven biển mới đang được đầu tư, gây cản trở cho quá trình phát triển của tỉnh, khó khăn trong việc khai thác tiềm năng kinh tế biển, nhất là du lịch biển.

d) Dịch vụ bưu chính viễn thông: Mạng lưới bưu chính trong tỉnh được mở rộng và phát triển nhanh với nhiều loại hình dịch vụ phong phú hiện đại, đến nay toàn tỉnh có 119 điểm gồm Bưu cục, bưu điện văn hóa xã và các đại lý bưu điện; hạ tầng viễn thông phát triển theo hướng hiện đại, đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu thông tin trong nước và quốc tế, trong 5 năm đã phát triển mới 93.659 thuê bao điện thoại và 14.361 thuê bao Internet mới; nâng tổng số thuê bao điện thoại cố định và di động trả sau đạt 139,4 nghìn máy, đạt tỷ lệ 24,4 máy/ 100 dân (tăng 16,9 máy/100 dân so với năm 2005) và 14,4 nghìn thuê bao Internet, tỷ lệ dân số có sử dụng internet chiếm 22%.

e) Các loại hình dịch vụ khác tiếp tục phát triển cả quy mô và phạm vi hoạt động, chất lượng dịch vụ bảo hiểm, ngân hàng được nâng lên, chiếm tỷ trọng 3% GDP của tỉnh, tăng bình quân 26,5%/năm.

Tuy nhiên, các ngành dịch vụ có giá trị gia tăng cao còn chiếm tỷ trọng thấp trong GDP của tỉnh, như dịch vụ tài chính, dịch vụ tư vấn và kinh doanh bất động sản là những ngành có giá trị gia tăng cao và còn điều kiện phát triển.

f) Hoạt động xuất nhập khẩu: Các doanh nghiệp hoạt động xuất khẩu trong 5 năm qua đã chủ động mở rộng thị trường, đa dạng hóa sản phẩm, phát triển mặt hàng xuất khẩu mới, tổng giá trị xuất khẩu năm 2010 đạt 46,9 triệu USD, tốc độ tăng bình quân 2%/năm, đạt 46,9% mục tiêu đề ra (90 - 100 triệu USD), trong đó xuất khẩu nông sản 36,4 triệu USD chiếm 77,6%, thủy sản 7,2 triệu USD (đạt 24% mục tiêu 30 triệu USD) chiếm 15,3%; giá trị nhập khẩu đạt 11,17 triệu USD.

Hạn chế lớn nhất đó là chỉ tiêu kim ngạch xuất khẩu đạt thấp so với mục tiêu đề ra, do ảnh hưởng khủng hoảng kinh tế toàn cầu nên giá cả và thị trường tiêu thụ khó khăn hơn [11], mặt khác về phía chủ quan do chưa có chiến lược phát triển xuất khẩu tốt, quy mô sản phẩm xuất khẩu còn nhỏ, sức cạnh tranh thấp, mặt hàng xuất khẩu chủ yếu của tỉnh dựa vào mặt hàng nhân điều, nhưng phụ thuộc lớn vào nguyên liệu nhập khẩu nên không ổn định, phát triển thiếu vững chắc; đối với xuất khẩu thủy sản chưa khai thác hết tiềm năng, lợi thế về nguyên liệu của

địa phương từ khai thác và nuôi trồng thủy sản, nhất là tôm nuôi để phục vụ cho chế biến xuất khẩu, chủ yếu là bán nguyên liệu thô, giá trị xuất khẩu ngành hàng thủy sản còn chiếm tỷ trọng thấp trong kim ngạch xuất khẩu của tỉnh.

5. Hoạt động kinh tế đối ngoại và hội nhập quốc tế:

- Về Hội nhập kinh tế quốc tế: Thực hiện chủ trương chủ động trong hội nhập kinh tế, Tỉnh ủy, UBND tỉnh đã kịp thời ban hành Nghị quyết, chương trình để triển khai và đạt một số kết quả bước đầu; các ngành, các cấp đã tập trung tuyên truyền, cung cấp thông tin cho doanh nghiệp và người dân, nâng cao hiểu biết về WTO và lộ trình cam kết mở cửa thị trường để chủ động ứng phó với tác động tiêu cực từ việc gia nhập Tổ chức thương mại thế giới, cũng như tận dụng những cơ hội mang lại, nhất là về phát triển thị trường xuất khẩu, thu hút đầu tư; ban hành quy chế cung cấp thông tin về hàng rào kỹ thuật trong thương mại để tư vấn kịp thời cho người dân và doanh nghiệp, tránh thua thiệt trong quan hệ thương mại quốc tế; đồng thời phối hợp với Bộ Ngoại giao, Bộ Công thương tổ chức các Hội nghị tập huấn nâng cao năng lực cho cán bộ các ngành và địa phương về Hội nhập kinh tế quốc tế.

- Chủ trương hợp tác phát triển với các tỉnh, thành phố được triển khai, nhiều chương trình hợp tác đang phát huy hiệu quả tích cực, như hợp tác hỗ trợ kỹ thuật trong khám và điều trị bệnh ở bệnh viện tỉnh, hợp tác du lịch triển khai nhiều chương trình liên kết quảng bá du lịch hàng năm, hợp tác trong xúc tiến và thu hút đầu tư để thu hút các dự án đầu tư lĩnh vực có lợi thế như du lịch, công nghiệp biên và công nghiệp sử dụng nhiều lao động, điện gió; chủ trương hợp tác phát triển toàn diện với các tập đoàn, các tổng công ty trong và ngoài nước để khai thác tiềm năng, lợi thế của tỉnh được triển khai tích cực, nhiều Bản ghi nhớ, thỏa thuận hợp tác đầu tư đã được ký kết với các nhà đầu tư chiến lược trên các lĩnh vực năng lượng tái tạo, du lịch cao cấp, đào tạo, y tế, đang xúc tiến hợp tác với các Trường Đại học và cơ sở đào tạo có uy tín trong và ngoài nước để hình thành những cơ sở đào tạo có chất lượng cao tại tỉnh, đáp ứng yêu cầu phát triển nguồn nhân lực cho tỉnh trong giai đoạn tới và tiến tới thực hiện chủ trương xây dựng Ninh Thuận trở thành trung tâm đào tạo chất lượng trên một số lĩnh vực tỉnh có lợi thế.

- Về công tác vận động thu hút các nguồn vốn ODA: Được xác định là nguồn lực quan trọng để đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng của tỉnh; trong 5 năm 2006 - 2010, công tác vận động, thu hút các nguồn vốn ODA, NGO được quan tâm thực hiện thông qua tăng cường tiếp xúc với các Bộ ngành Trung ương, tiếp cận các nhà tài trợ, nhất là các nhà tài trợ đang có chương trình tài trợ tại tỉnh, nhờ đó tình hình thu hút vốn ODA, NGO trong những năm gần đây đã có những chuyển biến tích cực.

Trong 5 năm, đã vận động 27 dự án sử dụng vốn ODA, với tổng vốn đăng ký là 2.613 tỷ đồng, của các nhà tài trợ Ngân hàng Thế giới (WB), Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB) và các tổ chức của Liên hiệp quốc (UNFPA, UNICEF) và các nhà tài trợ song phương các nước Nhật Bản (JBIC), Pháp (AFD), Bỉ, Đan Mạch, Úc.... Tổng vốn ODA thực hiện 5 năm đạt 1.063 tỷ đồng, đạt 40,6% trên tổng vốn đăng ký. Trong đó đáng chú ý là đã vận động được một số dự

án ODA quy mô lớn đầu tư vào hệ thống cơ sở thủy lợi, giao thông như hệ thống thủy lợi vừa và nhỏ vốn AFD (tổng vốn ODA là 240 tỷ đồng, xây dựng 5 hồ chứa tổng dung tích 28,8 triệu m³); hồ Lan Ra (vương quốc Bỉ vốn ODA 117 tỷ đồng); dự án cấp nước ADB3, tổng vốn ODA 252 tỷ đồng; các dự án JBIC tổng vốn 49 tỷ đồng (đường Phước Đại - Phước Trung, Hồ Tà Ranh, nước Mỹ Tường); Dự án phát triển nông thôn tổng hợp các tỉnh miền Trung do ADB và AFD tài trợ (do Bộ NNPTNT làm chủ dự án, khoảng 7 triệu USD); các dự JICA (Kênh chính Đông Krông Pha, Đường Quốc lộ 27 đi Ma Núi); Dự án hỗ trợ Y tế vùng duyên hải Nam Trung bộ do ADB tài trợ (khoảng 4 triệu USD); dự án Nâng cao năng lực quản lý nguồn nước do Chính phủ Bỉ tài trợ (10 triệu Euro), các dự án giáo dục Trung học phổ thông, trung học cơ sở do ADB và WB tài trợ...

Ngoài ra còn một số dự án đã hoàn tất thủ tục bắt đầu triển khai trong năm 2011 như dự án phát triển nông nghiệp bền vững do IFAD tài trợ (12 triệu USD); đồng thời đang hoàn tất thủ tục đăng ký các dự án ODA mới, dự kiến triển khai giai đoạn 2011 - 2015 như: Dự án trường Trung cấp nghề tỉnh đăng ký tài trợ của Ả Rập Xê Út và Đức (11,2 triệu USD), dự án phát triển hạ tầng nông thôn hai huyện Ninh Sơn và Ninh Hải do OFID tài trợ, dự án thoát nước thành phố Phan Rang - Tháp Chàm; dự án phát triển toàn diện kinh tế xã hội thành phố Phan Rang - Tháp Chàm do ADB tài trợ ...

- Về công tác vận động tài trợ của các Tổ chức phi chính phủ nước ngoài (NGO): Đổi mới phương thức vận động, chủ động trong xây dựng chương trình, chuẩn bị tốt nội dung dự án để vận động đúng theo các tiêu chí của các nhà tài trợ, tổ chức thành công nhiều Hội thảo về tăng cường sự hợp tác giữa tỉnh Ninh Thuận và các tổ chức quốc tế, tổ chức phi chính phủ nước ngoài, duy trì thường xuyên việc tổ chức gặp mặt các nhà tài trợ phi chính phủ nước ngoài hàng năm. Trong 5 năm đã vận động trên 20 nhà tổ chức phi Chính phủ triển khai 36 dự án, vốn thực hiện là 3,5 triệu USD, trong đó có nhiều dự án thời gian thực hiện 3 - 4 năm, lĩnh vực viện trợ chủ yếu là hỗ trợ nâng cao năng lực cho người dân xóa đói giảm nghèo, vấn đề y tế, bảo vệ môi trường, bảo trợ xã hội cho người khuyết tật, lĩnh vực mới là nâng cao năng lực chính quyền các cấp trong đổi mới chính sách tài chính công và lập kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội.

Tuy nhiên, mặt còn hạn chế là đội ngũ làm công tác vận động vừa thiếu về số lượng và hạn chế về năng lực, phần lớn các dự án có quy mô nhỏ, thời gian thực hiện ngắn, địa bàn chưa được mở rộng, nhiều xã nghèo, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn chưa có dự án thực hiện.

6. Phát triển các thành phần kinh tế:

a) Đổi mới và nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước:

Đến nay toàn tỉnh đã cơ bản đã hoàn thành chương trình đổi mới và sắp xếp doanh nghiệp giai đoạn 2005 - 2010 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, trong đó có 23 doanh nghiệp nhà nước đã cổ phần hoá, 4 doanh nghiệp chuyển sang loại hình Công ty TNHH một thành viên, 2

doanh nghiệp thực hiện hình thức bán và giải thể; hầu hết các doanh nghiệp sau cổ phần hoá đều hoạt động có hiệu quả, đầu tư mở rộng sản xuất, tạo sản phẩm mới, bảo đảm được việc làm và nâng cao thu nhập cho người lao động;

b) Phát triển doanh nghiệp các thành phần kinh tế: Thực hiện nhất quán chủ trương phát triển kinh tế nhiều thành phần, tạo môi trường thuận lợi cho các thành phần kinh tế phát triển sản xuất kinh doanh và đầu tư; trong 5 năm từ năm 2006 - 2010, số doanh nghiệp đăng ký thành lập mới tăng nhanh cả về số lượng và quy mô, hoạt động đa ngành nghề, có 1.146 doanh nghiệp thành lập mới và đang hoạt động, vốn đăng ký gần 9.200 tỷ đồng, nâng tổng số đến nay có 1.857 doanh nghiệp tăng gấp 3,2 lần và vốn đăng ký 10.027 tỷ đồng gấp 14 lần giai đoạn 2001 - 2005, tốc độ tăng trưởng khu vực kinh tế tư nhân tăng bình quân 11,5%, đóng góp 67,8% GDP và 50% thu ngân sách của tỉnh và giải quyết việc làm cho trên 40.000 lao động tại địa phương.

c) Phát triển thành phần kinh tế tập thể: Trong 5 năm, phát triển 38 Hợp tác xã với gần 12.000 xã viên, 01 Liên hiệp HTX. Đến nay toàn tỉnh có 77 HTX đang hoạt động với 29.678 xã viên, 3.120 tổ hợp tác, chủ yếu là HTX dịch vụ trong nông nghiệp chiếm 44%, một số mô hình HTX làm dịch vụ nông nghiệp có hiệu quả được nhân rộng; vai trò của kinh tế tập thể ngày càng được khẳng định, đóng góp đáng kể vào tăng trưởng chung của tỉnh (chiếm 11% GDP), đặc biệt góp phần tích cực trong việc triển khai các chủ trương, chính sách của nhà nước, chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn, thực hiện tốt vai trò xóa đói giảm nghèo.

7. Tài chính, ngân hàng:

a) Quản lý và sử dụng ngân sách:

- Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn trong 5 năm đạt 2.586,2 tỷ đồng, tăng bình quân hàng năm 27,3 %/năm, riêng năm 2010 đạt 883,7 tỷ đồng, đạt 147,3% mục tiêu đề ra (550 - 600 tỷ đồng); tỷ lệ huy động GDP vào ngân sách đạt 13,2% (mục tiêu là 11 - 12%); cơ cấu nguồn thu chuyển dịch tích cực, nguồn thu từ thuế tăng từ 67% năm 2005 lên 88,5% năm 2010 (tăng 26%/năm), các khoản thu từ đất chiếm 23,3% năm 2005, giảm còn 5,3% năm 2010, nguồn thu từ phí, lệ phí chiếm gần 9,7% năm 2005 giảm còn 6,2% năm 2010; đã phát triển được nguồn thu mới từ dịch vụ nhập khẩu xăng dầu; năm 2009 đã thành lập và đưa vào hoạt động Chi nhánh Hải quan Ninh Thuận, tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp trong việc lập thủ tục xuất nhập khẩu hàng hóa và đóng góp đáng kể cho ngân sách nhà nước (năm 2009: 75 tỷ đồng, năm 2010: 235 tỷ đồng).

- Tổng chi cân đối ngân sách 5 năm đạt 8.353 tỷ đồng, tăng bình quân hàng năm 15,7%, trong đó chi đầu tư phát triển 3.416,5 tỷ đồng, tăng bình quân 19%/năm; tiếp tục đẩy mạnh phân cấp ngân sách, giao quyền quản lý kinh phí sự nghiệp và chi đầu tư cho các huyện, thành phố; thực hiện giao quyền tự chủ tài chính cho các cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công, bước đầu tạo quyền chủ động trong chi ngân sách và tiết kiệm chi cho các đơn vị địa phương. Công tác quản lý tài sản công được đẩy mạnh, công khai quản lý tài sản và định mức trong mua sắm tài sản công để tiết kiệm và quản lý sử dụng có hiệu quả.

b) Tín dụng, ngân hàng: Hệ thống ngân hàng thương mại và ngân hàng chính sách xã hội được mở rộng đến các địa bàn trong tỉnh, các khu công nghiệp, vùng đông dân cư, đáp ứng tốt hơn nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, đến nay hệ thống tổ chức tín dụng trên địa bàn tỉnh nâng lên 12 đơn vị [12]. Ngành ngân hàng đã thực hiện tốt chủ trương, chính sách tiền tệ của Chính phủ trong kiềm chế lạm phát tăng cao năm 2008 và tình hình khủng hoảng tài chính năm 2009, năm 2010.

Đến cuối năm 2010, tổng dư nợ tín dụng cho vay đạt 5.800 tỷ đồng tăng bình quân 24,2%/năm[13], dư nợ ngân hàng chính sách xã hội cho vay theo 9 chương trình của Chính phủ đạt 873,6 tỷ đồng, tăng bình quân 35%/năm, trong đó dư nợ cho vay hộ nghèo chiếm 47%, đạt 283 tỷ đồng cho 39.352 hộ được vay vốn.

8. Công tác quy hoạch, đầu tư phát triển:

a) Công tác quy hoạch: Được triển khai đồng bộ, bước đầu đã đổi mới trong tư duy và phương pháp tiếp cận, là nền tảng cơ bản để thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội theo hướng bền vững; hầu hết các huyện thành phố đã hoàn thành kịp thời quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2010, quy hoạch chung xây dựng đô thị và điểm dân cư nông thôn, quy hoạch xây dựng 5 vùng huyện; Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường, quy hoạch sử dụng đất đai; các ngành, lĩnh vực, sản phẩm chủ yếu đều đã lập quy hoạch, 65% diện tích đất đô thị ở thành phố Phan Rang - Tháp Chàm và 35% đất đô thị ở các huyện đã có quy hoạch, 49/65 xã phường có quy hoạch chi tiết sử dụng đất, là những thuận lợi cơ bản để thu hút đầu tư; đồng thời tỉnh đã chủ động kiến nghị trung ương bổ sung vào quy hoạch chung của cả nước những ngành, lĩnh vực tỉnh có lợi thế để phát triển kinh tế của địa phương như quy hoạch 2 khu công nghiệp Du Long và Phước Nam, quy hoạch điện gió, quy hoạch phát triển đồng muối, quy hoạch cảng Dốc Hầm vào hệ thống cảng biển Miền Trung, quy hoạch khôi phục tuyến đường sắt Đà Lạt - Tháp Chàm.

Để đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh trong tình hình mới, được sự đồng ý của Thủ tướng Chính phủ, UBND tỉnh đã thuê tư vấn nước ngoài lập 3 quy hoạch trọng điểm của tỉnh, trong đó Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh đến năm 2020 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, riêng quy hoạch chung xây dựng thành phố Phan Rang - Tháp Chàm và quy hoạch phát triển dải ven biển đang hoàn thiện giai đoạn cuối nhằm đón nhận những giá trị mới, những cơ hội mới của quá trình toàn cầu hóa mang lại, tạo động lực phát triển kinh tế của tỉnh trong giai đoạn tới.

b) Đầu tư phát triển:

Tổng vốn đầu tư toàn xã hội tăng khá, trong 5 năm đạt 17.745 tỷ đồng (vượt 61,3% mục tiêu Nghị quyết), tăng bình quân 32%/năm, cơ cấu đầu tư được chuyển dịch tích cực. Trong đó nguồn vốn thuộc ngân sách nhà nước đạt 7.080 tỷ đồng, chiếm 39,9% tổng vốn, tăng bình quân 19,5%/năm; vốn của các thành phần kinh tế và dân cư (bao gồm cả tín dụng thương mại) đạt 10.665 tỷ đồng, chiếm 60,1% tổng vốn, tăng bình quân 41,7%/năm.

- **Đối với các nguồn vốn ngân sách nhà nước:** Nhờ tranh thủ tối đa sự hỗ trợ Chính phủ và các Bộ, ngành trung ương thông qua các chương trình hỗ trợ có mục tiêu của Chính phủ, bổ sung thêm nguồn vốn trái phiếu Chính phủ, ứng trước kế hoạch vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước của các năm sau, nguồn vốn tín dụng nhà nước, vay Kho bạc, cùng với nguồn vốn đầu tư ngân sách tỉnh cân đối hàng năm, trong 5 năm qua, đã huy động đầu tư 7.080 tỷ đồng, gấp 3,5 lần giai đoạn 2001 - 2005, trong đó vốn các Bộ ngành Trung ương đầu tư trên địa bàn chiếm gần 22%, vốn trái phiếu Chính phủ chiếm 20%, vốn ngân sách do tỉnh quản lý chiếm gần 50% và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác khoảng 8%; tập trung đầu tư kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội của tỉnh và đầu tư cho mục tiêu giải quyết an sinh xã hội; một số công trình trọng điểm của tỉnh trong kế hoạch 5 năm 2006 - 2010 về giao thông, thủy lợi, cấp nước, thoát nước và các công trình văn hóa - xã hội thiết yếu khác đều được triển khai đầu tư, trong đó có một số dự án quy mô lớn là những dự án động lực phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh như hệ thống thủy lợi Tân Mỹ công suất 219 triệu m³ đang triển khai thi công và 4 hồ chứa nước khác có dung tích gần 60 triệu m³ đã hoàn thành, tăng diện tích tưới cho 4.200 ha đất nông nghiệp, tuyến đường ven biển từ Bình Tiên đến Cà Ná dài 116 km, trong đó 4 dự án thành phần đã được khởi công và đang đẩy nhanh tiến độ thi công; các dự án cấp nước Phan Rang - Tháp Chàm công suất 52.000 m³ /ngày đêm và cấp nước khu công nghiệp Phước Nam quy mô 30.000 m³/ngày - đêm đã đầu tư hoàn thành; bệnh viện Đa khoa tỉnh quy mô 500 giường và một số công trình văn hóa lớn của tỉnh như tượng đài, nhà bảo tàng tỉnh đã hoàn thành, góp phần phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Hình thức đầu tư có nhiều nét mới, một số công trình đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội quan trọng đã thực hiện hình thức xã hội hóa, như cầu An Đông, khu du lịch, đô thị, công viên biển Bình Sơn - Ninh Chữ, sẽ góp phần cải thiện nhanh cơ sở hạ tầng đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh trong giai đoạn tới.

- **Đối với đầu tư các thành phần kinh tế:** Phát triển kinh tế nhiều thành phần luôn được tỉnh quan tâm chỉ đạo thực hiện, trong 5 năm qua đã triển khai đầy đủ, kịp thời các chính sách khuyến khích, ưu đãi đầu tư và được áp dụng ở mức cao nhất theo khung quy định của Chính phủ; đồng thời đẩy mạnh công tác vận động xúc tiến đầu tư, đã tổ chức thành công Hội nghị xúc tiến đầu tư vào tỉnh năm 2009; kết hợp với việc thành lập và đưa vào hoạt động Văn phòng Phát triển Kinh tế trực thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư, môi trường đầu tư của tỉnh có bước cải thiện rõ nét, năng lực cạnh tranh cấp tỉnh được nâng lên, năm 2006, chỉ số PCI của Ninh Thuận xếp vị trí 53/63 tỉnh, thành phố, thuộc nhóm tương đối thấp, năm 2010, chỉ số PCI của tỉnh xếp vị trí thứ 41/63 xếp trong nhóm các tỉnh khá, nâng lên 7 bậc so với năm 2009 và tăng lên 12 bậc so với năm 2006;

Nhờ triển khai các giải pháp huy động vốn của các thành phần kinh tế, trong 5 năm, huy động vốn đầu tư của các thành phần kinh tế có chuyển biến tích cực, tổng vốn huy động 10.655 tỷ đồng, gấp 4,3 lần giai đoạn 2001 - 2005; đã có 107 dự án được cấp Giấy chứng nhận đầu tư, với tổng vốn đăng ký 20.763 tỷ đồng (17 dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài, với tổng vốn 5.473 tỷ đồng); quy mô đầu tư ngày càng lớn, lĩnh vực đầu tư đa dạng hơn, tập trung các lĩnh vực tỉnh có lợi thế của tỉnh như năng lượng sạch, du lịch, sản xuất nông nghiệp, thủy sản và một số

lĩnh vực đầu tư mới đang được nhiều đầu tư quan tâm đăng ký đầu tư như khu đô thị mới, giáo dục, y tế, dạy nghề, riêng lĩnh vực phong điện đến nay đã có 12 dự án đã được UBND tỉnh chấp thuận chủ trương địa điểm, trong đó có 6 dự án đã được cấp giấy chứng nhận đầu tư quy mô 525 MW, tổng vốn đăng ký gần 17.700 tỷ đồng. Nét mới nổi lên trong thu hút đầu tư giai đoạn này, là số lượng dự án thu hút ngày càng tăng thuộc các tập đoàn kinh tế, các tổng công ty có uy tín, có thương hiệu đăng ký đầu tư, một số dự án được cấp giấy chứng nhận đầu tư. Đã có 42 dự án đẩy nhanh tiến độ hoàn thành đưa vào hoạt động, trong đó có 15 dự án thuộc lĩnh vực công nghiệp - xây dựng, 11 dự án thuộc lĩnh vực thương mại, dịch vụ, 5 dự án thuộc lĩnh vực nông - lâm - thủy sản và 11 dự án FDI; một số dự án đẩy nhanh tiến độ hoàn thành trong năm 2011 tạo tăng trưởng cho các năm tới như Khu liên hiệp chế biến muối cao cấp quy mô 200 nghìn tấn/năm (giai đoạn II), chế biến muối tinh, các dự án chế biến đá granite, khu du lịch Nam Núi Chúa, nhà máy bao bì, sản xuất giống thủy sản Việt - Úc....

9. Phát triển kinh tế - xã hội miền núi:

Kinh tế - xã hội miền núi có chuyển biến trên nhiều mặt, nhất là cơ sở hạ tầng thiết yếu và phát triển sản xuất, từng bước nâng cao chất lượng cuộc sống cho nhân dân thông qua triển khai các chương trình, dự án của Chính phủ. Công tác khuyến nông, khuyến lâm được đẩy mạnh, chuyển giao kỹ thuật sản xuất và tiêu thụ các sản phẩm nông nghiệp cho đồng bào miền núi, đến nay các xã miền núi đã tự túc được lương thực, sản lượng lương thực bình quân đạt 350 kg/người.

Kết cấu hạ tầng các xã miền núi được ưu tiên đầu tư bằng nhiều nguồn vốn, hỗ trợ xây dựng gần 5.000 căn nhà cho đồng bào dân tộc thiểu số, trong đó hỗ trợ từ chương trình 62 huyện nghèo của Chính phủ trên 900 căn nhà, khai hoang đất sản xuất gần 700 ha hỗ trợ cho đồng bào dân tộc thiểu số có đất sản xuất ổn định đời sống, 100% số xã có điện, đường giao thông đến trung tâm xã thông suốt quanh năm, 100 % số thôn có điện lưới quốc gia và 79% số hộ được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh, 100% xã có trạm y tế và có trên 50% trạm y tế xã có bác sỹ, tỷ lệ hộ nghèo giảm còn 40%.

Tiếp tục duy trì chính sách cử tuyển đào tạo giáo viên cho con em là người dân tộc, thực hiện tốt chính sách bảo hiểm y tế cho người nghèo, hỗ trợ vốn tín dụng ưu đãi và hỗ trợ kinh phí cho học sinh hộ nghèo các cấp học mẫu giáo, TH, THCS, THPT các xã thuộc chương trình 135, đầu tư công trình giảm nhẹ thiên tai ở các vùng xung yếu, vùng thường bị thiên tai, sạt lở như Ma Nai (Bác Ái), Tầm Ngân (Ninh Sơn); đời sống vật chất, tinh thần của đồng bào dân tộc thiểu số từng bước được nâng lên, trình độ dân trí có tiến bộ, hưởng thụ văn hoá của nhân dân được cải thiện tốt hơn.

II. VỀ LĨNH VỰC VĂN HÓA – XÃ HỘI:

Được quan tâm đúng mức, các mục tiêu xã hội được thực hiện tốt, từng bước nâng cao đời sống vật chất, tinh thần và mức hưởng thụ văn hóa cho nhân dân:

1. Giáo dục - Đào tạo:

a) Về Giáo dục: Chủ trương nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện được thực hiện tốt, quy mô giáo dục được duy trì, mạng lưới trường lớp học được mở rộng đến các vùng, miền, đáp ứng nhu cầu học tập cho con em trong tỉnh, đến nay hầu hết các cụm dân cư đều có trường Tiểu học hoặc điểm trường, 87,7% xã, phường có trường Trung học cơ sở, các huyện đều có trường trung học phổ thông; đào tạo chuẩn hoá đội ngũ giáo viên đạt 93%, giáo dục miền núi được quan tâm, công tác đào tạo cử tuyển được thực hiện tốt, đã cử 359 con em là người dân tộc thiểu số đi đào tạo hệ Đại học, Cao đẳng và dự bị Đại học, đào tạo 73 giáo sinh Tiểu học, mầm non thiểu số và tiếp tục đào tạo giai đoạn II cho 68 giáo sinh từng bước đáp ứng nhu cầu giáo dục tại chỗ cho các xã miền núi; triển khai cuộc vận động “hai không và 4 nội dung” của ngành Giáo dục - Đào tạo đạt kết quả tích cực, chất lượng giáo dục được duy trì, tỷ lệ học sinh trúng tuyển vào các trường đại học, cao đẳng hàng năm đều tăng [14]; tình trạng lưu ban, bỏ học từng bước được khắc phục có kết quả rõ nét, tỷ lệ giảm đáng kể [15]; huy động nhiều nguồn vốn đầu tư cho giáo dục, bao gồm nguồn vốn ngân sách tỉnh, vốn ODA, Trái phiếu Chính phủ triển khai đề án kiên cố hoá trường lớp học, trường đạt chuẩn quốc gia, xây dựng mới và cải tạo 58 trường phổ thông và Trường bán trú dân nuôi, 1.588 phòng học và phòng chức năng, đã cơ bản xóa được lớp học ca 3, có 12,1% (27/223) trường phổ thông đạt chuẩn quốc gia và 28,4% số học sinh tiểu học được học 2 buổi/ngày; mô hình trường bán trú dân nuôi ở các xã miền núi được nhân rộng ở 3 trường phổ thông thuộc 3 xã Ma Nới, Phước Bình, Phước Chiến, duy trì tốt việc giảng dạy chữ Chăm ở 24 trường Tiểu học.

Công tác phổ cập giáo dục tiếp tục duy trì, hoàn thành đạt chuẩn phổ cập trung học cơ sở trong toàn tỉnh đúng tiến độ (được công nhận vào cuối năm 2008); 100% số xã, phường duy trì chuẩn quốc gia về phổ cập giáo dục tiểu học, 39/65 xã phường đạt phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi; triển khai Đề án phổ cập Trung học phổ thông địa bàn thành phố Phan Rang - Tháp Chàm và các thị trấn đến năm 2015.

Chủ trương xây dựng xã hội học tập được triển khai thực hiện tốt, thông qua việc xây dựng và phát triển mô hình Trung tâm học tập ở các xã phường, đến nay có 65/65 xã, phường, thị trấn có Trung tâm học tập cộng đồng, đáp ứng nhu cầu học tập đa dạng cho nhân dân; chủ trương xã hội hóa lĩnh vực giáo dục được tập trung chỉ đạo và đạt được một số kết quả bước đầu [16], xã hội hóa giáo dục ở bậc học mầm non đạt kết quả tốt, hình thành các lớp mầm non tư thục thu hút trên 4.000 trẻ em ngoài công lập, chiếm 22,5% so với tổng số trẻ em trong độ tuổi ra lớp; giáo dục phổ thông và dạy nghề đang được nhiều nhà nhà đầu tư quan tâm, đăng ký triển khai 3 dự án đầu tư; chủ trương chuyển đổi trường bán công sang tư thục được triển khai, đã cơ bản hoàn thành Đề án chuyển đổi Trường bán công Trần Quốc Toản sang tư thục chất lượng cao.

b) Về đào tạo: Triển khai tốt chủ trương đa dạng hóa các hình thức đào tạo, trong chuẩn hóa giáo viên, kết quả 5 năm đã đào tạo chuẩn hóa 2.661 giáo viên các cấp học, nâng tổng số đạt chuẩn lên 6.060 giáo viên, chiếm 93%, một số cấp học đạt cao hơn bình quân của cả nước [17]; lĩnh vực đào tạo được quan tâm đầu tư và có bước phát triển, trường Trung cấp nghề

đang được đầu tư nâng cấp thành trường Cao đẳng nghề, thành lập đi vào hoạt động phân hiệu Trường Đại học Nông lâm TP.HCM tại tỉnh, triển khai xây dựng Đề án nâng cấp trường Cao đẳng sư phạm Ninh Thuận theo hướng đào tạo đa ngành; đẩy mạnh hợp tác liên kết với các cơ sở đào tạo có uy tín, có thương hiệu trong nước để xúc tiến thành lập cơ sở đào tạo tại tỉnh; đến nay, toàn tỉnh có 18 cơ sở dạy nghề, tăng 05 cơ sở so với năm 2005. Kết quả 5 năm qua, đã dạy nghề cho 41.193 lao động, trong đó đào tạo nghề dài hạn cho 3.231 lao động, dạy nghề ngắn hạn cho 37.962 lao động, từ 60 - 70% lao động có việc làm sau khi đào tạo nghề, tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 40%, trong đó đào tạo nghề 25%.

Tồn tại, hạn chế nổi lên trong giáo dục và đào tạo đó là:

Chất lượng giáo dục - đào tạo còn có sự chênh lệch lớn giữa các vùng miền, nhất là khu vực miền núi, vùng sâu vùng xa chất lượng còn thấp; tỷ lệ huy động trẻ vào mẫu giáo (50,3%) đạt thấp so với kế hoạch và cả nước (KH là 67% và cả nước là 80,9%); đội ngũ giáo viên bậc trung học phổ thông một số bộ môn còn thiếu; số trường triển khai học ngày hai buổi và số trường chuẩn quốc gia đạt được còn thấp. Chất lượng dạy nghề còn thấp, đào tạo chưa theo địa chỉ và chưa sát nhu cầu thực tế của địa phương. Công tác xã hội hóa giáo dục và đào tạo triển khai đạt kết quả thấp so với mục tiêu đề ra [18].

2. Về khoa học công nghệ:

Nhận thức của cán bộ và quần chúng nhân dân về vai trò của khoa học và công nghệ trong sản xuất kinh doanh, đời sống xã hội được nâng lên; trong 5 năm qua đã đầu tư 52,196 tỷ đồng thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ, triển khai 72 đề tài, tập trung nghiên cứu các giống cây trồng, vật nuôi mới, công nghệ mới trong sản xuất - kinh doanh để tăng năng suất và chất lượng theo hướng tạo ra sản phẩm sạch và bảo vệ môi trường. Bước đầu có sự đầu tư nghiên cứu tạo ra các sản phẩm công nghệ sinh học và công nghệ sau thu hoạch từ những sản phẩm đặc thù của địa phương như cây neem, cây nho, rong sụn, sản xuất các chế phẩm vi sinh; các kết quả nghiên cứu trong lĩnh vực văn hóa xã hội đã góp phần cung cấp cơ sở khoa học trong việc hoạch định các chính sách văn hóa, xã hội, bảo tồn và phát huy văn hóa các dân tộc; nghiên cứu, triển khai các dự án, giải pháp phòng chống suy thoái, ô nhiễm môi trường, sự biến đổi khí hậu. Đã triển khai 41 dự án khoa học - công nghệ cấp huyện, hỗ trợ 58 cơ quan, doanh nghiệp áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO, HACCP, hỗ trợ bảo hộ nhãn hiệu hàng hóa cho 11 doanh nghiệp và bảo hộ sở hữu trí tuệ, kiểu dáng công nghiệp cho 74 sản phẩm hàng hóa. Đội ngũ trí thức có bước phát triển cả về số lượng lẫn chất lượng, các tổ chức khoa học bước đầu được củng cố [19], đã thành lập Liên Hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật tỉnh, mở rộng hợp tác với các tổ chức quốc tế như GEF, WWF, ICRAN và các Viện, Trung tâm khoa học trong cả nước.

Tuy nhiên hạn chế trong hoạt động nghiên cứu và ứng dụng khoa học - công nghệ là chưa thể hiện được vai trò nền tảng, động lực trong tiến trình công nghiệp hóa - hiện đại hóa; cơ cấu đề tài nghiên cứu ứng dụng giữa các lĩnh vực chưa phù hợp, còn thiếu các đề tài quy mô lớn, một số đề tài còn chậm được nghiệm thu. Việc ứng dụng công nghệ thông tin trong sản xuất - kinh

doanh và hoạt động quản lý còn chậm và thiếu đồng bộ, chưa theo kịp yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

3. Quản lý tài nguyên, môi trường: Có chuyển biến, đã hoàn thành quy hoạch khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường đến năm 2015 và các quy hoạch sử dụng đất của tỉnh, 6 huyện, thành phố và quy hoạch chi tiết sử dụng đất cho 55/63 xã, phường, thị trấn. Trong 5 năm, đã cấp mới 130 giấy phép thăm dò, khai thác tài nguyên khoáng sản và đã cơ bản hoàn thành việc cấp quyền sử dụng đất ở và đất nông nghiệp [20]. Quản lý môi trường có nhiều chuyển biến tích cực, đã tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát các cơ sở sản xuất có nguy cơ gây ô nhiễm và đã hoàn thành xử lý 5 khu vực ô nhiễm nặng; các dự án đầu tư mới đều thực hiện tốt việc thẩm định điều kiện về môi trường, đã phê duyệt báo cáo tác động môi trường cho 35 dự án đầu tư. Quản lý tài nguyên biển đạt được một số kết quả bước đầu, phối hợp với các Bộ ngành trung ương triển khai điều tra, đánh giá tài nguyên môi trường biển, triển khai xây dựng dự án quản lý tổng hợp đới bờ tỉnh Ninh Thuận đến năm 2020.

4. Về Y tế, chăm sóc sức khỏe:

Công tác y tế, chăm sóc sức khỏe nhân dân ngày càng được cải thiện, mạng lưới y tế cơ sở được củng cố và nâng cấp, đến nay toàn tỉnh 100% xã phường có trạm y tế, trong đó 60% xã phường đạt chuẩn quốc gia về y tế (năm 2005 đạt 12,9%), nhiều dịch bệnh nguy hiểm được khống chế, đẩy lùi, các dịch vụ y tế được mở rộng địa bàn, đáp ứng tốt hơn nhu cầu của nhân dân. Các chính sách khám chữa bệnh cho người nghèo, trẻ em dưới 6 tuổi và các đối tượng chính sách khác thông qua Bảo hiểm y tế được thực hiện ngày một tốt hơn. Cơ sở vật chất khám chữa bệnh được quan tâm đầu tư, trong 5 năm đã triển khai xây dựng mới nhiều cơ sở khám chữa bệnh quy mô lớn theo hướng hiện đại đã hoàn thành đưa vào sử dụng [21], đáp ứng tốt hơn nhu cầu khám chữa bệnh của nhân dân địa phương.

Chương trình mục tiêu quốc gia về y tế triển khai đạt kết quả, tiêm chủng đủ các loại vacxin cho trẻ em dưới 1 tuổi hàng năm đạt trên 95%, tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng giảm còn 23,5%; tranh thủ sự hỗ trợ của các tổ chức từ thiện trong nước, vận động gây "Quỹ hỗ trợ bệnh nhân nghèo" để tạo điều kiện cho người nghèo được chữa bệnh như mổ đục thủy tinh thể, hở hàm ếch, mổ tim bẩm sinh.

Chất lượng khám và điều trị bệnh từng bước được nâng lên, thông qua việc thực hiện có kết quả tích cực một số chương trình, đề án lớn nhằm nâng cao chất lượng khám và điều trị bệnh như chương trình hợp tác kỹ thuật với TP.HCM đã nâng cao trình độ khám và điều trị cho đội ngũ y bác sỹ, đề án khám chữa bệnh theo yêu cầu đạt kết quả tích cực, được nhân dân đồng tình. Công tác đào tạo nhân lực cho ngành y tế được quan tâm, thành lập Trường Trung cấp y tế Ninh Thuận, đồng thời đẩy mạnh liên kết với các trường Đại học, Cao đẳng y, được trong đào tạo nguồn nhân lực cho ngành y tế tỉnh đạt kết quả bước đầu [22].

Các hoạt động về dân số và kế hoạch hoá gia đình tiếp tục được đẩy mạnh, bộ máy và mạng lưới được quan tâm củng cố, kiện toàn; công tác truyền thông, tư vấn nâng cao nhận thức về

chăm sóc sức khỏe sinh sản của người dân được tăng cường với nhiều hình thức phong phú thiết thực, các chỉ số cộng đồng đã được nâng lên: giảm tỷ lệ tử vong trẻ em dưới 1 tuổi còn 2,4‰ và dưới 5 tuổi còn 3‰, tỷ lệ sinh từ 20,64‰ năm 2005 giảm xuống còn 19‰ và giảm tỷ lệ tăng dân số tự nhiên xuống còn 1,282‰ vào năm 2010.

Hạn chế trong lĩnh vực y tế nổi lên: đó là thiếu nguồn nhân lực, đặc biệt là thiếu đội ngũ bác sỹ ở tuyến cơ sở và có xu hướng giảm dần qua các năm [23], tỷ lệ bác sỹ trên 1 vạn dân không đạt mục tiêu kế hoạch đề ra và thấp so với cả nước; mạng lưới y tế cơ sở vùng sâu, vùng xa có nơi chưa đáp ứng được yêu cầu khám chữa bệnh tại chỗ cho nhân dân, tỷ lệ giường bệnh trên 1 vạn dân còn thấp [24]. Vệ sinh an toàn thực phẩm chưa được kiểm soát chặt chẽ; tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng cao so với bình quân chung của cả nước; tinh thần, thái độ phục vụ bệnh nhân có chuyển biến tốt hơn nhưng còn xảy ra một số vụ việc tạo dư luận không tốt trong quần chúng nhân dân; chính sách bảo hiểm y tế toàn dân kết quả còn thấp, chỉ có 46,1% dân số tham gia (mục tiêu là đạt 80%); công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình vẫn còn tiềm ẩn nguy cơ tăng dân số trở lại, do tỷ suất sinh trong những năm gần đây giảm chậm và có xu hướng chững lại; công tác xã hội hoá trong lĩnh vực bảo vệ và chăm sóc sức khỏe nhân dân chuyển biến còn chậm, nguồn lực xã hội huy động cho phát triển y tế còn hạn chế.

5. Giải quyết việc làm, giảm nghèo và thực hiện các chính sách xã hội:

Các hoạt động xã hội và chăm sóc người có công được duy trì và mở rộng. Phong trào Đền ơn đáp nghĩa được sự quan tâm rộng rãi của nhân dân, đã có 63/65 xã phường được công nhận làm tốt công tác thương binh liệt sỹ và người có công, tỷ lệ hộ chính sách có mức sống bằng hoặc cao hơn mức trung bình của dân địa phương nơi cư trú chiếm 98%, đã hoàn tất 2.450 hồ sơ công nhận gia đình chính sách, gia đình có công cách mạng và đã quy tập 90 bộ hài cốt liệt sỹ về nghĩa trang liệt sỹ tỉnh. Phong trào xây dựng nhà tình nghĩa, lập sổ tiết kiệm tặng các gia đình chính sách khó khăn, được triển khai rộng rãi. Trong 5 năm đã xây 220 nhà tình nghĩa, nâng cấp sửa chữa 577 nhà, tặng 240 sổ vàng tình nghĩa cho người có công, thu hút các thành phần kinh tế tham gia đóng góp xây dựng quỹ đền ơn đáp nghĩa hơn 5 tỷ đồng.

Công tác giảm nghèo được quan tâm chỉ đạo thực hiện, huy động được nhiều nguồn lực chăm lo cho người nghèo, với tổng vốn huy động trong 5 năm 1.318 tỷ đồng, đồng thời thực hiện lồng ghép các chương trình, dự án cho mục tiêu giảm nghèo, tỷ lệ hộ nghèo giảm từ 21,29% xuống còn 11,05% năm 2010 (theo chuẩn nghèo 2005). Một số chủ trương, chính sách về hỗ trợ nhà ở cho người nghèo đạt kết quả, lồng ghép với nguồn lực từ cộng đồng, Quỹ vì người nghèo tỉnh, cùng với nguồn lực của nhà nước đã hỗ trợ xây dựng 3.692 căn nhà cho người nghèo theo Quyết định 167/2008/QĐ-TTg của Chính phủ, ngoài ra còn hỗ trợ xây dựng 4.168 căn nhà cho đồng bào dân tộc thiểu số nghèo từ chương trình 134 và 900 căn nhà ở huyện Bác Ái từ chương trình 62 huyện nghèo của Chính phủ.

Công tác giải quyết việc làm có chuyển biến tích cực, vai trò của nhà nước tác động bước đầu trong giải quyết việc làm thông qua tổ chức các phiên chợ việc làm hàng năm, kết quả trong 5 năm đã giải quyết việc làm cho 70.741 lao động, vượt chỉ tiêu kế hoạch (kế hoạch 55 - 60

ngàn người), trong đó lao động làm việc ngoài tỉnh là 37.542 người, chiếm 53% tổng số, bình quân mỗi năm giải quyết hơn 14.000 người; có 525 người đi lao động có thời hạn tại nước ngoài, tăng 3,3 lần so với 5 năm 2001 - 2005, chủ yếu tại thị trường các nước và vùng lãnh thổ như Hàn quốc, Malaysia, Đài Loan, Nhật bản.

Cơ cấu lao động có bước chuyển dịch theo hướng giảm dần lao động trong nông nghiệp, tăng tỷ trọng lao động trong các ngành công nghiệp và xây dựng từ 13% năm 2005 lên 15%, dịch vụ tăng từ 29,9% năm 2005 lên 33,1%, giảm tỷ lệ lao động ngành nông lâm thủy sản giảm từ 57,1% năm 2005 xuống còn 51,9% vào năm 2010.

Tuy nhiên vẫn còn tồn tại một số hạn chế như: Chất lượng lao động còn thấp; cơ cấu ngành nghề chưa hợp lý, tỷ lệ lao động chuyên môn kỹ thuật, nhất là lao động có trình độ kỹ thuật cao còn thấp; cơ cấu lao động chuyển dịch còn chậm; tình trạng thiếu việc làm hoặc việc làm chưa ổn định vẫn còn lớn, nhất là khu vực nông nghiệp nông thôn; lao động đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài chưa đạt mục tiêu; lao động đi làm việc ở ngoài tỉnh chủ yếu là lao động phổ thông, thu nhập thấp, việc làm bấp bênh thiếu ổn định.

Chất lượng giảm nghèo thiếu bền vững; nguy cơ tái nghèo còn cao, khoảng cách giàu nghèo của các tầng lớp dân cư, giữa các vùng có xu hướng gia tăng; đời sống nhân dân đồng bào dân tộc thiểu số, vùng miền núi, vùng xa, các xã bãi ngang còn khó khăn; một số mô hình xóa đói giảm nghèo có hiệu quả nhưng chậm tổng kết và nhân rộng.

6. Văn hoá thông tin, Phát thanh truyền hình, Thể dục thể thao:

- Văn hoá thông tin: Tiếp tục được đổi mới cả về nội dung và phương thức hoạt động, nâng cao chất lượng tuyên truyền, góp phần nâng cao đời sống tinh thần của nhân dân, nhiều chương trình nghệ thuật được dàn dựng hoành tráng, góp phần quảng bá hình ảnh quê hương Ninh Thuận; công tác bảo tồn, bảo tàng, nhất là bảo tồn văn hóa truyền thống các dân tộc thiểu số được chú trọng, có 12 công trình văn hóa lịch sử cấp quốc gia được tôn tạo chống xuống cấp, 24 di tích được xếp hạng di tích cấp tỉnh, sưu tầm 1.035 hiện vật; trùng tu một số di tích văn hoá Chăm; một số công trình văn hóa có quy mô lớn như tượng đài, nhà bảo tàng tỉnh đã đầu tư hoàn thành; phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa được triển khai rộng khắp, đến nay có 40,3% thôn, khu phố được công nhận đạt chuẩn văn hóa cấp huyện, 95% cơ quan, đơn vị đạt chuẩn văn hóa.

- Các hoạt động báo chí, phát thanh truyền hình có nhiều chuyển biến tiến bộ cả về số lượng và chất lượng, nội dung và hình thức có nhiều cải tiến, quy mô và địa bàn hoạt động được mở rộng, tăng cường hợp tác liên kết với các Đài trong khu vực và trung ương, mở nhiều chuyên mục mới được người dân quan tâm, tiếp tục đầu tư trang thiết bị truyền hình theo hướng hiện đại, đến năm 2010 có 90% địa bàn dân cư được phủ sóng truyền hình trung ương, 80% phủ sóng truyền hình địa phương, có 100% địa bàn dân cư được phủ sóng phát thanh trung ương, 95% phủ sóng phát thanh địa phương, đã góp phần nâng cao vai trò của thông tin đại chúng trong sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

- Hoạt động thể thao có bước phát triển và đạt được một số kết quả nhất định, phong trào thể dục thể thao quần chúng tiếp tục phát triển, tỷ lệ người dân thường xuyên tập luyện thể dục thể thao tăng nhanh qua các năm, đạt 20% dân số, tăng 4%. Hoạt động thể dục thể thao cơ sở đã bám sát việc thực hiện các nhiệm vụ chính trị ở địa phương, được nhân dân đồng tình hưởng ứng; thể thao thành tích cao có tiến bộ, tham dự tốt các giải thể thao khu vực và toàn quốc đạt được một số thành tích ở các môn bóng rổ, điền kinh, võ thuật, bi sắt, bóng bàn và quần vợt.

Hoạt động thể dục thể thao truyền thống được khôi phục và phát triển, nhất là các môn thể thao dân tộc và thể thao mang tính dân gian như: việt dã, bắn nỏ, bắn cung, đẩy gậy, đi cà kheo. . . được thành lập các đội tuyển tham dự các giải khu vực và toàn quốc.

Hạn chế đó là: Chất lượng và hiệu quả của văn hóa - thông tin, phát thanh - truyền hình ở vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc miền núi còn hạn chế; chất lượng xây dựng đời sống văn hoá cơ sở có mặt còn thấp; cơ sở vật chất cho hoạt động văn hóa đầu tư chưa nhiều, thiếu đồng bộ, hiệu quả sử dụng chưa cao nhất là nơi sinh hoạt, vui chơi giải trí cho thanh thiếu niên; quản lý nhà nước trên một số lĩnh vực hoạt động kinh doanh dịch vụ văn hóa còn bất cập, thiếu chặt chẽ; đội ngũ cán bộ văn hóa thể thao cơ sở còn thiếu và yếu, công tác tuyển chọn, đào tạo, bồi dưỡng tài năng văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao chưa quan tâm đúng mức. Công tác xã hội hóa các hoạt động thể thao kết quả còn thấp.

7. Bình đẳng về giới và nâng cao vị thế của phụ nữ, bảo đảm quyền cho trẻ em:

Công tác Vì sự tiến bộ của phụ nữ được quan tâm hơn, đã thành lập và kiện toàn Ban vì sự tiến bộ phụ nữ từ tỉnh đến cơ sở đi vào hoạt động ổn định; triển khai KHHĐ VSTBPN tỉnh giai đoạn 2006 - 2010 đạt một số kết quả bước đầu, nhất là bình đẳng giới và nâng cao vị thế cho phụ nữ có nhiều chuyển biến tiến bộ. Đến năm 2010 có nhiều chỉ tiêu hoàn thành vượt mức kế hoạch như: Tỷ lệ thất nghiệp của lao động nữ ở khu vực thành thị giảm từ 6% năm 2005 xuống còn 5%, tỷ lệ hộ nghèo do phụ nữ làm chủ hộ được vay vốn tăng từ 70% năm 2005 lên trên 85%, tỷ lệ hộ nghèo do phụ nữ làm chủ hộ giảm từ 22,5% năm 2005 xuống còn 15%. Tỷ lệ cán bộ công chức nữ được bồi dưỡng chính trị, hành chính, tin học, ngoại ngữ từ 40% năm 2005 lên 45,5% năm 2010.

Công tác quy hoạch đào tạo cán bộ nữ được các cấp, các ngành tiếp tục quan tâm, giới thiệu và đề bạt vào các vị trí lãnh đạo ở các cơ quan Đảng, chính quyền, đoàn thể, doanh nghiệp;

Công tác bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em có nhiều chuyển biến, đời sống vật chất và tinh thần của trẻ em từng bước được nâng lên, hầu hết các trẻ em đều được hưởng thụ các quyền cơ bản của mình trong các dịch vụ như: khai sinh, y tế, giáo dục, các chính sách trợ cấp xã hội... . Trong 5 năm có 574 trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt được chăm sóc bảo vệ, có 13 trường hợp trẻ em bị xâm hại, lạm dụng được phát hiện và xử lý. Công tác phòng chống suy dinh dưỡng cho trẻ em dưới 5 tuổi đã được triển khai mở rộng đến các xã phường trong tỉnh, tiêm chủng mở rộng cho trẻ em hàng năm đạt 98% kế hoạch, tỷ suất chết trẻ dưới 1 tuổi liên tục giảm từ 5,8‰ năm 2005 xuống còn 2,4‰ năm 2010. Các hoạt động hỗ trợ về y tế, giáo dục, văn hóa

cho trẻ em mồ côi, tàn tật, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn được quan tâm triển khai, có trên 85% trẻ em dưới 6 tuổi được cấp thẻ khám chữa bệnh, trên 90% số trẻ em 1 tuổi được đăng ký khai sinh đúng tuổi.

Tuy nhiên, công tác bảo vệ và chăm sóc trẻ em còn một số mặt hạn chế, tình trạng trẻ em vi phạm pháp luật chưa được ngăn chặn có hiệu quả, hơn 60 em gái đưa vào Trường Giáo dưỡng, tỷ lệ suy dinh dưỡng trẻ em chiếm 23,5% cao so với cả nước (18,9%); đội ngũ cán bộ làm công tác bảo vệ và chăm sóc trẻ em các cấp còn thiếu về số lượng, hạn chế về năng lực chuyên môn, kỹ năng bảo vệ, chăm sóc trẻ em của gia đình và bản thân trẻ em còn hạn chế.

III. CÔNG TÁC NỘI CHÍNH:

1. Công tác thanh tra, phòng chống tham nhũng:

Công tác phòng chống tham nhũng được quan tâm chỉ đạo, duy trì các cuộc họp Ban Chỉ đạo và tổ chức thành công Hội nghị tổng kết công tác phòng chống tham nhũng giai đoạn 2006 - 2010. Công tác thanh tra đã thực hiện tốt kế hoạch hàng năm. Trong 5 năm, các tổ chức thanh tra các cấp đã tiến hành 1.418/833 cuộc thanh tra kinh tế - xã hội, đạt 170,2% kế hoạch; đã kết thúc 1.369 cuộc, phát hiện sai phạm và xử lý về kinh tế số tiền trên 59,1 tỷ đồng, đã kịp thời ngăn chặn và thu hồi cho nhà nước 86,1 tỷ đồng từ nguồn hỗ trợ lãi suất thuộc gói kích cầu của Chính phủ theo Nghị quyết 30/2008/NQ-CP, kiến nghị xử phạt hành chính 10.231 trường hợp, chuyển cơ quan điều tra xử lý hình sự 15 vụ (47 người), kiến nghị xử phạt hành chính 27 tập thể và 177 cá nhân.

2. Giải quyết khiếu nại tố cáo công dân: Tiếp tục thực hiện tốt quy chế dân chủ cơ sở trong công tác giải quyết khiếu nại thông qua đối thoại trực tiếp với nhân dân; duy trì thường xuyên công tác tiếp dân, các cơ quan hành chính nhà nước đã tiếp 7.353 lượt công dân, có 29 đoàn đông người. Tiếp nhận 4.342 đơn khiếu nại, tố cáo, các cơ quan chức năng đã giải quyết theo thẩm quyền bình quân đạt trên 97,6%.

3. Công tác tư pháp: Công tác tư pháp có nhiều chuyển biến cả về công tác xây dựng văn bản, công tác Luật sư và bảo trợ tư pháp. Trong 5 năm, đã thẩm định 373 văn bản quy phạm pháp luật do UBND tỉnh ban hành và tổ chức kiểm tra, rà soát 4.017 văn bản quy phạm pháp luật khác thuộc thẩm quyền của UBND, HĐND tỉnh, công bố 106 văn bản hết hiệu lực do cấp tỉnh, huyện đã ban hành; công tác phổ biến, giáo dục pháp luật được duy trì, đã kịp thời tuyên truyền các văn bản pháp luật mới ban hành, mở rộng trợ giúp pháp lý cho người nghèo đến các vùng sâu, vùng xa cho 9.517 trường hợp; xã hội hóa trong thực hiện công chứng được triển khai, đến nay đã thành thành lập 01 Phòng Công chứng tư nhân.

4. Tổ chức bộ máy, xây dựng chính quyền, cải cách hành chính:

Hoàn thành công tác kiện toàn bộ máy hành chính theo tinh thần Nghị định 13/2008/NĐ-CP và Nghị định 14/2008/NĐ-CP, sắp xếp 24 sở ngành cấp tỉnh thành 18 sở ngành mới, sắp xếp

các phòng ban cấp huyện (còn 12 phòng) đi vào hoạt động ổn định, từng bước khắc phục được sự chông chéo, trùng lặp chức năng nhiệm vụ. Tăng cường công tác đào tạo nâng cao trình độ CBCC; đã thực hiện bồi dưỡng kiến thức quản lý nhà nước và nghiệp vụ chuyên môn cho 4.418 lượt CBCC các cấp; hoàn thành việc nâng cấp thị xã Phan Rang - Tháp Chàm lên thành phố loại III và chia tách huyện Ninh Hải thành huyện Ninh Hải và Thuận Bắc, tiếp tục điều chỉnh địa giới hành chính cấp huyện, xã, thành lập thêm 43 thôn, khu phố, thành lập mới 2 phường, 4 xã, nâng tổng số lên 65 xã, phường, thị trấn; thành lập mới huyện Thuận Nam chính thức đi vào hoạt động tháng 10/2009.

Triển khai thực hiện đúng tiến độ, đạt kết quả chương trình tổng thể cải cách hành chính của Chính phủ giai đoạn 2006 - 2010, đến nay toàn tỉnh có 91 cơ quan, đơn vị thực hiện cơ chế “một cửa”; 75 đơn vị thực hiện cơ chế “một cửa liên thông”; hoàn thành việc rà soát, thống kê và cắt giảm 71% /1.102 thủ tục hành chính theo Đề án 30 của Chính phủ, thực hiện công khai các quy trình thủ tục hành chính đúng quy định tạo thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp.

- Công tác thi đua khen thưởng được chú trọng, chất lượng có được nâng lên. Kết quả khen thưởng đối với cán bộ và nhân dân trong tỉnh: Năm 2007, tỉnh được Chủ tịch Nước phong tặng Huân chương độc lập Hạng ba và năm 2010 được Chủ tịch nước phong tặng Huân chương độc lập Hạng nhì.

IV. CÔNG TÁC QUỐC PHÒNG - AN NINH:

- Quốc phòng: Tiếp tục quán triệt và triển khai thực hiện tốt nhiệm vụ “xây dựng tỉnh thành khu vực phòng thủ cơ bản liên hoàn, vững chắc bảo vệ tổ quốc Việt Nam XHCN”, khu vực phòng thủ quốc phòng được củng cố, đã tổ chức các cuộc diễn tập vận hành cơ chế các cấp đạt yêu cầu đề ra, bảo đảm an toàn tuyệt đối; công tác bồi dưỡng kiến thức quốc phòng được quan tâm thực hiện đạt kết quả tốt, đã cử 69 lãnh đạo các sở, ngành và địa phương bồi dưỡng ở Quân khu, 3.245 CBCC được bồi dưỡng kiến thức quốc phòng tại địa phương, đào tạo 139 xã, phường đội trưởng; hoàn thành tốt chỉ tiêu giao quân hàng năm bảo đảm chất lượng, đạt 100% chỉ tiêu, giao 2.230 quân; thực hiện tốt hơn việc phát triển kinh tế xã hội gắn với quốc phòng trong việc triển khai các dự án đầu tư có quy mô lớn trên địa bàn.

- An ninh trật tự: Công tác an ninh đã bảo đảm an toàn tuyệt đối cho các hoạt động chính trị, các ngày lễ lớn tại địa phương, nhiều mô hình tự quản về an ninh trật tự được nhân rộng, duy trì đối thoại trực tiếp với nhân dân; tập trung triển khai các đợt cao điểm trấn áp tội phạm, đẩy mạnh phong trào toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc, công tác quản lý nhà nước về an ninh trật tự có chuyển biến tích cực, công tác cải cách hành chính trong các lĩnh vực đăng ký hộ khẩu, chứng minh nhân dân, cấp biển số xe trong ngày thực hiện tốt, được nhân dân đồng tình.

- Công tác biên phòng: Công tác bảo đảm an ninh nông thôn vùng ven biển và an toàn trên biển được thực hiện tốt, duy trì và thực hiện tốt công tác hợp đồng bảo vệ vùng giáp ranh với Biên phòng các tỉnh; công tác tuần tra trên biển được thực hiện thường xuyên, lực lượng biên phòng tổ chức 1.354 lượt tuần tra, kiểm tra 72.186 lượt phương tiện, phát hiện và xử lý 245 vụ

vi phạm, giữ vững an ninh trên biển, bảo đảm an toàn cho tàu thuyền hoạt động khai thác hải sản.

+ Công tác bảo đảm an toàn giao thông được chỉ đạo quyết liệt bằng nhiều giải pháp đồng bộ, ý thức người dân có được nâng lên, một số điểm đen trên các tuyến giao thông được khắc phục, công tác kiểm định an toàn phương tiện được tăng cường, nhằm góp phần từng bước hạn chế tai nạn giao thông.

I. MỘT SỐ KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC:

Qua 5 năm tổ chức thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội 2006 - 2010, tình hình kinh tế - xã hội của tỉnh phát triển khá và đạt nhiều kết quả quan trọng, nhiều chỉ tiêu quan trọng của kế hoạch 5 năm đã hoàn thành và vượt mục tiêu đề ra, năng lực sản xuất các ngành tăng khá, thu ngân sách vượt chỉ tiêu đề ra; tiềm năng và thế mạnh của tỉnh, nhất là tiềm năng và lợi thế mới về kinh tế biển được nhận diện và đánh giá đúng mức, vị thế của tỉnh bước đầu được nâng lên; môi trường đầu tư, kinh doanh được cải thiện rõ rệt, thu hút vốn đầu tư toàn xã hội tăng cao, huy động được nhiều nguồn vốn cho đầu tư phát triển, nhiều dự án quy mô lớn trong lĩnh vực năng lượng, công nghiệp và du lịch đã và đang triển khai, những kết quả đạt được này sẽ là tiền đề cơ bản cho phát triển kinh tế nhanh, rút ngắn khoảng cách tụt hậu so với các tỉnh trong khu vực và cả nước trong thời gian tới.

Trong lĩnh vực văn hóa xã hội có nhiều tiến bộ, hầu hết các chỉ tiêu về xã hội đều đạt và vượt kế hoạch, công tác cải cách hành chính có chuyển biến rõ nét, chất lượng giáo dục từng bước được nâng lên, công tác phòng chống dịch có hiệu quả, chất lượng khám và điều trị bệnh cho nhân dân được tốt hơn, các chính sách chăm sóc y tế cho người nghèo được thực hiện đầy đủ, vấn đề an sinh xã hội được quan tâm đúng mức, đời sống nhân dân vùng nông thôn, miền núi, vùng đồng bào dân tộc được cải thiện đáng kể; công tác phòng chống lũ lụt, thiên tai, dịch bệnh được thực hiện tốt, không có dịch bệnh lớn xảy ra, công tác phòng chống tham nhũng, lãng phí được chỉ đạo quyết liệt, nhiều vụ việc vi phạm được phát hiện và xử lý kịp thời; quốc phòng, an ninh được giữ vững, trật tự xã hội được bảo đảm, góp phần tạo thuận lợi cho phát triển kinh tế - xã hội của kế hoạch 5 năm 2011 - 2015 được tăng cao hơn.

II. NHỮNG TỒN TẠI, HẠN CHẾ:

1. Về kinh tế: Nền kinh tế tăng trưởng chưa ổn định, nhiều chỉ tiêu quan trọng không đạt mục tiêu đề ra; chất lượng tăng trưởng và sức cạnh tranh nền kinh tế còn thấp, thể hiện cơ cấu kinh tế lạc hậu, cơ cấu nông nghiệp còn chiếm tỷ trọng cao, GDP bình quân đầu người bằng 52% mức bình quân chung của cả nước; tiềm năng thế mạnh mới, tuy được phát hiện, nhưng chậm được khai thác, các dự án đầu tư quy mô lớn chậm triển khai hoặc không triển khai, năng lực sản xuất mới tăng chậm, nhất là các ngành công nghiệp, du lịch; xuất khẩu chậm phát triển; hạ tầng cơ sở vừa yếu vừa thiếu, chất lượng nguồn nhân lực không đáp ứng yêu cầu phát triển;

đầu tư bằng ngân sách nhà nước có một số dự án đầu tư không đồng bộ, kéo dài nên phát huy hiệu quả thấp.

2. Lĩnh vực xã hội: Tuy có phát triển nhưng một số vấn đề bức xúc chưa được giải quyết tốt; chất lượng giáo dục - đào tạo còn có sự chênh lệch khá lớn giữa các vùng miền; khoa học và công nghệ vẫn chưa thể hiện đầy đủ vai trò nền tảng, động lực trong tiến trình công nghiệp hóa - hiện đại hóa; chất lượng xóa đói giảm nghèo chưa vững chắc, tình trạng tái nghèo còn cao, đời sống nhân dân đồng bào dân tộc miền núi, vùng sâu, vùng xa còn nhiều khó khăn. Về y tế, nổi lên là nguồn nhân lực ngành y tế ngày càng thiếu, nhất là các tuyến cơ sở và chưa được thường xuyên đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn phù hợp với đầu tư trang thiết bị hiện đại; quản lý nhà nước ở địa phương, cơ sở trên một số lĩnh vực còn nhiều hạn chế, nhất là quản lý tài nguyên khoáng sản, quản lý và bảo vệ rừng, đất đai; an ninh trật tự và tệ nạn xã hội ở một số nơi còn diễn biến phức tạp, tai nạn giao thông chưa được kiểm chế có hiệu quả.

III. NGUYÊN NHÂN:

1. Nguyên nhân đạt được:

a) Về khách quan: Trước hết là sự tác động tích cực của làn sóng đầu tư nước ngoài sau khi Việt Nam gia nhập WTO; sự hỗ trợ kịp thời có hiệu quả của Chính phủ và các Bộ ngành trung ương, đã có nhiều chương trình, dự án lớn được triển khai trên địa bàn tỉnh đã tạo điều kiện thuận lợi để phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; cộng với tình hình thời tiết 04 năm đầu tương đối thuận lợi.

b) Về chủ quan là: Các mục tiêu, nhiệm vụ và hệ thống các giải pháp được đặt ra trong kế hoạch 5 năm và các kế hoạch hàng năm là phù hợp với chủ trương phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, chủ trương, chính sách của Nhà nước. Quá trình thực hiện có đánh giá giữa kỳ để xác định những kết quả đạt được, những tồn tại hạn chế, đồng thời xác định những thuận lợi mới, những khó khăn thách thức mới phát sinh, để tập trung các giải pháp đạt mục tiêu cao hơn; quá trình chỉ đạo, điều hành thực hiện kế hoạch vừa bám sát Nghị quyết của Tỉnh ủy, của Hội đồng nhân dân tỉnh, vừa tập trung chỉ đạo linh hoạt, hiệu quả, sâu sát, quyết liệt, có trọng tâm trọng điểm; kết quả đầu tư hạ tầng kinh tế - xã hội trong những năm qua đã từng bước phát huy hiệu quả; công tác cải cách thủ tục hành chính, nhất là trong lĩnh vực đầu tư có nhiều chuyển biến; cùng với các chính sách mới của tỉnh đã tạo môi trường đầu tư - kinh doanh thông thoáng hơn, thu hút được các thành phần kinh tế tham gia đầu tư sản xuất - kinh doanh; bộ máy chính quyền và các cơ quan quản lý nhà nước được kiện toàn, ý thức trách nhiệm có được nâng lên, cùng với sự phấn khởi, nỗ lực, phấn đấu vươn lên của các tầng lớp nhân dân trong tỉnh.

2. Nguyên nhân những hạn chế, tồn tại:

a) Nguyên nhân khách quan: Trước hết sự tác động của tình hình lạm phát tăng cao năm 2008 và khủng hoảng tài chính toàn cầu và suy thoái kinh tế thế giới năm 2009; đối với tỉnh còn do xuất phát từ khó khăn vốn có của nền kinh tế, quy mô nhỏ, năng lực cạnh tranh thấp; khí hậu

thời tiết khắc nghiệt, nhất là cơn lũ lịch sử vào đầu tháng 11/2010 đã gây thiệt hại nặng nề cho sản xuất và đời sống nhân dân; chất lượng nguồn nhân lực chưa theo kịp với yêu cầu phát triển kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế.

b) Nguyên nhân chủ quan: Việc chỉ đạo triển khai và cụ thể hóa các chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước vào điều kiện cụ thể ở một số ngành và địa phương chưa kịp thời, chậm sơ tổng kết rút kinh nghiệm; năng lực tổ chức thực hiện ở một số ngành và địa phương chưa tốt, còn lúng túng, thiếu chủ động; tinh thần trách nhiệm một bộ phận cán bộ, công chức trong thực thi công vụ chưa cao; công tác phối hợp một số ngành và địa phương có trường hợp chưa kịp thời, thiếu đồng bộ, nhất là trong công tác đền bù giải phóng mặt bằng; việc tổ chức triển khai một số chính sách mới của Chính phủ còn chậm; sự mất cân đối về các nguồn lực chưa được giải quyết tốt, năng lực dự báo, phân tích còn hạn chế, chưa lường hết những khó khăn khách quan tác động đến quá trình thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Phần thứ hai

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI 5 NĂM 2011 - 2015

A. NHỮNG THUẬN LỢI VÀ KHÓ KHĂN:

1. Tình hình thế giới: Theo nhiều dự báo thì tình hình kinh tế thế giới sẽ tiếp tục được phục hồi, nhờ tiềm năng tăng trưởng mạnh của các thị trường đang nổi, nhu cầu tiêu dùng và đầu tư tiếp tục tăng nhanh ở các thị trường này. Tuy nhiên trong một hai năm đầu của kế hoạch 5 năm 2011 - 2015, nền kinh tế thế giới phục hồi còn chậm; những khó khăn mang tính toàn cầu như an ninh năng lượng, an ninh lương thực, an ninh nước sạch và thiên tai, dịch bệnh, biến đổi khí hậu ngày càng có nguy cơ gây gât hơn trong giai đoạn tới.

2. Tình hình trong nước: Kinh nghiệm trong đổi mới và hội nhập quốc tế cùng với ổn định chính trị sẽ tạo môi trường thuận lợi thu hút các nguồn vốn ODA, FDI; các chính sách kiềm chế lạm phát, kích thích kinh tế được thực hiện có hiệu quả, sẽ tạo động lực phát triển cho những năm tới. Tuy nhiên trong kế hoạch 5 năm 2011 - 2015, nước ta thoát khỏi các nước nghèo nên khả năng thu hút ODA sẽ khó khăn hơn và là giai đoạn thực hiện đầy đủ các cam kết WTO sẽ tạo thách thức lớn đối với các doanh nghiệp.

3. Tình hình trong tỉnh: Những chủ trương, định hướng lớn về phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh đang triển khai sẽ tạo hướng đi mới, khác biệt, có tính cạnh tranh cao; cùng với vị thế của tỉnh được nâng lên và các chương trình, dự án đầu tư trọng điểm triển khai sẽ tạo động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh nhanh và bền vững. Tuy nhiên quy mô và sức cạnh tranh nền kinh tế thấp, nguồn lực có hạn, cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội còn khó khăn, chất lượng nguồn nhân lực thấp là những khó khăn, thách thức trong thực hiện nhiệm vụ kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh trong 5 năm tới.

B. MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ CHỦ YẾU CỦA KẾ HOẠCH 5 NĂM 2011 - 2015:

I. MỤC TIÊU TỔNG QUÁT:

Phát triển kinh tế - xã hội đạt tốc độ tăng trưởng nhanh và bền vững theo mô hình kinh tế “xanh, sạch”, tập trung nâng cao chất lượng, hiệu quả và năng lực cạnh tranh của nền kinh tế, xây dựng môi trường sống tốt; từng bước xây dựng đồng bộ hệ thống kết cấu hạ tầng, phát triển nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu phát triển và hội nhập quốc tế; chuyển dịch nhanh cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp và dịch vụ, gắn với giải quyết các vấn đề xã hội, bảo vệ môi trường, tạo việc làm, xóa đói giảm nghèo, cải thiện đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân; giữ vững ổn định chính trị và trật tự an toàn xã hội, bảo đảm quốc phòng – an ninh.

II. CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU

1. Về kinh tế:

- Tốc độ tăng trưởng GDP đạt 16 - 18%/năm. Trong đó, giá trị gia tăng các ngành: Công nghiệp - xây dựng tăng bình quân 30 - 31%/năm; Nông - lâm - thủy sản tăng bình quân 5 - 6%/năm; các ngành dịch vụ tăng bình quân 15 - 16%/năm.
- GDP bình quân đầu người năm 2015 đạt trên 25 triệu đồng/người (tương đương 1.400 USD), gấp 2,2 lần so với năm 2010, bằng 70% mức bình quân của cả nước.
- Giá trị sản xuất các ngành: Công nghiệp - xây dựng tăng 36 - 37%/năm; Nông, lâm nghiệp và Thủy sản tăng 6 - 7%/năm; các ngành dịch vụ tăng 16 - 17%/năm.
- Cơ cấu kinh tế: Công nghiệp - xây dựng chiếm 40%; Nông, lâm, thủy sản chiếm 25%; Dịch vụ chiếm 35% GDP vào năm 2015.
- Tổng thu ngân sách trên địa bàn đến năm 2015 đạt 1.900 tỷ đồng (trong đó thu nội địa đạt trên 1.300 tỷ đồng, thu Hải quan đạt trên 600 tỷ đồng), tỷ lệ huy động GDP vào ngân sách năm 2015 tối thiểu là 11%.
- Giá trị kim ngạch xuất khẩu năm 2015 là 180 triệu USD, tăng bình quân 28 - 30%/năm.
- Tổng vốn đầu tư toàn xã hội thời kỳ 2011 - 2015 khoảng 55 - 60 nghìn tỷ đồng.

2. Về xã hội:Phấn đấu đến năm 2015, đạt các chỉ tiêu sau:

- Số lượng lao động được giải quyết việc làm mới từ 70 nghìn đến 75 nghìn người, bình quân hàng năm giải quyết việc làm mới cho 15 nghìn lao động.
- Tốc độ tăng dân số tự nhiên 1,15%/năm, quy mô dân số trung bình đến năm 2015 đạt 650 nghìn người.
- Tỷ lệ hộ nghèo giảm bình quân hàng năm từ 1,2 - 1,5% (theo chuẩn mới 2011 - 2005).

- Đạt tỷ lệ 7 bác sỹ /1 vạn dân và 60% trạm y tế xã phường có bác sỹ; 70% xã, phường, thị trấn đạt chuẩn quốc gia về y tế; tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng đến năm 2015 còn dưới 18%.

- Tỷ lệ lao động qua đào tạo đến năm 2015 đạt 50%, trong đó đào tạo nghề đạt 33%.

- Phân đầu đến năm 2015, có 30% số trường đạt chuẩn quốc gia; 50% số học sinh tiểu học được học 2 buổi/ngày; 10% số trường mầm non đạt chuẩn quốc gia.

- Phân đầu đến năm 2015 có 60% số xã, phường xây dựng được trung tâm văn hóa - thông tin - thể thao; 65% số thôn, khu phố đạt chuẩn về văn hóa.

3. Các chỉ tiêu về môi trường:

- Nâng độ che phủ rừng đạt trên 45%.

- Tỷ lệ dân cư nông thôn được sử dụng nước sạch đạt 95%; 80% số hộ nông thôn có hố xí hợp vệ sinh.

- Tỷ lệ thu gom rác thải đô thị đạt 90%.

4. Các chỉ tiêu về quốc phòng an ninh:

- Tỷ lệ số xã, phường đạt vững mạnh toàn diện về quốc phòng an ninh từ 50% trở lên.

- Tỷ lệ quân số dân quân, tự vệ đạt 1,5% dân số.

III. NHIỆM VỤ CHỦ YẾU:

Để đạt được các mục tiêu, các chỉ tiêu chủ yếu nêu trên, trong giai đoạn 5 năm tới cần tập trung thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm, trước hết là thực hiện ba khâu đột phá lớn: (1) Tập trung nâng cao năng lực cạnh tranh, tạo môi trường đầu tư, kinh doanh thông thoáng, để khai thác tốt nhất nội lực và thu hút tối đa ngoại lực cho đầu tư phát triển; (2) Cải thiện điều kiện cơ sở hạ tầng; (3) Phát triển nguồn nhân lực để đáp ứng cho yêu cầu phát triển của tỉnh và hội nhập quốc tế trên cơ sở liên kết với các trường Đại học, các Trung tâm đào tạo có thương hiệu, có uy tín trong và ngoài nước để thành lập và đưa vào hoạt động các cơ sở đào tạo nguồn nhân lực tại tỉnh. Cụ thể:

1. Tiếp tục cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư, kinh doanh, nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh, phân đầu đến năm 2015, nâng chỉ số năng lực cạnh tranh của tỉnh xếp vào nhóm các tỉnh đứng đầu trong cả nước. Trước hết là đẩy mạnh công tác cải cách thủ tục hành chính một cách đồng bộ, có hiệu quả; phát huy hiệu quả hoạt động của Văn phòng Phát triển kinh tế, thực hiện tốt nhất cơ chế một cửa liên thông trên lĩnh vực đầu tư, nhằm tạo thuận lợi tối đa có thể cho

các doanh nghiệp, nhà đầu tư hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư; khuyến khích phát triển các thành phần kinh tế phát triển.

2. Nâng cao chất lượng tăng trưởng và hiệu quả nền kinh tế, huy động tối đa các nguồn lực cho đầu tư phát triển kinh tế và giải quyết tốt các vấn đề xã hội; phối hợp tốt nhất trong triển khai các dự án đầu tư trọng điểm quốc gia trên địa bàn, tập trung triển khai các dự án, công trình có quy mô lớn của địa phương để tạo động lực phát triển nhanh và bền vững kinh tế - xã hội của tỉnh trong giai đoạn 2011 - 2015 và các năm tiếp theo.

3. Nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo, trong đó tập trung đào tạo và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu phát triển của tỉnh, trước hết là phát triển các ngành kinh tế trụ cột và hội nhập quốc tế.

4. Đẩy mạnh phát triển và chuyển giao công nghệ, nhất là công nghệ ứng dụng vào sản xuất, công nghệ sinh học trong nông nghiệp và công nghiệp sạch; chú trọng liên kết hợp tác để chuyển giao công nghệ mới; trọng tâm là triển khai có hiệu quả dự án nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa của các doanh nghiệp vừa và nhỏ tại địa phương; thực hiện tốt chương trình hỗ trợ doanh nghiệp về khoa học và công nghệ và chương trình sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả. Đẩy mạnh hoạt động sản xuất sạch hơn trong công nghiệp.

5. Hoàn thiện một bước hệ thống kết cấu hạ tầng, nhất là hạ tầng giao thông kết nối để khai thác tốt nhất lợi thế kinh tế vùng, phục vụ cho phát triển địa phương như sân bay, cảng biển của các tỉnh trong vùng, mà trọng tâm là đầu tư hoàn thành tuyến đường ven biển từ Bình Tiên đến Cà Ná dài 116 km và nâng cấp, mở rộng tuyến Quốc lộ 1A đoạn từ sân bay quốc tế Cam Ranh đến thành phố Phan Rang – Tháp Chàm; chuẩn bị tốt các điều kiện để phục vụ khởi công xây dựng các nhà máy điện hạt nhân tại tỉnh theo Quyết định của Chính phủ và Nghị quyết của Quốc hội.

6. Mở rộng hợp tác toàn diện với các tỉnh trong khu vực Nam Trung bộ và thành phố Hồ Chí Minh, Lâm Đồng và các tỉnh Tây nguyên; đẩy mạnh các chương trình hợp tác với các Tập đoàn kinh tế, các nhà đầu tư tiềm năng trong và ngoài nước để khai thác tiềm năng, lợi thế của tỉnh, nhất là lĩnh vực năng lượng, du lịch, công nghiệp...

7. Tập trung triển khai đầy đủ, kịp thời các chủ trương, chính sách an sinh xã hội, giải quyết tốt các vấn đề xã hội bức xúc; khai thác, sử dụng có hiệu quả tài nguyên, đất đai, tăng cường công tác bảo vệ cải thiện môi trường; chủ động phòng tránh và giảm nhẹ thiên tai, ứng phó có hiệu quả với biến đổi khí hậu.

8. Nâng cao hiệu quả, hiệu lực quản lý nhà nước trên tất cả các lĩnh vực; thực hiện có hiệu quả công tác phòng chống tham nhũng, thực hiện tốt công tác tiếp công dân; bảo đảm quốc phòng an ninh, trật tự an toàn xã hội.

C. KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN CÁC NGÀNH VÀ LĨNH VỰC CHỦ YẾU:

I. LĨNH VỰC KINH TẾ:

Phát triển kinh tế đạt tốc tăng trưởng nhanh và bền vững, với những bước đi riêng, khác biệt, có tính cạnh tranh cao, nhằm khai thác tốt nhất lợi thế kinh tế của vùng và tiềm năng, thế mạnh của tỉnh, nhất là các nhóm ngành trụ cột, gắn tăng trưởng kinh tế với phát triển xã hội và bảo vệ môi trường.

:

a) Sản xuất nông, lâm nghiệp:

Mục tiêu: Phát triển nông nghiệp theo hướng nâng cao chất lượng tăng trưởng, sản xuất sạch để phát triển bền vững; chuyên dịch mạnh cơ cấu nội bộ ngành để nâng cao hiệu quả, bảo đảm nguyên liệu cho công nghiệp chế biến và hiện đại hóa nông nghiệp nông thôn; phát triển mạnh các cây trồng có giá trị kinh tế cao như cây cao su, cây neem và một số cây có lợi thế khác; phát triển nông nghiệp, nông thôn gắn với thực hiện các chính sách an sinh xã hội; phấn đấu tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất bình quân hàng năm 5 - 6%/năm, chiếm cơ cấu 20 - 21% trên GDP toàn tỉnh; giá trị sản xuất đạt 55 - 60 triệu đồng/ha, tỷ lệ chủ động tưới đạt 50%.

Định hướng và các giải pháp chủ yếu:

- Trồng trọt: Tập trung chuyển dịch cơ cấu cây trồng phù hợp với điều kiện của từng vùng, nâng cao chất lượng sản phẩm và hiệu quả sản xuất để nâng cao giá trị sản xuất /ha đất sản xuất; ổn định diện tích trồng lúa 17 - 18 nghìn ha, trong đó diện tích sản xuất 2 - 3 vụ khoảng 11 - 12 nghìn ha, hình thành vùng sản xuất rau sạch, cây thực phẩm ở thành phố Phan Rang - Tháp Chàm và huyện Ninh Phước để đáp ứng nhu cầu thực phẩm sạch cho các siêu thị, các khu du lịch; tập trung triển khai quy hoạch phát triển cây nho theo hướng đầu tư đồng bộ, trước hết là công tác giống, cải tạo giống mới, ứng dụng công nghệ sản xuất nho sạch, phục vụ nhu cầu nho tươi và các sản phẩm chế biến nho, các giống nho rượu gắn với chế biến rượu vang nho, để vừa tăng quy mô sản lượng, vừa tăng hàm lượng giá trị cây nho, phấn đấu nâng tỷ trọng giá trị cây nho chiếm từ 24 - 25% giá trị của ngành trồng trọt, đưa quy mô diện tích trồng nho lên khoảng 2.000 ha vào năm 2015.

+ Mở rộng quy mô sản xuất các loại cây công nghiệp ngắn ngày, bảo đảm nguyên liệu cho công nghiệp chế biến, nâng cao chất lượng và tăng năng suất cây trồng gắn với thị trường; tập trung vào một số cây trồng chính như: mía khoảng 3.000 ha cung cấp nguyên liệu cho nhà máy đường của địa phương ở các vùng chủ động nước thuộc hệ thống thủy lợi Tân Mỹ, sông Trâu, sông Sắt và Tân Giang; quy hoạch vùng sản xuất mì tập trung ổn định diện tích 2.500 ha trên địa bàn các huyện Ninh Sơn, Bác Ái cung cấp nguyên liệu cho nhà máy tinh bột mì, phát triển cây thuốc lá bảo đảm chất lượng cho xuất khẩu ở các xã Phước Sơn, Phước Vinh (Ninh Phước), Nhơn Sơn, Mỹ Sơn, Hòa Sơn (Ninh Sơn) và Phước Đại, Phước Tân, Phước Tiến và Phước Trung (Bác Ái) với diện tích khoảng 2.500 ha.

+ Phát triển cây công nghiệp dài ngày gắn với quy hoạch phủ xanh rừng, tăng độ che phủ và bảo đảm nguyên liệu cho công nghiệp chế biến, phát triển theo hướng mở rộng diện tích, tập trung phát triển các loại cây chủ lực phù hợp điều kiện của từng vùng, chủ yếu là ở địa bàn các huyện Ninh Sơn, Bác Ái, Ninh Phước với các loại cây neem khoảng 5.000 - 6.000 ha ; cây điều khoảng 6.000 ha đáp ứng khoảng 50% nhu cầu nhà máy chế biến trong tỉnh, cây jatropha khoảng 3.000 – 5.000 ha, nghiên cứu điều tra phát triển cây cao su theo hướng đại điền ở diện tích rừng nghèo kiệt khoảng 11 - 12 nghìn ha ở vùng tiếp giáp với cao nguyên Lâm Đồng thuộc địa bàn các huyện Bác Ái, Ninh Sơn. Phát triển cây táo khoảng 1.000 ha, sản lượng 25 nghìn tấn vào năm 2015.

+ Tập trung đầu tư chương trình thủy lợi trọng điểm để tăng năng lực tưới cho nông nghiệp và nuôi trồng thủy sản, bảo đảm cung cấp nước cho các khu công nghiệp, các khu du lịch và 02 nhà máy điện hạt nhân, cung cấp nước sinh hoạt cho nhân dân. Triển khai đầu tư hoàn thành đồng bộ một số hồ đập gắn với đầu tư hệ thống kênh mương để phát huy cao nhất hiệu quả các hồ chứa: Lanh Ra, Bà Râu, Kiên Kiên, Ô Cắm, Tân Giang II, Sông Than và hệ thống thủy lợi Tân Mỹ; triển khai đầu tư đập hạ lưu Sông Dinh, hồ sinh thái Đa Mây. Đầu tư các tuyến giao thông huyết mạch đến các vùng nguyên liệu trọng điểm của tỉnh và hệ thống các tuyến đường giao thông nông thôn, miền núi.

+ Xây dựng thương hiệu cho sản phẩm nông nghiệp đặc thù, trước hết là nho và các sản phẩm chế biến từ nho, tỏi, dê, cừu ... theo hướng phát triển các sản phẩm sạch, đạt chuẩn về an toàn vệ sinh thực phẩm.

+ Tăng cường công tác thông tin về thị trường giá cả nông sản cho nông dân.

- Chăn nuôi: Phát triển chăn nuôi toàn diện, đồng bộ gắn với thị trường theo hướng bền vững, trọng tâm là phát triển và nâng cao chất lượng đàn bò, phát triển theo hướng tăng trọng thông qua mô hình chăn nuôi trang trại tập trung và hộ gia đình, thâm canh, vỗ béo, ổn định quy mô tổng đàn khoảng 120 - 130 nghìn con, tỷ lệ sinh hóa đạt 38% vào năm 2015; phát triển đàn dê, cừu theo hướng chăn nuôi quy mô lớn, trong đó tập trung tạo giống đàn cừu đáp ứng tiêu chuẩn quy mô khoảng 120 nghìn con, phát triển tổng đàn dê khoảng 80 nghìn con, gắn với quy hoạch phát triển đồng cỏ, thị trường tiêu thụ, chế biến, dịch vụ thú y, công tác phòng chống dịch bệnh, đáp ứng được nhu cầu nguyên liệu cho nhà máy chế biến thịt gia súc.

- Dịch vụ nông nghiệp: Mở rộng mạng lưới dịch vụ nông nghiệp gắn với hệ thống khuyến nông từ tỉnh đến cơ sở, phát triển các loại hình dịch vụ về giống, chuyển giao công nghệ ứng dụng vào sản xuất, cung ứng vật tư nông nghiệp, dịch vụ trong khâu làm đất, thu hoạch...phần đầu đạt giá trị ngành dịch vụ chiếm khoảng 11 - 12% giá trị sản xuất của ngành nông nghiệp.

- Lâm nghiệp: Phát triển lâm nghiệp theo hướng nâng cao chất lượng độ che phủ rừng một cách hợp lý bảo đảm phát triển nông nghiệp bền vững, định hướng phát triển đồng bộ từ trồng, chăm sóc bảo vệ, quản lý và khai thác phát triển kinh tế từ rừng, trọng tâm là chăm sóc và bảo vệ rừng, tất cả diện tích rừng đều có chủ theo phương châm xã hội cùng chăm lo bảo vệ rừng,

phần đầu đến năm 2015, nâng độ che phủ rừng đạt 45%. Tập trung bảo vệ rừng ở những vùng trọng điểm, các khu bảo tồn và các Vườn Quốc gia Núi Chúa và Phước Bình, giữ độ che phủ rừng Bác Ái, nâng độ che phủ rừng Ninh Hải, Thuận Bắc, Ninh Phước và Ninh Sơn, trồng mới 800 - 1000 ha rừng theo quy hoạch và chăm sóc rừng 50 nghìn ha/năm.

b) Thủy sản:

Mục tiêu: Phát triển ngành thủy sản theo hướng phát triển bền vững, khai thác tiềm năng lợi thế về kinh tế biển, phát triển đồng bộ cả khai thác, nuôi trồng, chế biến và phát triển dịch vụ hậu cần nghề cá, lấy chế biến làm động lực để nâng cao hiệu quả ngành thủy sản, phát triển nuôi trồng thủy sản bền vững là nhiệm vụ trọng tâm gắn với phát triển du lịch và công nghiệp ven biển và bảo vệ môi trường, tài nguyên biển.

Phần đầu tăng trưởng giá trị sản xuất bình quân 7 - 8%/năm, trong đó ngành khai thác tăng 2 - 2,2%/năm, nuôi trồng tăng bình quân 20 - 25%/năm và dịch vụ sản xuất giống tăng 10%/năm; ổn định sản lượng khai thác thủy sản khoảng 60.000 - 62.000 tấn/năm, giải quyết việc làm cho khoảng 40.000 lao động; sản lượng giống thủy sản đạt 14 tỷ con giống/năm; giá trị xuất khẩu thủy sản đạt 100 triệu USD.

Định hướng và các giải pháp chủ yếu:

- Khai thác thủy sản : Mở rộng ngư trường khai thác xa bờ kết hợp bảo vệ quốc phòng, an ninh và bảo vệ chủ quyền trên biển, hiện đại hóa thiết bị nghề cá, chuyển đổi thuyền nghề khai thác sản phẩm có giá trị kinh tế cao, phát triển cơ sở hạ tầng nghề cá đồng bộ theo hướng xây dựng Ninh Thuận trở thành trung tâm dịch vụ hậu cần nghề cá của khu vực, đầu tư các cảng cá Đông Hải, Ninh Chữ, Cà Ná, đầu tư mới bến cá Mỹ Tân, Sơn Hải theo hướng đa mục tiêu, vừa là nơi trú tránh bão cho tàu thuyền có công suất lớn từ 500 - 1.000 CV vừa phát triển hệ thống kho lạnh bảo quản và các cơ sở đóng, sửa chữa tàu thuyền trên các cảng cá, bảo đảm cung cấp nguyên vật liệu cho tàu thuyền và tiêu thụ sản phẩm cho ngư dân. Đưa số lượng tàu cá đánh bắt xa bờ lên từ 500 - 550 chiếc với năng lực 80.000CV, chiếm 20% số tàu cá (khoảng 2.800 chiếc) và 47% về công suất.

- Phát triển nuôi trồng theo hướng bền vững gắn với phát triển du lịch, ổn định diện tích nuôi trên bờ, phát triển nuôi biển và nuôi nước ngọt, phát triển theo chiều sâu, ứng dụng công nghệ nuôi mới tạo sản phẩm sạch, phát triển sản xuất đi đôi với bảo vệ tốt môi trường và bảo đảm an sinh xã hội cho nhân dân vùng biển. Định hướng nuôi trồng nước lợ ổn định diện tích từ 1.200 - 1.300 ha ở Đầm Nai, Phú Thọ, An Hải, Sơn Hải theo hướng nuôi công nghiệp, đến năm 2015 đạt sản lượng khoảng 10.000 tấn; phát triển nuôi nước ngọt tận dụng các hồ chứa theo hướng nuôi quảng canh để bảo vệ môi trường sinh thái vùng hồ và cung cấp thực phẩm tại chỗ; phát triển nuôi biển theo phương thức nuôi lồng, bè vươn ra biển.

- **Phát huy lợi thế sản xuất giống, mục tiêu là xây dựng Ninh Thuận thành trung tâm sản xuất giống chất lượng cao của cả nước theo hướng khép kín từ khâu giống bố mẹ đến**

khâu nuôi, áp dụng quy trình sản xuất sản phẩm sạch, đa đối tượng nuôi theo hướng thị trường, bảo đảm yêu cầu nguyên liệu phục vụ công nghiệp chế biến. Phấn đấu đến năm 2015, sản lượng giống thủy sản đạt khoảng 14 tỷ con giống.

2. Công nghiệp và Xây dựng:

a) Về Công nghiệp:

Mục tiêu chung: Phát triển công nghiệp sạch, tạo tăng trưởng cao đối với các ngành công nghiệp tinh có lợi thế để chuyển dịch nhanh cơ cấu kinh tế, trọng tâm là phát triển công nghiệp chế biến nông lâm, thủy sản, sản xuất vật liệu xây dựng, chế biến thực phẩm và đồ uống, năng lượng tái tạo, điện hạt nhân, thủy điện tích năng, sản xuất muối công nghiệp và hóa chất sau muối; từng bước hình thành và phát triển một số sản phẩm chủ lực có khả năng cạnh tranh cao, phấn đấu giá trị sản xuất công nghiệp tăng bình quân 26 - 27%/năm.

Định hướng và các giải pháp chủ yếu:

- Công nghiệp năng lượng: Mục tiêu là xây dựng Ninh Thuận trở thành trung tâm năng lượng sạch, mà trọng tâm là 2 nhà máy điện hạt nhân do nguồn lực trung ương đầu tư, cần tăng huy động các nguồn lực FDI để đẩy mạnh phát triển năng lượng tái tạo, theo quy hoạch hiện có 14 vùng có tiềm năng gió với quy mô 1.500-2.000 MW, trong đó giai đoạn 2011 - 2015, ưu tiên phát triển các nhà máy điện gió trên địa bàn 2 huyện Ninh Phước và Thuận Bắc, phấn đấu đến năm 2015 phát triển điện gió khoảng trên 200 MW theo quy hoạch; triển khai dự án đầu tư thủy điện tích năng với tổng công suất 1.200 MW tại huyện Bác Ái, kêu gọi các thành phần kinh tế kể cả FDI đầu tư các dự án điện mặt trời.

- Phát triển ngành công nghiệp chế biến có lợi thế của tỉnh theo hướng hội nhập kinh tế quốc tế, phát triển công nghiệp sạch, thân thiện môi trường và tiết kiệm năng lượng:

+ Trước hết, phát triển mạnh sản xuất muối công nghiệp và hóa chất sau muối, tập trung vùng trọng điểm sản xuất muối công nghiệp ở 2 huyện Thuận Nam, Ninh Hải với quy mô sản xuất lớn nhất cả nước trên 5.000 ha, sản lượng hàng năm 450 - 500 nghìn tấn, phát triển các sản phẩm hóa chất sau muối như Oxit Magie, xút, Soda; xây dựng một số nhà máy sản xuất muối tinh tại các đồng muối và nhà máy chế biến muối I-ốt đáp ứng nhu cầu muối thực phẩm trong nước. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ mới trong sản xuất muối sạch, muối tinh hướng đến xuất khẩu, khuyến khích đầu tư cơ giới hoá khâu thu hoạch, áp dụng công nghệ che phủ bạt khu kết tinh muối; quan tâm đầu tư hạ tầng sản xuất và hạ tầng xã hội cho nhân dân vùng sản xuất muối để ổn định đời sống nhân dân.

+ Phát triển Công nghiệp chế biến nông, lâm, thủy hải sản theo hướng nâng cao hiệu quả cho sản xuất nông nghiệp, là động lực để phát triển nông nghiệp và công nghiệp hóa nông nghiệp nông thôn, chuyển dịch cơ cấu lao động trong nông thôn và giải quyết việc làm và bảo đảm an sinh xã hội; định hướng phát triển các nhà máy công nghiệp quy mô nhỏ và vừa phù hợp với điều kiện việc phát triển vùng nguyên liệu trong tỉnh và một số tỉnh lân cận, chế biến phải gắn với thị trường trong nước và hướng đến xuất khẩu. Tập trung phát triển một số sản phẩm chủ

lực của tỉnh theo hướng đổi mới công nghệ nâng cao chất lượng và tạo ra những sản phẩm có giá trị gia tăng cao và mở rộng quy mô sản phẩm phù hợp như sản phẩm đường và sản phẩm sau đường đạt 11 – 12 nghìn tấn, tinh bột mỳ 7 - 8 nghìn tấn, nhân hạt điều và sản phẩm sau điều đạt 12 - 13 nghìn tấn.

Phát triển mạnh ngành công nghiệp chế biến thực phẩm với nguồn nguyên liệu chủ động và là những sản phẩm có lợi thế của địa phương, hình thành từ 01 đến 02 nhà máy chế biến Tôm, sản lượng khoảng 10 nghìn tấn/năm, nhà máy chế biến thịt gia súc, gia cầm với sản phẩm có lợi thế từ ngành chăn nuôi của địa phương như dê, cừu; phát triển nhà máy sản xuất rượu nho gắn với việc hình thành các khu du lịch sinh thái; nhà máy sản xuất bia quy mô 50 triệu lít/năm.

- Đẩy mạnh phát triển công nghiệp khai thác và chế biến khoáng sản của tỉnh theo quy hoạch, trước hết quy hoạch và khai thác khoáng sản Ti tan gắn với chế biến và bảo đảm môi trường sinh thái; triển khai đầu tư xây dựng nhà máy chế biến sâu Titan quy mô công suất 60 nghìn tấn xi/năm, chế biến các sản phẩm đá granit phát triển thành sản phẩm vật liệu cao cấp Ninh Thuận với quy mô trên 1 triệu m²/năm, cung cấp cho thị trường xây dựng cao cấp trong nước và hướng đến xuất khẩu; phát huy lợi thế về sản xuất vật liệu xây dựng những sản phẩm quy mô lớn như gạch tuynen quy mô trên 150 triệu viên, sản xuất xi măng 750 nghìn tấn/năm.

- Phát triển khai thác nước khoáng theo hướng đa mục tiêu, gắn với việc khai thác chế biến nước khoáng với phát triển du lịch nghỉ dưỡng, tắm nước khoáng nóng, tắm bùn....giai đoạn 2011 - 2015, mở rộng và nâng công suất khai thác nước khoáng Ninh Sơn; thăm dò và lập dự án khai thác, thu hút các doanh nghiệp phát triển sản xuất nước khoáng ở Nhị Hà đạt công suất 2 triệu lít /năm

- Từng bước phát triển các ngành công nghiệp phụ trợ phục vụ cho sản xuất công nghiệp như lắp ráp, gia công cơ khí, sản xuất các linh kiện cơ khí phục vụ cho các nhà máy sản xuất điện.

- Tập trung phát triển các làng nghề tiểu thủ công nghiệp gắn với phát triển du lịch, góp phần bảo tồn nền văn hóa các dân tộc; triển khai thực hiện có hiệu quả Đề án phát triển làng nghề, tiểu thủ công nghiệp đến năm 2012 và các năm tiếp theo; duy trì và phát triển các ngành nghề tiểu thủ công nghiệp và các ngành nghề truyền thống của tỉnh có lợi thế và sản phẩm có quy mô lớn, lựa chọn một số ngành nghề có hiệu quả như chế biến nước mắm với quy mô khoảng 10 triệu lít/năm, chế biến nội tiêu (cá khô hấp), khôi phục và phát triển các làng nghề truyền thống của tỉnh gắn với việc quy hoạch xây dựng các cụm ngành nghề nông thôn để sản xuất tập trung và có điều kiện để mở rộng quy mô sản xuất, bảo đảm điều kiện môi trường, trong đó các làng nghề chế biến thủy sản ở Cà Ná, Mỹ Tân, Đông Hải, làng gốm Bàu Trúc ở Phước Dân; dệt thổ cẩm Chăm ở Chung Mỹ, Mỹ Nghiệp; tranh thêu, tranh ghép gỗ, sản phẩm từ mây tre ở Ninh Sơn và hàng thủ công mỹ nghệ khác.

- Đẩy nhanh tiến độ đầu tư hoàn thành cơ sở hạ tầng của 2 Khu công nghiệp Du Long và Phước Nam, thu hút nhà đầu tư thứ cấp lắp đầy giai đoạn 1 của 2 Khu công nghiệp Du Long

và Phước Nam, hoàn thành cơ bản cơ sở hạ tầng khoảng 30% Khu công nghiệp Cà Ná; tiếp tục thu hút các dự án đầu tư tạo tăng trưởng ngay trong giai đoạn 2011 - 2015 và các năm tiếp theo; lấp đầy 2 Cụm công nghiệp Thành Hải (kể cả phần mở rộng) và Tháp Chàm. Quy hoạch và đầu tư ở mỗi huyện có 1 - 2 cụm công nghiệp với quy mô khoảng 30 - 50 ha để thực hiện chủ trương công nghiệp hóa nông nghiệp và nông thôn gắn với tiêu thụ sản phẩm nông sản cho nông dân, ưu tiên thu hút đầu tư cơ sở hạ tầng các cụm công nghiệp Tri Hải (huyện Ninh Hải), Quảng Sơn (huyện Ninh Sơn), Suối Đá (huyện Thuận Bắc).

b) Xây dựng, kinh doanh bất động sản và phát triển các khu đô thị mới theo hướng hiện đại:

Mục tiêu chung: Phát triển ngành xây dựng và kinh doanh bất động sản theo nguyên tắc chủ đạo là bảo đảm xây dựng một môi trường sống tốt, phát triển theo hướng bền vững, thân thiện với môi trường, phát triển hệ thống giao thông liên vùng thuận tiện có tính kết nối cao và xây dựng một thị trường bất động sản có giá cả hợp lý, có sự khác biệt và có sức cạnh tranh cao.

- Định hướng phát triển ngành Xây dựng theo hướng:

+ Hình thành và phát triển các doanh nghiệp hoạt động xây dựng có năng lực về tài chính và năng lực về kỹ thuật để triển khai các công trình dự án có quy mô lớn, yêu cầu về trình độ kỹ thuật phức tạp, và có điều kiện phát triển mạnh khi triển khai xây dựng 02 nhà máy điện hạt nhân, tạo bức phá phát triển ngành xây dựng trong giai đoạn tới.

+ Phát triển mạnh nguồn nguyên vật liệu xây dựng như xi măng đạt sản lượng 750 nghìn tấn/năm vào năm 2015, cát, đá xây dựng ...; đồng thời phát triển mạnh các ngành dịch vụ xây dựng như dịch vụ tư vấn thiết kế kiến trúc, dịch vụ tư vấn xây dựng công trình.

- Kinh doanh bất động sản: Từng bước hình thành và phát triển thị trường bất động sản bao gồm dịch vụ môi giới, cho thuê bất động sản, phát triển thị trường trung gian cung cấp các dịch vụ mua bán bất động sản đã qua sử dụng và phát triển dịch vụ sửa chữa bảo dưỡng các công xây dựng, chống xuống cấp. Phát triển mạnh thị trường nhà ở cho thuê, các khu văn phòng cao cấp.

- Phát triển đô thị:

+ Đẩy mạnh công tác quy hoạch đô thị một cách đồng bộ và có chất lượng cao, phấn đấu đến năm 2015, trên địa bàn thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, các thị trấn, thị tứ đều có quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2000; 100% xã trên địa bàn huyện đều có quy hoạch nông thôn mới;

+ Từng bước hình thành và phát triển các khu đô thị mới; đẩy nhanh tiến độ đầu tư hoàn thành khu đô thị K1, thu hút đầu tư khu dân cư Đông Văn Sơn - Bắc Bình Sơn, khu đô thị Đàm Nai, và kêu gọi đầu tư phát triển một số khu dân cư cao cấp, quy mô diện tích từ 4 - 6 ha/khu, với khoảng 1.500 - 2.000 căn hộ đáp ứng nhu cầu nhà ở cao cấp cho các chuyên gia nước ngoài,

văn phòng cao cấp cho thuê và nhu cầu nhà ở cho người có thu nhập cao, các doanh nhân đến sinh sống và làm ăn tại tỉnh.

: Là lĩnh vực còn nhiều tiềm năng lớn, phát triển toàn diện cả về quy mô và nâng cao chất lượng để tạo giá trị gia tăng cao. Phần đầu tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất bình quân 16 - 17%/năm, chiếm tỷ trọng 35% GDP vào năm 2015.

a) Du lịch:

Mục tiêu: Phát triển toàn diện để khai thác tiềm năng và lợi thế du lịch của tỉnh, bao gồm: du lịch biển, du lịch sinh thái, du lịch văn hóa và dịch vụ phục vụ du lịch, từng bước hình thành khu du lịch trọng điểm của cả nước, với nhiều loại hình du lịch độc đáo và chất lượng dịch vụ tốt nhất, sản phẩm du lịch đa dạng; phát triển du lịch gắn với phát triển các làng nghề truyền thống, du lịch sinh thái, du lịch nghỉ dưỡng gắn với thưởng thức rượu vang nho, spa nho. Phần đầu đến năm 2015, thu hút khách du lịch tăng gấp 2 - 2,5 lần so với năm 2010, đóng góp 5% GDP của tỉnh, xây dựng Ninh Thuận trở thành một trong những vùng trọng điểm du lịch quốc gia, nằm trong tam giác du lịch Nha Trang - Đà Lạt - Mũi Né. Xây dựng thương hiệu du lịch Ninh Thuận, trọng điểm là khu du lịch Bình Tiên - Vĩnh Hy.

Định hướng và các giải pháp chủ yếu:

- Đầu tư cải thiện về điều kiện hạ tầng giao thông tạo kết nối cao giữa các khu du lịch với các trục quốc lộ, nhất là tuyến đường ven biển từ Bình Tiên đến Cà Ná, kết nối các khu du lịch biển với cảng hàng không quốc tế Cam Ranh, đào tạo phát triển nguồn nhân lực cho ngành du lịch theo hướng chuyên nghiệp, tiến tới xây dựng du lịch Ninh Thuận trở thành một điểm đến quan trọng trong mạng lưới du lịch của cả nước.

- Đa dạng hóa các loại hình du lịch, có chính sách thu hút đầu tư và đẩy mạnh xúc tiến mời gọi các nhà đầu tư chuyên nghiệp, có uy tín, có thương hiệu trong và ngoài nước đầu tư một số loại hình du lịch tinh có lợi thế với quy mô lớn, có tính cạnh tranh cao như du lịch thuyền buồm cao cấp; xây dựng các cơ sở du lịch nghỉ dưỡng và thu hút loại hình Spa cao cấp có thương hiệu; phát triển loại hình du lịch trên không và dưới nước như kéo dù, bơi lội dưới nước ngắm rặng san hô, đua mô tô trên cát; Hình thành các tour du lịch sinh thái và các khu du lịch nghỉ dưỡng cao cấp thân thiện với môi trường; du lịch văn hóa gắn với các khu di tích Chăm và các làng nghề truyền thống.

- Triển khai chương trình hợp tác du lịch với các tỉnh, thành phố nhất là chương trình hợp tác các tỉnh Ninh Thuận - Bình Thuận - Lâm đồng, Ninh Thuận - Khánh Hòa, Ninh Thuận - thành phố Hồ Chí Minh để khai thác lợi thế vùng phát triển du lịch của mỗi địa phương.

- Phát triển du lịch biển được xác định là trọng điểm của tỉnh, tập trung phát triển 5 khu du lịch biển gồm: Khu du lịch Bình Tiên, Bình Tiên - Vĩnh Hy, Bình Sơn - Ninh Chữ, Mũi Dinh, Cà Ná. Trong đó Khu du lịch trọng điểm làm động lực là khu du lịch Bình Tiên - Vĩnh Hy, Bình

Sơn - Ninh Chữ để xây dựng thương hiệu cho du lịch Ninh Thuận với một số khu du lịch và khách sạn đạt tiêu chuẩn 4 - 5 sao, có thể tổ chức các hoạt động lớn như hội nghị, liên hoan, lễ hội cấp vùng và cả nước, trở thành điểm đến của du khách trong và ngoài nước. Đẩy nhanh tiến độ hoàn thành một số dự án du lịch trọng điểm đi vào hoạt động tạo năng lực mới như Khu du lịch Bình Tiên, Bãi Thùng, Nam Núi Chúa, dự án du lịch sinh thái Spa gắn với chế biến rượu Nho ở Ninh Hải, du lịch Đầm Nai, phát triển loại hình du lịch mới đưa thuyền vịnh Vĩnh Hy.

- Phát triển các khu du lịch sinh thái theo hướng là khai thác các tiềm năng, địa thế địa hình đồi núi để hình thành và phát triển các Cụm du lịch sinh thái gắn với các tuyến du lịch kết hợp du lịch sinh thái, du lịch văn hóa và các điểm du lịch trọng điểm của tỉnh như: Cụm du lịch sinh thái Bác Ái - Ninh Sơn, gắn với các điểm du lịch hồ Sông Sắt, suối Thương, du lịch Sa Kai, suối Chapor (Phước Tân - Bác Ái) lấy Khu du lịch suối nước nóng và nghỉ dưỡng Ninh Sơn làm trung tâm; Cụm du lịch sinh thái - văn hoá Thuận Bắc gắn với các điểm du lịch sông Trâu, khu du lịch Nghỉ dưỡng cao cấp và sân Golf - Ma Trai, điểm du lịch suối Tiên - Bình Tiên và Tháp Hoà Lai, lấy khu du lịch Bình Tiên làm Trung tâm; Cụm du lịch sinh thái Ninh Phước gắn với các điểm du lịch hồ Tân Giang, sinh thái Đa Mây, nước khoáng Nhị Hà, các điểm văn hoá Tháp Pôrômê, và các làng nghề truyền thống dệt thổ cẩm Mỹ Nghiệp, Chung Mỹ, gồm Bàu Trúc, lấy khu du lịch Cà Ná làm trung tâm; cụm du lịch văn hoá Phan Rang - Tháp Chàm: Gắn với các điểm du lịch văn hoá tháp PôKlong - Garai, Trung tâm nghiên cứu văn hoá Chăm, các đền chùa, cụm di tích chùa núi Đá Chồng, bảo tàng tỉnh và du lịch biển Bình Sơn - Ninh Chữ kết hợp với du lịch mua sắm các Trung tâm thương mại, siêu thị, lấy Khu du lịch Bình Sơn - Ninh Chữ làm trung tâm.

- Hoàn thành khu du lịch công chào Bình Tiên để tạo điểm nhấn cửa ngõ phía Bắc của tỉnh; xây dựng khu thương mại phía Đông trung tâm hành chính huyện Thuận Bắc để từng bước hình thành thị trấn Lợi Hải.

b) Thương mại:

Mục tiêu: Phát triển mạnh hệ thống thương mại để tạo kết nối thông suốt giữa thành thị và nông thôn, hình thành các kênh bán buôn đối với một số mặt hàng thiết yếu phục vụ sản xuất và tiêu dùng của nhân dân, khuyến khích phát triển loại hình kinh doanh siêu thị theo hướng văn minh, hiện đại; phát triển thương mại miền núi trên cơ sở hình thành một số chợ cụm xã, chợ nông thôn ở các vùng đông dân cư ở nông thôn, miền núi. Phân đầu tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tăng bình quân khoảng 21 - 22%/năm, đến năm 2015 đạt doanh thu khoảng 17 nghìn tỷ đồng.

Định hướng và các giải pháp chủ yếu:

- Phát triển ngành thương mại để cung cấp nhiều dịch vụ tiện ích, các hình thức thương mại hiện đại, mua bán phục vụ tận nơi, đáp ứng nhu cầu hàng hóa cho sản xuất và tiêu dùng của nhân dân, mở rộng phạm vi và địa bàn hoạt động, hình thành một số trọng điểm thương mại tỉnh, xây dựng thành phố Phan Rang - Tháp Chàm là trung tâm thương mại - dịch vụ của tỉnh, phát triển chợ đầu mối ở khu đô thị, khu công nghiệp, mỗi thị tứ có 01 chợ quy mô loại II, chú trọng phát triển hệ thống thương mại vùng nông thôn, miền núi; hình thành hệ thống phân phối lớn theo hướng hiện đại của các tổng công ty, các nhà phân phối đa quốc gia trực tiếp tại tỉnh, cung cấp các sản phẩm hàng hóa thiết yếu đáp ứng nhu cầu nhân dân.

- Rà soát, quy hoạch phát triển hệ thống chợ, trung tâm thương mại, siêu thị trên địa bàn tỉnh đến năm 2015, trên cơ sở đó đẩy mạnh xã hội hoá trong đầu tư phát triển chợ, trước mắt tập trung kêu gọi đầu tư các trung tâm thương mại ở thành phố Phan Rang - Tháp Chàm và thị trấn Khánh Hải đáp ứng nhu cầu mua sắm của nhân dân địa phương và khách du lịch, phát triển mới một số siêu thị tổng hợp có quy mô phù hợp ở các khu, cụm công nghiệp, các khu du lịch phục vụ nhu cầu mua sắm của công nhân lao động trong các khu công nghiệp và khách du lịch đến tỉnh; lồng ghép có hiệu quả các chương trình hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội nông thôn, miền núi của Chính phủ và các dự án của các nhà tài trợ, gắn với xây dựng nông thôn mới để phát triển hệ thống chợ nông thôn, miền núi; có chính sách cụ thể khuyến khích các doanh nghiệp nhỏ và vừa đầu tư phát triển thương mại miền núi.

c) Xuất, nhập khẩu:

Phát triển mạnh hoạt động xuất nhập khẩu gắn với hội nhập kinh tế, chuyển dịch cơ cấu xuất khẩu theo hướng đẩy mạnh xuất khẩu những mặt hàng có giá trị gia tăng cao; tăng sản phẩm qua chế biến và chế tạo tại tỉnh, phấn đấu tốc độ tăng trưởng bình quân của hoạt động xuất khẩu cả giai đoạn đạt 28 - 30%/năm, đạt giá trị 180 triệu USD vào năm 2015.

- Tập trung mở rộng quy mô sản xuất và xuất khẩu các mặt hàng có lợi thế của tỉnh như xuất khẩu nông, thủy sản, may mặc, muối, vật liệu xây dựng, khoáng sản, ưu tiên xây dựng và phát triển các mặt hàng xuất khẩu chủ lực về chế biến nông sản, thủy sản, khoáng sản.

- Tích cực, chủ động mở rộng thị trường, tận dụng mọi khả năng để tăng mức xuất khẩu vào tất cả các thị trường đã có, trong đó tập trung đẩy mạnh xuất khẩu vào các thị trường có sức mua lớn nhưng hiện còn chiếm tỷ trọng thấp; đồng thời chủ động tìm kiếm, mở ra các thị trường mới.

- Đổi mới cách thức tổ chức các chương trình xúc tiến thương mại theo hướng: Chú trọng vào khâu tổ chức và cung cấp thông tin thị trường, giảm bớt các chương trình khảo sát thị trường mang tính nhỏ lẻ, tập trung xúc tiến thương mại tại các thị trường trọng điểm có kim ngạch nhập khẩu lớn, như Hoa Kỳ, Nhật Bản, Hàn Quốc, Trung Quốc, một số nước EU,...

- Đẩy mạnh nhập khẩu một cách hợp lý hàng hoá vật tư phục vụ sản xuất nông nghiệp, công nghiệp và hàng tiêu dùng, nhập khẩu máy móc thiết bị cho các dự án đầu tư như năng lượng (điện gió, điện mặt trời, điện hạt nhân) và nguyên liệu cho công nghiệp chế biến.

- Làm tốt các thủ tục xuất nhập khẩu hàng hóa tại Chi cục Hải quan Ninh Thuận, tạo điều kiện để 100% hàng hóa xuất nhập khẩu liên quan đến tỉnh đều được thông quan tại tỉnh.

d) Dịch vụ vận tải:

Phát triển các loại hình dịch vụ vận tải bao gồm cả đường sắt, đường bộ và đường biển để khai thác tiềm năng, thế mạnh kinh tế biển, trọng tâm là phát triển vận tải biển;

- Phát triển dịch vụ cảng biển để vận chuyển sản phẩm công nghiệp có quy mô lớn, trước mắt đầu tư nâng cấp cảng Ninh Chữ thành cảng hàng hóa với trọng tải tàu trên 10.000 tấn có thể cập cảng để phục vụ Khu công nghiệp Du Long và cụm công nghiệp Tri Hải; triển khai quy hoạch xây dựng cảng biển hàng hóa Dốc Hàm có công suất hàng hóa qua cảng là 15 triệu tấn/năm để tạo thuận lợi cho phát triển các ngành công nghiệp có quy mô sản phẩm hàng hóa lớn và nhập khẩu vật tư thiết bị cho các dự án đầu tư.

- Phát triển các cảng phục vụ du lịch Vĩnh Hy, Bình Tiên, Ninh Chữ để có thể đón các tàu du lịch trong nước, tiến tới phát triển dịch vụ phục vụ đón tàu du lịch có trên 500 khách.

- Phát triển loại hình vận chuyển bằng đường sắt, phối hợp với Lâm Đồng và các Bộ Ngành Trung ương triển khai quy hoạch khôi phục tuyến đường sắt Đà Lạt - Tháp Chàm để triển khai đầu tư sau năm 2015, tạo thuận lợi giao lưu hàng hóa với các tỉnh Tây nguyên và phát triển du lịch; nâng cấp Ga Tháp Chàm theo hướng hiện đại, đáp ứng nhu cầu giao nhận, vận chuyển hàng hoá và phục vụ khách du lịch.

- Xây dựng, nâng cấp hệ thống các bến xe, bãi đỗ, các điểm dừng đón và trả khách tập trung trên các tuyến đường quốc lộ 1A, quốc lộ 27 và 27B, bảo đảm vận chuyển hàng hoá phục vụ các khu công nghiệp và khu du lịch. Từng bước tạo ra cơ cấu, phương thức vận tải đường bộ hợp lý, thỏa mãn nhu cầu vận chuyển nội tỉnh, liên tỉnh được thông suốt, thuận lợi, đáp ứng tốt nhất nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và khu vực.

e) Dịch vụ bưu chính - viễn thông:

Tiếp tục triển khai chiến lược phát triển công nghệ thông tin và truyền thông đến năm 2020 của Chính phủ, để đáp ứng tốt yêu cầu phát triển và hội nhập kinh tế của địa phương, góp phần xây dựng môi trường sống tốt, trọng tâm là hiện đại hóa hạ tầng bưu chính - viễn thông có độ bao phủ rộng khắp với dung lượng lớn, hình thành một mạng lưới thông tin có chất lượng cao, cung cấp đa dịch vụ và hoạt động có hiệu quả. Chú trọng phát triển hạ tầng thông tin phục vụ công tác phòng chống thiên tai, quốc phòng - an ninh. Nâng cao chất lượng hoạt động các

điểm bưu điện văn hóa xã, nâng mật độ thuê bao điện thoại đạt 34 máy/100 dân, 6,4 thuê bao Internet/100 dân.

h) Dịch vụ tài chính, bảo hiểm:

- Phát triển và mở rộng mạng lưới hệ thống cung cấp dịch vụ tài chính rộng khắp đến các khu công nghiệp, khu du lịch, các khu đô thị và các khu dân cư mới và hội nhập kinh tế theo lộ trình cam kết WTO. Phát triển các loại hình dịch vụ mới cho thuê tài chính, kinh doanh bất động sản, điểm giao dịch thị trường chứng khoán của cả nước để từng bước hình thành thị trường vốn.

- Mở rộng các loại hình dịch vụ bảo hiểm, tạo điều kiện cho các tổ chức kinh tế, doanh nghiệp và cá nhân tham gia loại hình dịch vụ bảo hiểm. Phân đấu đạt tốc độ tăng bình quân hàng năm 16 - 18%/năm. Nâng cao trách nhiệm của cơ quan quản lý nhà nước trong hoạt động kinh doanh bảo hiểm nhằm quản lý và giám sát, thực hiện nghiêm túc các điều luật kinh doanh bảo hiểm của các công ty bảo hiểm và đảm bảo quyền lợi đầy đủ cho khách hàng.

g) Dịch vụ nghiên cứu và chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật:

Phát triển dịch vụ khoa học kỹ thuật nhằm nâng cao năng suất, chất lượng và hạ giá thành sản phẩm, trọng tâm là xây dựng mạng lưới dịch vụ trong nông nghiệp, củng cố mạng lưới từ tỉnh đến cơ sở và mở rộng các loại hình cung cấp dịch vụ công cộng như y tế, giáo dục theo hướng xã hội hóa để nâng cao chất lượng dịch vụ. Phối hợp chặt chẽ với các tổ chức Quốc tế, các Viện nghiên cứu của trung ương để chuyển giao kỹ thuật sản xuất mới đến người sản xuất.

Chủ động trong hội nhập quốc tế, tăng cường quảng bá tiềm năng, thế mạnh của tỉnh, xây dựng thương hiệu Ninh Thuận trong tương lai, hướng mạnh vào vận động, thu hút, kêu gọi đầu tư, trong đó nguồn vốn FDI được xác định là nguồn vốn hết sức quan trọng để triển khai các chương trình kinh tế - xã hội của tỉnh, tập trung vào các lĩnh vực năng lượng, du lịch biển, công nghiệp, nuôi trồng thủy sản, lâm nghiệp, phân đấu thu hút 700 - 750 triệu USD; chủ động trong vận động các nguồn vốn ODA để xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật về giao thông, thủy lợi, y tế, giáo dục và nâng cao năng lực cho người dân, nhất là ở các vùng nghèo, phân đấu đạt 250 - 300 triệu USD.

Mở rộng chương trình hợp tác với các tỉnh trong khu vực và các thành phố lớn trong cả nước, các Tập đoàn kinh tế, các Tổng công ty, huy động lực lượng kiều bào Ninh Thuận định cư ở nước ngoài về đầu tư tại tỉnh.

5. Tài chính, ngân hàng:

a) Quản lý và sử dụng ngân sách: Triển khai thực hiện có hiệu quả các chính sách, pháp luật về thuế theo Chiến lược cải cách hệ thống thuế giai đoạn 2011 - 2020 ban hành theo Quyết định số 732/QĐ-TTg ngày 17/5/2011 của Thủ tướng Chính phủ; đẩy mạnh cải cách hành chính về Thuế và Hải quan, phấn đấu tăng thu hàng năm đạt trên 16,5%; đến năm 2015 tổng thu ngân sách đạt 1.900 tỷ đồng (trong đó thu nội địa đạt trên 1.300 tỷ đồng; thu Hải quan đạt trên 600 tỷ đồng). Triển khai xây dựng định mức chi thường xuyên giai đoạn 2011 - 2015, thành lập một số Quỹ tài chính nhà nước để tạo nguồn vốn đầu tư phát triển; tiếp tục mở rộng giao quyền tự chủ cho các cơ quan hành chính, ngân sách cấp xã và đơn vị sự nghiệp công.

b) Hoạt động ngân hàng:

- **Mục tiêu:** Triển khai thực hiện tốt chính sách tiền tệ quốc gia; phát triển mạng lưới phục vụ gắn với hiện đại hóa ngân hàng đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập kinh tế quốc tế của tỉnh. Tăng cường hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước về tiền tệ, tín dụng ngân hàng bảo đảm hệ thống Ngân hàng hoạt động an toàn – hiệu quả và phát triển bền vững. Tăng trưởng huy động vốn tối thiểu 25%/năm, tăng trưởng tín dụng 25 - 30%/năm, tỷ lệ nợ xấu dưới mức cho phép 5%.

- **Định hướng và các giải pháp chủ yếu:**

+ Thực hiện đầy đủ, có hiệu quả các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước và chỉ đạo điều hành của Ngành về hoạt động tiền tệ, tín dụng và hoạt động ngân hàng đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Trong năm 2011 - 2015, tập trung triển khai thực hiện tốt 2 Luật Ngân hàng Nhà nước và Luật các tổ chức tín dụng; thực hiện có hiệu quả chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn theo Nghị định 41/2010/NĐ-CP của Chính phủ gắn với triển khai các đề án phát triển nông nghiệp - nông thôn - nông dân, đề án nông thôn mới của tỉnh; thực hiện nghiêm túc chính sách điều hành lãi suất, tỷ giá và hoạt động ngoại hối.

+ Chú trọng phát triển, mở rộng mạng lưới ngân hàng gắn đa dạng hóa loại hình tổ chức tín dụng, các định chế tài chính và ưu tiên vùng nông thôn, vùng sâu, vùng xa; đẩy mạnh công tác hiện đại hóa ngân hàng và hệ thống thanh toán, phát triển dịch vụ tiện ích ngân hàng hiện đại phục vụ cho đầu tư phát triển kinh tế.

+ Tăng cường huy động và tranh thủ các nguồn vốn hỗ trợ từ trung ương để tập trung vốn đầu tư cho phát triển nông nghiệp, nông thôn, xuất khẩu, doanh nghiệp nhỏ và vừa với lãi suất hợp lý và nâng cao chất lượng hoạt động tín dụng, tăng cường cho vay đối với hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác bảo đảm các mục tiêu an sinh xã hội.

+ Thực hiện tốt vai trò quản lý nhà nước về tiền tệ và hoạt động ngân hàng trên địa bàn; làm tốt công tác dự báo, tham mưu cho cấp ủy, chính quyền địa phương về phát triển kinh tế - xã hội; theo dõi, giám sát chặt chẽ tình hình hoạt động, kịp thời phát hiện và xử lý nghiêm các sai phạm, bảo đảm an toàn, hiệu quả hoạt động ngân hàng.

+ Thực hiện tốt công tác thông tin tuyên truyền cơ chế, chính sách và hoạt động tiền tệ, ngân hàng ra công chúng.

6. Phát triển các thành phần kinh tế:

Thực hiện nhất quán chủ trương của Đảng về phát triển nền kinh tế nhiều thành phần, trong đó kinh tế nhà nước và kinh tế tập thể giữ vai trò chủ đạo, nâng cao hiệu quả các doanh nghiệp sau cổ phần hóa, các doanh nghiệp TNHH 01 thành viên vốn nhà nước, thực hiện thí điểm cổ phần hóa một số đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ 100% kinh phí hoạt động; tiếp tục hoàn thiện cơ chế chính sách, tạo môi trường thuận lợi cho kinh tế tư nhân phát triển, triển khai có hiệu quả mô hình Văn phòng Phát triển kinh tế để nâng cao chỉ số cạnh tranh của tỉnh. Phấn đấu đến năm 2015, số lượng doanh nghiệp tăng gấp 2 lần và vốn đăng ký tăng gấp 3 lần (tăng bình quân 25 - 26%/năm) so với năm 2010, đóng góp 55 - 60% GDP của tỉnh.

Triển khai thực hiện đầy đủ, kịp thời có hiệu quả các chính sách hỗ trợ DNNVV phát triển, có chính sách khuyến khích các công ty lớn thành lập đăng ký các dự án tại tỉnh, xây dựng một số doanh nghiệp lớn để làm đối tác triển khai các dự án quy mô lớn. Phát triển các loại hình doanh nghiệp tập trung vào các dự án chuyên dịch cơ cấu kinh tế, chuyên dịch cơ cấu sản xuất ngành, các cụm ngành trụ cột của tỉnh, hình thành sản phẩm chủ lực; có chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn theo Nghị định 61/2010/NĐ-CP của Chính phủ.

Triển khai thực hiện chương trình phát triển kinh tế tập thể giai đoạn 2011 - 2015; thực hiện đầy đủ các chính sách hỗ trợ, khuyến khích phát triển kinh tế tập thể, nòng cốt là hợp tác xã, nâng cao vai trò của HTX triển khai chủ trương, chính sách của nhà nước về phát triển kinh tế nông thôn, nhất là thực hiện Nghị quyết TW7 khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn và xây dựng nông thôn mới theo chủ trương của Chính phủ; tăng cường vai trò HTX trong việc phát triển các ngành nghề nông thôn, đẩy mạnh kinh tế hợp tác, đa dạng hoá các hình thức góp vốn, tổng kết nhân rộng các hợp tác xã thành lập mới và chuyển đổi làm ăn có hiệu quả, khuyến khích huy động cổ phần và tăng nguồn vốn góp của xã viên để không ngừng tăng thêm vốn phát triển sản xuất kinh doanh.

Tiếp tục cụ thể hóa cơ chế chính sách, khuyến khích của Chính phủ phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương nhằm tạo môi trường thuận lợi cho kinh tế tư nhân và các loại hình doanh nghiệp phát triển; từng bước nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh của tỉnh.

II. LĨNH VỰC XÃ HỘI:

:

a) Giáo dục: Phát triển giáo dục trong giai đoạn tới trọng tâm là nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện hướng đến phát triển nguồn nhân lực đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; tiếp tục triển khai có kết quả các chương trình đầu tư cho giáo dục gắn với thực hiện bình đẳng về cơ hội học tập và chính sách xã hội trong giáo dục cho mọi người.

Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất trường lớp ở các cấp học, theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa và xã hội hóa; hoàn thành Đề án kiên cố hóa trường lớp học và nhà công vụ giáo viên theo hướng đạt chuẩn, bảo đảm nhu cầu học tập cho con em các dân tộc trong tỉnh. Phần đầu đến năm 2015, có 30% số trường đạt chuẩn quốc gia; 50% số học sinh tiểu học được học 2 buổi/ngày; 10% số trường mầm non đạt chuẩn quốc gia.

Quan tâm đầu tư cơ sở vật chất nhà trẻ mẫu giáo theo hướng xã hội hoá, riêng miền núi nhà nước đầu tư bằng nguồn ngân sách, đầu tư hệ thống trường tiểu học với 100% số thôn đều có trường Tiểu học và điểm trường, phát triển hệ thống trường THPT ở các huyện; mở rộng trường dân tộc nội trú ở các vùng đồng bào dân tộc, đầu tư xây dựng mới Trường dân tộc nội trú huyện Thuận Nam, nâng cấp Trường dân tộc nội trú Phan Rang quy mô trang thiết bị bằng các Trường trong khu vực.

Nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện ở các cấp học, coi trọng giáo dục đạo đức, nhân cách, pháp luật và truyền thông cho học sinh. Thực hiện chương trình giáo dục mầm non theo chuẩn quốc gia để đến năm 2015 có 100% trẻ 5 tuổi đến lớp mẫu giáo trước khi vào lớp 1; tiếp tục duy trì và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục tiểu học, phổ cập bậc trung học cơ sở. Nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ em trước 6 tuổi để trẻ phát triển toàn diện cả về thể chất, trí tuệ; mở rộng hệ thống nhà trẻ và trường lớp mẫu giáo, ưu tiên vùng nông thôn, miền núi, vùng dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa; triển khai dạy tiếng Anh cho học sinh tiểu học từ lớp 3 đến lớp 5, đạt tỷ lệ 80%; coi trọng và đẩy mạnh giáo dục hướng nghiệp và phân luồng sau THCS; tiếp tục duy trì và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục tiểu học, phổ cập bậc trung học cơ sở.

Củng cố, phát triển và nâng cao chất lượng các cơ sở giáo dục như trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm học tập cộng đồng nhằm đáp ứng tốt hơn nhu cầu học tập thường xuyên của mọi người ở mọi lứa tuổi.

b) Đào tạo: Phần đầu nâng tỷ lệ lao động qua đào tạo đến năm 2015 đạt trên 50%, trong đó đào tạo nghề đạt 33%.

Đẩy mạnh chương trình hợp tác và tạo điều kiện về cơ chế chính sách cho các cơ sở đào tạo trong và ngoài nước thành lập các cơ sở giáo dục, đào tạo trên địa bàn tỉnh theo hướng đa ngành, đa lĩnh vực. Phát huy hiệu quả hoạt động phân hiệu Đại học Nông Lâm thành phố Hồ Chí Minh tại tỉnh; xúc tiến thành lập và đưa vào hoạt động các Phân hiệu Đại học: Đại học Điện lực, Đại học Công nghiệp, Đại học Thủy lợi; chuẩn bị đủ các yếu tố cần thiết để thành lập Đại học Ninh Thuận khi có điều kiện.

Đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục đủ về số lượng, chuẩn về chất lượng, đồng bộ về cơ cấu, trong đó 100% giáo viên đạt chuẩn về đào tạo và có 50% giáo viên trung học cơ sở, 10% giáo viên trung học phổ thông đạt trên chuẩn.

Đẩy mạnh phong trào khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập và xã hội hóa, tạo điều kiện hỗ trợ để hình thành và phát triển các loại hình tư thực chất lượng cao ở các cấp học; nhân rộng mô hình trường bán trú dân nuôi; từng bước hình thành các trung tâm dạy nghề tổng hợp để kết hợp chức năng giáo dục thường xuyên, hướng nghiệp và tư vấn việc làm.

Tăng cường năng lực cho đào tạo nghề để nâng cao chất lượng đào tạo, đầu tư hoàn thành Trường Cao đẳng nghề; nâng cấp và mở rộng quy mô Trung tâm hướng nghiệp dạy nghề Phan Rang tương đương trường Trung cấp nghề; phát triển các trung tâm dạy nghề một số huyện.

- Hoàn thiện cơ sở vật chất và đội ngũ giáo viên Trường Cao đẳng Sư phạm đáp ứng được yêu cầu đào tạo giáo viên đạt chuẩn và nâng lên thành Trường Cao đẳng đa ngành.

- Hình thành các cơ sở dạy nghề đạt trình độ cao đẳng, trung cấp nghề do các doanh nghiệp thành lập phục vụ cho những nghề mang tính đặc thù của doanh nghiệp.

:

Khoa học và công nghệ trong giai đoạn 2011 - 2015 phải thực sự là động lực then chốt của quá trình phát triển nhanh và bền vững và giúp doanh nghiệp chủ động hội nhập quốc tế; Tiếp tục đầu tư nghiên cứu các đề tài, dự án khoa học công nghệ mới, có tính ứng dụng cao phù hợp với quy hoạch và lợi thế cạnh tranh của tỉnh, sớm hình thành và phát triển sản phẩm công nghệ cao và sản phẩm ứng dụng công nghệ cao; Triển khai có hiệu quả dự án "Nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa của các doanh nghiệp vừa và nhỏ tại địa phương" góp phần nâng tỷ trọng đóng góp của năng suất các yếu tố tổng hợp trong GDP lên 30% vào năm 2015; Xây dựng và thực hiện tốt Chương trình tổng thể sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2011 - 2015, trọng tâm là Chương trình tiết kiệm điện ở khu vực doanh nghiệp, văn phòng làm việc, hệ thống chiếu sáng công cộng; Đẩy mạnh triển khai Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp về khoa học và công nghệ nhằm nâng cao khả năng cạnh tranh doanh nghiệp để hội nhập trong nước và quốc tế; Kế hoạch sử dụng ngân sách ngành khoa học và công nghệ khoảng 155,4 tỷ đồng.

Rà soát, tiếp tục đầu tư nghiên cứu các đề tài, dự án đã triển khai và các đề tài dự án mới phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, có tính ứng dụng cao, nhất là trong lĩnh vực công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, làng nghề và sản xuất, chế biến nông lâm thủy sản theo hướng sản xuất sạch. Đồng thời, chú ý tổ chức nghiên cứu các đề tài thuộc các lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn như bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc, chăm sóc sức khỏe nhân dân, phục vụ cải cách hành chính và khoa học quản lý, nâng cao chỉ số cạnh tranh của tỉnh.

Tập trung nghiên cứu chọn lọc các giống mới chất lượng cao, ứng dụng công nghệ sinh học để tăng hiệu quả kinh tế đối với các sản phẩm đặc thù của địa phương, như: cây nho, cây neem, rong sụn, xương rồng không gai. Tăng cường hiệu quả chương trình hỗ trợ doanh nghiệp, nhất là hỗ trợ khoa học công nghệ để nâng cao khả năng cạnh tranh. Quy hoạch phát triển Trung

tâm đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, xây dựng đội ngũ cán bộ khoa học và công nghệ tại chỗ đủ mạnh, đủ khả năng sức tiếp cận và vận dụng thành quả của nền kinh tế tri thức. Đầu tư nâng cấp Trung tâm thông tin ứng dụng tiến bộ khoa học và cơ sở hoạt động khoa học khác theo hướng hiện đại, nhằm phát triển mạnh tiềm lực khoa học và công nghệ của địa phương. Đến năm 2015, lực lượng khoa học và công nghệ của tỉnh đủ năng lực tiếp thu, làm chủ và sử dụng có hiệu quả công nghệ hiện đại nhập từ nước ngoài; có khả năng nghiên cứu và ứng dụng một số công nghệ hiện đại, nhất là công nghệ thông tin, công nghệ sinh học, công nghệ vật liệu tiên tiến, công nghệ tự động hoá, cơ - điện tử.

3. Dân số, kế hoạch hóa gia đình, chăm sóc sức khỏe nhân dân:

a) Mục tiêu: Nâng cao chất lượng dân số, tiếp tục hạn chế tốc độ tăng dân số, xây dựng mỗi gia đình có từ 1 đến 2 con; thực hiện tốt chiến lược dân số, kế hoạch hóa gia đình đến năm 2015, hạ thấp tỷ lệ gia tăng dân số tự nhiên còn 1,15%, quy mô dân số năm 2015 là 650 nghìn người; từng bước nâng cao chất lượng dân số về thể chất, trí tuệ, tinh thần, phát triển nguồn nhân lực có chất lượng cao, đáp ứng nhu cầu công nghiệp hoá, góp phần vào sự phát triển nhanh và bền vững của đất nước .

Phát triển mạnh hệ thống chăm sóc sức khỏe và nâng cao chất lượng dịch vụ y tế gắn cùng cố mạng lưới y tế cơ sở, đáp ứng tốt nhu cầu chăm sóc sức khỏe tại chỗ cho nhân dân, củng cố mạng lưới y tế từ tỉnh đến cơ sở để tất cả người dân đều tiếp cận được các dịch vụ y tế cơ bản. Thu hút, kêu gọi các nhà đầu tư có thương hiệu, có uy tín đầu tư các cơ sở y tế đạt chuẩn quốc tế tại tỉnh để tạo sự khác biệt mang tính cạnh tranh cao trong thu hút nhân lực và điều trị bệnh cho nhân dân.

b) Định hướng và giải pháp:

Tiếp tục thực hiện chiến lược Quốc gia về dân số giai đoạn 2011 - 2020, tập trung triển khai dự án nâng cao chất lượng và sử dụng dịch vụ sức khỏe sinh sản; đặc biệt chú trọng đến đối tượng thanh niên và vùng nông thôn, miền núi, vùng sâu, vùng xa và những vùng có mức sinh cao.

Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của các tổ chức Đảng, chính quyền để lồng ghép các mục tiêu chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân và công tác dân số. Nâng cao năng lực giám sát, phát hiện và khống chế dịch bệnh, đặc biệt là HIV/AIDS và các dịch bệnh mới phát sinh. Thực hiện tốt các Chương trình mục tiêu quốc gia về y tế, khống chế và loại trừ một số bệnh xã hội,

Hoàn thành đầu tư nâng cấp các phòng khám đa khoa khu vực, bệnh viện tuyến huyện, bệnh viện đa khoa tỉnh, trường trung cấp y tế; triển khai xây dựng mới Bệnh viện y học cổ truyền, Bệnh viện Mắt, Bệnh viện Phong-da liễu, Trung tâm Giám định Pháp y; đầu tư mới bệnh viện huyện Thuận Nam.

Hình thành một số bệnh viện chuyên khoa; khuyến khích và tạo điều kiện để các thành phần kinh tế tham gia thành lập các cơ sở y tế ngoài công lập, tham gia cung cấp các dịch vụ y tế chất lượng cao.

Tập trung phát triển nguồn nhân lực cho ngành Y tế giai đoạn 2011 - 2015 được coi là nhiệm vụ trọng tâm, là khâu quyết định để nâng cao chất lượng khám và điều trị bệnh cho nhân dân; quan tâm công tác đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực chuyên môn và kỹ năng sử dụng các thiết bị y tế hiện đại cho đội ngũ y bác sỹ. Giáo dục, rèn luyện ý đức, nâng cao tinh thần trách nhiệm và thái độ phục vụ người bệnh cho đội ngũ cán bộ, nhân viên y tế từ tỉnh đến cơ sở. Thực hiện có hiệu quả Đề án thu hút cán bộ y tế giai đoạn 2011 - 2015, thực hiện tốt chính sách hỗ trợ đào tạo để từng bước giải quyết tình trạng thiếu nhân lực của ngành y tế. Triển khai tốt chủ trương hỗ trợ từ tuyến trên cho tuyến dưới. Nâng cao loại hình dịch vụ khám chữa bệnh theo yêu cầu ở tuyến tỉnh và các hình thức chăm sóc tại nhà.

Đảm bảo cho trẻ em được hưởng các dịch vụ y tế cơ bản, khám chữa bệnh miễn phí cho trẻ em dưới 6 tuổi theo quy định. Mở rộng dịch vụ chăm sóc người cao tuổi, người tàn tật. Đẩy mạnh tuyên truyền nâng cao ý thức phòng bệnh cho nhân dân, phát hiện và dập dịch kịp thời.

Đầu tư nâng cấp mạng lưới y tế dự phòng hiện có, nhất là tuyến cơ sở, đầu tư nâng cấp cơ sở vật chất và nhân lực đủ khả năng hoạt động, tổ chức tốt việc theo dõi, giám sát, phát hiện và khống chế không để phát sinh dịch bệnh lớn; đẩy mạnh kiểm tra, kiểm soát vệ sinh an toàn thực phẩm.

Tiếp tục hoàn thiện mạng lưới công tác dân số và kế hoạch hoá gia đình các tuyến huyện, xã và đội ngũ cộng tác viên về dân số, tăng cường công tác truyền thông nâng cao nhận thức về dân số và nâng cao chất lượng sinh sản, chú trọng chăm sóc sức khỏe bà mẹ và trẻ em, người cao tuổi và các hoạt động phục hồi chức năng.

Thực hiện tốt công tác quản lý nhà nước trên lĩnh vực y dược tư nhân. Kết hợp tốt y học cổ truyền với y học hiện đại; khuyến khích và hướng dẫn nhân dân nuôi trồng và sử dụng các cây, con làm thuốc, nâng cao nhận thức của nhân dân trong việc phòng chống dịch bệnh.

Đẩy mạnh xã hội hóa các hoạt động y tế, tạo môi trường thuận lợi cho các thành phần kinh tế tham gia cung cấp dịch vụ y tế theo hướng đa dạng hoá, đặc biệt là các cơ sở khám chữa bệnh chất lượng cao, đáp ứng ngày một tốt hơn nhu cầu của người dân. Mở rộng các hình thức chăm sóc sức khỏe tại nhà; khuyến khích tư nhân đầu tư vào lĩnh vực y tế.

4. Lao động, việc làm, giảm nghèo và an sinh xã hội:

a) Lao động, việc làm:

Triển khai, thực hiện có hiệu quả chương trình mục tiêu quốc gia việc làm giai đoạn 2011 - 2015, góp phần thực hiện chuyển dịch nhanh cơ cấu lao động; phấn đấu đến năm 2015 đạt tỷ

lệ lao động trong lĩnh vực nông lâm ngư nghiệp còn 37% giảm 15 %, lĩnh vực công nghiệp - xây dựng 28% tăng 13%, lĩnh vực dịch vụ 35% tăng 2% so với năm 2010. Giải quyết việc làm mới bình quân mỗi năm cho 15 nghìn người; giảm tỷ lệ thất nghiệp khu vực thành thị xuống còn dưới 3% số lao động trong độ tuổi; tăng tỷ lệ sử dụng thời gian lao động nông thôn trên 86% vào năm 2015.

Thực hiện các chính sách khuyến khích phát triển sản xuất, tạo việc làm mới; thu hút lao động vào các ngành công nghiệp, dịch vụ, du lịch. Thực hiện tốt các chính sách hỗ trợ, khuyến khích phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa, nhằm giải quyết nhiều việc làm cho lao động.

Phát huy cao nhất năng lực của người lao động để lập nghiệp và làm giàu chính đáng, từng bước nâng cao thu nhập và chất lượng cuộc sống của nhân dân. Hình thành hệ thống cơ sở đào tạo nghề cấp tỉnh và huyện để thực hiện chương trình đào tạo nghề cho lao động nông thôn, để đến năm 2015 tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 50%, trong đó đào tạo nghề đạt 33%.

Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu thị trường lao động, đầu tư tăng cường năng lực trung tâm giới thiệu việc làm; tiếp tục thực hiện các giải pháp để hình thành và phát triển thị trường lao động. Xây dựng và tổ chức tốt chương trình đưa lao động đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài giai đoạn 2011 - 2015, phấn đấu bình quân mỗi năm đưa từ 100 - 150 người đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài. Tiếp tục hỗ trợ học nghề và tạo việc làm cho các đối tượng chính sách, người nghèo ở nông thôn, miền núi, đặc biệt là huyện nghèo Bác Ái. Đẩy mạnh thực hiện chủ trương xã hội hóa trong đào tạo nghề.

b) Công tác giảm nghèo và an sinh xã hội:

- Về công tác giảm nghèo:

Tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết 80/NQ-CP ngày 19/5/2011 của Chính phủ về định hướng giảm nghèo bền vững thời kỳ 2011 - 2020 bằng nhiều giải pháp, chính sách cụ thể, đồng bộ phù hợp với điều kiện thực tiễn của địa phương; lồng ghép và sử dụng hiệu quả các nguồn vốn chương trình dự án để thực hiện giảm nghèo bền vững trên cùng địa bàn, dành nguồn vốn ưu tiên hỗ trợ giảm nghèo các vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và vùng ven biển, các xã có tỷ lệ nghèo cao. Tổng kết và nhân rộng các mô hình giảm nghèo có hiệu quả, xây dựng các mô hình giảm nghèo ở từng vùng; giảm dần chênh lệch về phát triển kinh tế và đời sống của nhân dân giữa các vùng, miền và các tầng lớp dân cư trong tỉnh; phấn đấu mỗi năm giảm tỷ lệ hộ nghèo 1,2-1,5% (theo chuẩn mới giai đoạn 2011 - 2015).

Thực hiện có hiệu quả các chương trình mục tiêu đầu tư cho vùng nghèo như chương trình mục tiêu Quốc gia về giảm nghèo, chương trình 30a, triển khai nhân rộng các mô hình giảm nghèo bền vững, đề án cho vay vốn cho người nghèo. Tranh thủ tối đa tài trợ của các tổ chức quốc tế để triển khai các chương trình, dự án đầu tư cơ sở hạ tầng và tăng cường năng lực cho người dân phát triển sản xuất ở vùng nghèo, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó

khăn, như dự án về phát triển cơ sở hạ tầng nông thôn tại hai huyện Ninh Hải và Ninh Sơn do tổ chức OFID tài trợ, dự án nâng cao năng lực quản lý nhà nước và cung cấp dịch vụ công do Vương quốc Bỉ tài trợ, dự án hỗ trợ sinh kế và nâng cao lập kế hoạch giảm nghèo bền vững do tổ chức Oxfam tài trợ tại huyện Bác ái, dự án phát triển nông nghiệp bền vững tại các huyện trong tỉnh do tổ chức IFAD tài trợ, dự án hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo phát triển chăn nuôi heo núi tại huyện Thuận Bắc do tổ chức AAFV - CCAS tài trợ.

Tiếp tục thực hiện lồng ghép các chương trình mục tiêu của Chính phủ, các nguồn lực do các tổ chức phi Chính phủ, quỹ vận động vì người nghèo để hỗ trợ về nhà ở cho người nghèo, đồng bào dân tộc ở vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn. Hoàn thành mục tiêu chương trình hỗ trợ nhà ở cho người nghèo giai đoạn 2008 - 2012 vào năm 2011 và tiếp tục rà soát lại số hộ nghèo khó khăn về nhà ở theo tiêu chí nghèo mới để xây dựng và triển khai chương trình hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ ở vùng nông thôn giai đoạn 2011 - 2015, phấn đấu đến năm 2015, giải quyết cơ bản về nhà ở cho những hộ sống trong nhà ở tạm bợ, dột nát. Tiếp tục thực hiện tốt các chính sách để người nghèo tiếp cận được các dịch vụ xã hội về bảo hiểm, khám chữa bệnh, về giáo dục - đào tạo, tiếp cận tín dụng ưu đãi vay vốn phát triển sản xuất, đầu tư các công trình cấp nước sinh hoạt và công trình hợp vệ sinh, góp phần cải thiện chất lượng cuộc sống nhân dân ở vùng nghèo, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn.

- Về chính sách đối với người có công:

Thực hiện tốt các chính sách đối với người có công, gia đình thương binh, liệt sỹ, nhất là chính sách ưu đãi và nâng cao mức sống đối với người có công. Duy trì và phát triển Quỹ “Đền ơn đáp nghĩa”; đẩy mạnh các hoạt động “ Uống nước nhớ nguồn”, huy động thêm các nguồn lực để sớm đạt mục tiêu nâng cao mức sống của các đối tượng chính sách ngang bằng hoặc cao hơn mức sống trung bình của người dân địa phương. Phấn đấu đến năm 2015, cơ bản hoàn thành việc đầu tư, nâng cấp các công trình tưởng niệm, ghi công ở các huyện.

- Về chính sách an sinh xã hội:

Mở rộng các hình thức trợ giúp, cứu trợ đối với các đối tượng có hoàn cảnh khó khăn, nhất là người cao tuổi, người tàn tật, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, người bị nhiễm chất độc da cam, nhiễm HIV/AIDS. Tăng cường các hoạt động phòng, chống tệ nạn xã hội, ma túy, mại dâm; Phấn đấu đến năm 2015 có 75% xã, phường lãnh mạnh không có tệ nạn xã hội. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát và mở rộng việc thực hiện chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho mọi đối tượng, phấn đấu đến năm 2015 có 80% dân số có tham gia bảo hiểm.

Mở rộng mạng lưới an sinh xã hội thông qua phát triển và củng cố các quỹ của xã hội và đoàn thể, thu hút sự tham gia và nâng cao vai trò của các tổ chức xã hội, tổ chức phi chính phủ trong việc phát triển mạng lưới an sinh xã hội, trong đó Mặt trận Tổ quốc các cấp từ tỉnh đến cơ sở

chủ trì và phối hợp với chính quyền, các hội đoàn thể quần chúng xây dựng các phương thức vận động các cơ quan, doanh nghiệp và dân cư tham gia hoạt động từ thiện giúp đỡ các đối tượng nghèo.

5. Văn hóa, Thông tin - truyền thông, phát thanh truyền hình, thể dục thể thao:

a) Mục tiêu chung là đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu hưởng thụ văn hoá và tinh thần cho người dân phù hợp với trình độ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh và gắn với hội nhập kinh tế, giữ gìn và phát huy bản sắc văn hoá dân tộc, nhất là di sản văn hoá Chăm của Ninh Thuận.

b) Định hướng và giải pháp chủ yếu:

- Về văn hóa:

Tập trung thực hiện các Chương trình mục tiêu về văn hóa; Thực hiện có hiệu quả công tác cổ động, tuyên truyền các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; bảo đảm sự gắn kết phát triển giữa kinh tế và văn hóa. Triển khai có hiệu quả chiến lược xây dựng gia đình văn hóa giai đoạn 2011 - 2015 và phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”, phong trào xây dựng nông thôn mới; chú trọng các giải pháp khuyến khích, huy động nguồn lực thông qua đẩy mạnh xã hội hóa, từng bước đầu tư hoàn thiện các thiết chế văn hóa chủ yếu; phấn đấu đến năm 2015 có 65% số thôn, khu phố và 98% cơ quan, đơn vị đạt chuẩn văn hóa.

Bảo tồn và phát triển các giá trị di sản văn hóa, thuần phong mỹ tục trong nhân dân, các loại hình nghệ thuật truyền thống, nghệ thuật dân gian. Tập trung bảo tồn các di tích cách mạng, di tích lịch sử, di tích văn hóa. Huy động các nguồn lực, trí tuệ và sức sáng tạo trong xã hội để xây dựng, bảo tồn các thiết chế văn hóa, tham gia và phát triển các hoạt động văn hóa. Tiếp tục điều tra, sưu tầm các giá trị văn hóa phi vật thể; giải quyết hài hòa, hợp lý giữa bảo tồn, phát huy di sản văn hóa với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội. Chú trọng tính khoa học, tính hệ thống trong việc xây dựng tài liệu, hiện vật bảo tàng.

- Về Thể dục - thể thao:

Chú trọng và phát triển thể dục, thể thao quần chúng, thể thao nghiệp dư, nhất là đối với trẻ em, thanh thiếu niên. Khôi phục các trò chơi dân gian, duy trì và phát triển các hội thi truyền thống. Xây dựng đội ngũ huấn luyện viên, vận động viên có trình độ chuyên môn năng lực ở một số môn thể mạnh của tỉnh như bóng rổ, bóng chuyền, điền kinh và một số môn võ thuật. Nâng cao thành tích thi đấu tại các giải quốc gia. Phấn đấu đến năm 2015 có 29% dân số luyện tập thể dục thể thao thường xuyên.

Phát triển mạng lưới thể dục thể thao của tỉnh đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu luyện tập và bảo vệ sức khỏe của nhân dân; duy trì và phát triển các phong trào thể thao quần chúng và hướng đến phát triển một số bộ môn thể thao thành tích cao; lồng ghép phong trào “Toàn dân

rèn luyện thân thể theo gương Bác” với cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” và các phong trào thể dục thể thao do các ngành, các tổ chức đoàn thể xã hội phát động nhằm thực hiện tốt các tiêu chí về rèn luyện sức khỏe trong quần chúng nhân dân.

Tập trung đầu tư xây dựng một số công trình văn hóa, thể thao lớn như nâng cấp, mở rộng sân vận động tỉnh, đầu tư mới nhà hát đa năng 2.000 chỗ, bảo đảm các điều kiện tổ chức một số sự kiện văn hóa, thể thao của quốc gia và khu vực.

Kết hợp phát triển các môn thể thao thành tích cao có lợi thể đồng thời phát triển thể thao phong trào gắn với khôi phục thể thao dân gian các dân tộc trong tỉnh. Chú ý đào tạo vận động viên trẻ có chất lượng. Xây dựng đội ngũ huấn luyện viên, vận động viên có trình độ chuyên môn và năng lực phục vụ công tác thể dục thể thao mang tính chuyên nghiệp, nâng cao thành tích thi đấu tại các giải quốc gia.

- Về Thông tin và truyền thông, Phát thanh truyền hình:

Tăng cường công tác quản lý nhà nước về thông tin và truyền thông; triển khai có hiệu quả chiến lược phát triển công nghệ thông tin và truyền thông đến năm 2020. Triển khai quy hoạch mạng lưới hạ tầng thông tin viễn thông gắn với phát triển đồng bộ kết cấu hạ tầng, từng bước hình thành một mạng lưới thông tin có chất lượng cao phục vụ công tác lãnh đạo, quản lý và nhu cầu thông tin của nhân dân; nhất là phục vụ công tác phòng, chống thiên tai và an ninh - quốc phòng. Nâng cao chất lượng hoạt động các điểm bưu điện văn hóa xã, nâng mật độ thuê bao điện thoại đạt 34 máy và 6,4 thuê bao Internet/100 dân.

Nâng cao chất lượng thông tin báo chí phục vụ yêu cầu lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền các cấp và là diễn đàn cập nhật kiến thức, định hướng dư luận, trao đổi học tập kinh nghiệm cho mọi tầng lớp dân cư trong tỉnh. Tiếp tục đầu tư hiện đại hóa công nghệ và chất lượng làm báo kể cả báo in, báo điện tử, báo hình... Đến năm 2015, đảm bảo phủ sóng phát thanh - truyền hình đến tất cả các địa bàn dân cư trong tỉnh và phấn đấu đưa sóng truyền hình Ninh Thuận lên vệ tinh quốc gia - Đầu tư hoàn thành các công trình văn hóa lớn như Trung tâm nghiên cứu văn hoá Chăm; xây dựng bia kỷ niệm, gắn biển các di tích lịch sử trên địa bàn tỉnh. Xây dựng hệ thống thư viện tỉnh, huyện.

. Thúc đẩy bình đẳng giới và tiến bộ phụ nữ:

a) Mục tiêu:

Bảo đảm bình đẳng giới trên mọi phương diện của đời sống xã hội, thu dần khoảng cách giới và xóa dần định kiến về giới.

b) Định hướng và giải pháp:

Xây dựng kế hoạch hành động triển khai thực hiện Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới của cả nước giai đoạn 2011 - 2020; xây dựng và thực hiện có hiệu quả Kế hoạch vì sự tiến bộ phụ

nữ của tỉnh giai đoạn 2011 - 2015; triển khai thực hiện chương trình hành động về công tác phụ nữ thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa; lồng ghép các chỉ tiêu bình đẳng giới, tiến bộ phụ nữ vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của ngành, lĩnh vực và địa phương. Thực hiện tốt công tác quy hoạch, đào tạo cán bộ nữ, tạo nguồn cán bộ kế cận và đề bạt cán bộ nữ.

Nâng cao nhận thức về bình đẳng giới ở các cấp, các ngành; tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục về Luật Bình đẳng giới và các văn bản hướng dẫn thực hiện trên các phương tiện thông tin đại chúng và nhiều hình thức khác để giúp mọi người dân, đặc biệt là phụ nữ nông thôn, vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc ít người hiểu và biết cách tự bảo vệ quyền lợi của mình.

Tập trung nguồn lực và sự chỉ đạo về bình đẳng giới trong những ngành, khu vực và vùng có sự bất bình đẳng và nguy cơ bất bình đẳng giới cao; nhất là trong quan hệ lao động, quan hệ gia đình, ở vùng nông thôn, vùng nghèo, vùng miền núi còn nhiều tập tục lạc hậu, vùng có đông đồng bào dân tộc thiểu số.

Nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ làm công tác bình đẳng giới và vì sự tiến bộ phụ nữ từ tỉnh đến cơ sở. Xây dựng cơ sở dữ liệu, tiêu chí, hệ thống theo dõi, giám sát, đánh giá về bình đẳng giới.

a) Mục tiêu: Bảo đảm các quyền cơ bản của trẻ em; tạo môi trường an toàn, lành mạnh để trẻ em được phát triển toàn diện về thể chất và tinh thần; ngăn chặn và từng bước đẩy lùi các nguy cơ xâm hại trẻ em.

b) Định hướng và giải pháp:

Triển khai thực hiện có hiệu quả Chương trình bảo vệ và chăm sóc trẻ em giai đoạn 2011-2015; ưu tiên và lồng ghép có hiệu quả các nguồn lực thực hiện tốt nhiệm vụ bảo vệ và chăm sóc trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt (trẻ mồ côi, trẻ khuyết tật, trẻ em lang thang kiếm sống,...). Ưu tiên hỗ trợ bảo vệ và chăm sóc trẻ em vùng nông thôn nghèo, vùng miền núi, đồng bào dân tộc thiểu số.

Mở rộng các hoạt động truyền thông, giáo dục, tư vấn về bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em trên các phương tiện thông tin đại chúng; mở rộng các hình thức tư vấn trực tiếp và tư vấn cộng đồng cho các nhóm đối tượng trẻ em. Tổ chức hệ thống dịch vụ hỗ trợ bảo vệ và chăm sóc trẻ em nhằm bảo đảm cho mọi trẻ em, đặc biệt là trẻ em có nguy cơ cao bị hạn chế phát triển bình thường về thể chất và tinh thần, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt tiếp cận các dịch vụ này thuận lợi và hiệu quả. Nhân rộng các mô hình hiệu quả bảo vệ và chăm sóc trẻ em dựa vào cộng đồng (mô hình xây dựng xã, phường phù hợp với trẻ em, mô hình thúc đẩy sự tham gia của trẻ em; mô hình phòng chống tai nạn thương tích; mô hình hỗ trợ trẻ em vi phạm pháp

lượt, trẻ em bị buôn bán....). Cùng cố bộ máy làm công tác chăm sóc, bảo vệ trẻ em từ tỉnh đến cơ sở.

III. ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN:

1. Mục tiêu: Huy động tối đa các nguồn lực đầu tư, ưu tiên tập trung triển khai các chương trình đầu tư phát triển các cụm ngành trụ cột của tỉnh, tổng vốn đầu tư toàn xã hội đạt khoảng 55 - 60 nghìn tỷ đồng, trong đó vốn ngân sách nhà nước chiếm 40%, vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) chiếm 30%, vốn các thành phần kinh tế và dân cư chiếm 30%.

2. Định hướng đầu tư:

Quán triệt kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2011 - 2015, định hướng đầu tư của giai đoạn tới phải bảo đảm đồng bộ, cơ cấu đầu tư phải hợp lý, gắn việc thực hiện mục tiêu tăng trưởng kinh tế nhanh và bền vững với phát triển xã hội và bảo vệ môi trường sinh thái; nâng cao hiệu quả đầu tư từ các nguồn vốn đầu tư toàn xã hội, trong đó nguồn vốn ngân sách nhà nước giữ vai trò chủ đạo để thu hút nguồn vốn các thành phần kinh tế đầu tư phát triển. Các dự án đầu tư phải phù hợp với quy hoạch và kế hoạch 5 năm giai đoạn 2011 - 2015, đầu tư phải tập trung, tránh dàn trải, đầu tư hoàn thành nhanh để tăng năng lực sản xuất mới, ưu tiên dành vốn cho các dự án, công trình trọng điểm tạo động lực thúc đẩy nhanh chuyển dịch cơ cấu kinh tế, phát triển mạnh các ngành kinh tế trụ cột của tỉnh, nhằm tạo bức phá phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh trong giai đoạn tới.

a) Đối với nguồn vốn ngân sách nhà nước do tỉnh quản lý: Căn cứ quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh đến năm 2020, quy hoạch tổng thể phát triển ngành, các ngành, các cấp cần chủ động xây dựng các dự án đầu tư, phân đấu trong năm 2011 - 2012 hoàn thành công tác chuẩn bị đầu tư các dự án trong kế hoạch 5 năm 2011 - 2015, ưu tiên công tác quy hoạch phát triển các ngành, lĩnh vực, quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và quy hoạch xây dựng 1/2.000 làm cơ sở kêu gọi đầu tư.

Tranh thủ tối đa sự hỗ trợ của Trung ương, huy động mọi nguồn lực để đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, trọng tâm là đầu tư hoàn thành nhanh tuyến đường ven biển từ Bình Tiên đến Cà Ná vào năm 2013 để kịp triển khai xây dựng các nhà máy điện hạt nhân; đầu tư hoàn thành tuyến Quốc lộ 1A từ sân bay Quốc tế Cam Ranh đến thành phố Phan Rang – Tháp Chàm dài 60 km để tạo kết nối liên kết vùng, khai thác lợi thế sân bay, cảng biển để phát triển kinh tế của tỉnh; đầu tư một số tuyến đường liên kết với quốc lộ 1A như đường tỉnh 704, 708 (đoạn QL1A - Phước Thuận - 703), tuyến tránh quốc lộ 1A, các tuyến đường đến trung tâm xã miền núi bằng nguồn vốn trái phiếu Chính phủ; tăng cường kêu gọi đầu tư nâng cấp hạ tầng cảng biển, triển khai xây dựng cảng hàng hóa Dốc Hầm - Cà Ná và cảng hàng hóa Ninh Chữ khai thác tiềm năng, lợi thế về kinh tế biển.

Tăng cường vận động các nguồn vốn ODA để đầu tư phát triển hạ tầng đô thị, nông thôn, các công trình thủy lợi cho các vùng nghèo, vùng kinh tế còn khó khăn; tập trung triển khai đẩy

nhanh tiến độ giải ngân các dự án chuyên tiếp và hoàn thành thủ tục để khởi công một số dự án mới như dự án phát triển nông nghiệp bền vững (vốn IFAD), các dự án hỗ trợ thiết bị y tế bệnh viện huyện Ninh Hải và bệnh viện đa khoa tỉnh (vốn Hàn Quốc và Chính phủ Áo tài trợ), dự án đầu tư thiết bị cơ sở dạy nghề tỉnh (vốn Ả Rập Xê Út), dự án phát triển toàn diện thành phố Phan Rang - Tháp Chàm (vốn ADB và WB), dự án phát triển cơ sở hạ tầng 2 huyện Ninh Sơn và Ninh Hải (vốn OFID), các dự án giao thông, thủy lợi do các tổ chức JICA, WB, ADB tài trợ.

b) Nguồn vốn do các Bộ ngành Trung ương quản lý: Thực hiện việc phối hợp chặt chẽ giữa tỉnh với các Bộ ngành Trung ương triển khai các dự án có quy mô lớn theo kế hoạch, trọng tâm là hoàn thành tốt nhất công tác chuẩn bị phục vụ xây dựng 02 nhà máy điện hạt nhân tại tỉnh, nhà máy thứ nhất được khởi công đúng tiến độ vào năm 2014 theo Nghị quyết của Quốc hội và Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, đẩy nhanh tiến độ triển khai các dự án trọng điểm lĩnh vực thủy lợi, giao thông, thủy sản như hệ thống thủy lợi Tân Mỹ, Quốc lộ 1A, tuyến tránh quốc lộ 27, dự án cải tạo, nâng cấp cơ sở hạ tầng Đầm Nai, nâng cấp các cảng cá Ninh Chữ, Cà Ná, trung tâm kiểm định giống

c) Đối với các dự án thuộc nguồn vốn các thành phần kinh tế:

Tập trung thu hút các nguồn vốn các thành phần kinh tế, trước hết tỉnh phải sẵn sàng chủ động mời gọi đầu tư, đặc biệt là sự sẵn sàng giao đất sạch cho nhà đầu tư, triển khai đồng bộ các giải pháp nhằm thu hút đầu tư, cụ thể:

- Bảo đảm tính công khai minh bạch trong các thủ tục hành chính, sự nhất quán về các chủ trương chính sách đầu tư tạo điều kiện thuận lợi để thu hút đầu tư.

- Ban hành danh mục dự án đầu tư BOT, BTO, BT, PPP... tập trung những công trình trọng điểm quy mô lớn của từng ngành, các dự án đầu tư cơ sở hạ tầng và danh mục dự án xã hội hoá các lĩnh vực giáo dục, đào tạo, y tế, TDTT, môi trường và dịch vụ công. Ban hành quy định thực hiện có hiệu quả chính sách ưu đãi, khuyến khích thu hút doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn theo Nghị định 61/2010/NĐ-CP của Chính phủ.

- Công tác xúc tiến đầu tư cần phải có chiến lược tổng thể dài hạn, phải chủ động và có trọng tâm, trọng điểm, cung cấp thông tin đầy đủ, kịp thời đến được các nhà đầu tư về quy hoạch, các tiềm năng lợi thế và các dự án kêu gọi đầu tư. Thông qua chương trình hợp tác với các tỉnh, các ngành, các doanh nghiệp và hợp tác với các khu công nghiệp trong nước để xúc tiến đầu tư.

- Tập trung tháo gỡ kịp thời những khó khăn, vướng mắc về thủ tục đầu tư, đất đai, môi trường, giải phóng mặt bằng để sớm triển khai và đầu tư hoàn thành nhanh các dự án đầu tư tăng năng lực sản xuất mới, đồng thời hoàn thành thủ tục để khởi công những dự án có quy mô lớn trong kế hoạch 2011 - 2015 để tạo năng lực sản xuất mới cho giai đoạn tiếp theo, nhất là các dự án có quy mô lớn lĩnh vực năng lượng, du lịch, công nghiệp như các dự án điện gió đã

cấp chứng nhận đầu tư, các dự án du lịch biển cao cấp đã ký kết thỏa thuận hợp tác đầu tư với một số nhà đầu tư chiến lược như khu du lịch Vĩnh Hy, khu du lịch Mũi Dinh.

IV. XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN KẾT CẤU HẠ TẦNG

1. Giao thông: Ưu tiên đầu tư các tuyến giao thông kết nối Quốc lộ 1A và Quốc lộ 27 nhằm tận dụng lợi thế hạ tầng về sân bay, cảng biển trong vùng thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; tập trung hoàn thành tuyến đường ven biển từ Bình Tiên đến Cà Ná dài 116 km và nâng cấp Quốc lộ 1A từ sân bay Quốc tế Cam Ranh đến thành phố Phan Rang - Tháp Chàm trước năm 2013; triển khai chương trình giao thông của Chính phủ và các Bộ ngành Trung ương, phát triển giao thông đô thị, giao thông nông thôn miền núi, phấn đấu đến năm 2015 đạt mật độ giao thông khoảng 0,3 Km/km².

2. Thủy lợi: Tập trung đầu tư các công trình thủy lợi trọng điểm để tăng năng lực tưới đạt khoảng 50% diện tích đất nông nghiệp vào năm 2015. Hoàn thành đầu tư một số công trình thủy lợi trọng điểm như: Hệ thống thủy lợi Tân Mỹ dung tích 219 triệu m³, hồ Sông Than, hồ Ô Cấm, hồ Kiên Kiên; triển khai đầu tư hồ Tân giang II, hồ Tà Nôi, hồ Đa Mây (Phước Bình - Bác Ái), đầu tư đồng bộ hệ thống kênh mương để phát huy hiệu quả các hồ chứa nước đã đầu tư.

3. Cấp điện: Nâng cấp và phát triển mạng lưới điện trên địa bàn tỉnh, bảo đảm 100% hộ gia đình đều được sử dụng điện lưới quốc gia và đáp ứng 100% nhu cầu về điện sản xuất phù hợp với quy mô sản xuất ở các khu, cụm công nghiệp, các khu du lịch trọng điểm, phục vụ xây dựng 02 nhà máy điện hạt nhân tại tỉnh.

4. Hệ thống cấp nước và thoát nước: Mở rộng và nâng cấp mạng lưới cấp nước, thoát nước, xử lý nước thải thành phố Phan Rang - Tháp Chàm và các đô thị trong tỉnh; đầu tư hệ thống cấp nước, thoát nước và xử lý nước thải cho các khu công nghiệp và khu tái định cư các nhà máy điện hạt nhân.

Thông tin và truyền thông: -viễn thông và thông tin truyền thông có dung lượng lớn, tốc độ cao, kết nối các địa phương trên cả nước và quốc tế. Hiện đại hoá hệ thống phân phối và truyền dẫn công nghệ cao và cáp quang trên địa bàn tỉnh đến huyện, xã; nâng mật độ thuê bao điện thoại đạt 34 máy/100 dân; 6,4 thuê bao Internet/100 dân vào năm 2015.

IV. PHƯƠNG HƯỚNG BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG:

1. Mục tiêu: Nhiệm vụ Bảo vệ môi trường là một trong 3 mục tiêu kinh tế - xã hội - môi trường để phát triển bền vững, thực hiện mục tiêu thiên niên kỷ, mục tiêu chung là làm cho môi trường sống ngày càng tốt hơn. Bảo vệ môi trường phải theo phương châm lấy phòng ngừa và hạn chế tác động xấu đối với môi trường là chính kết hợp với xử lý ô nhiễm, khắc phục suy thoái, cải thiện môi trường và bảo tồn thiên nhiên; kết hợp giữa sự đầu tư của Nhà

nước với đẩy mạnh huy động nguồn lực trong xã hội và mở rộng hợp tác quốc tế; kết hợp giữa công nghệ hiện đại với các phương pháp truyền thống.

- Phần đầu đến năm 2015, tỷ lệ thu gom rác thải đạt 90%; 100% khu, cụm công nghiệp đều có hệ thống xử lý chất thải đạt tiêu chuẩn môi trường trước khi đi vào hoạt động; tỷ lệ dân số nông thôn được cấp nước sinh hoạt hợp vệ sinh đạt 95%; tỷ lệ hộ gia đình nông thôn có công trình hợp vệ sinh đạt 80% vào năm 2015.

2. Nhiệm vụ, giải pháp bảo vệ môi trường trong giai đoạn tới:

Rà soát quy hoạch khu vực xử lý rác tập trung trên địa bàn tỉnh, trước hết quy hoạch các khu vực xử lý chất thải rắn thông qua chế biến cho các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, cụm làng nghề.

Quy hoạch mạng lưới quan trắc môi trường đất, nước mặt, nước biển ven bờ, nước dưới đất và không khí; thiết lập hệ thống cảnh báo dịch bệnh các vùng nuôi tôm thương phẩm tập trung.

Tập trung xử lý ô nhiễm nguồn nước, giám sát và xử lý chất thải vào nguồn nước, nhất là các khu vực trọng điểm ở Khu dân cư Đầm Nai, nước thải ra ao hồ sông suối chưa qua xử lý, nước thải ở các làng nghề, khu dân cư, các khu và cụm công nghiệp chưa được xử lý.

Giám sát chặt chẽ và thực hiện tốt việc xử lý chất thải vào lòng đất, các khu vực nuôi trồng thủy sản, các khu du lịch, khu đô thị, khu dân cư, khu, cụm công nghiệp phải được xử lý đạt chuẩn trước khi thải ra hệ thống; khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư xây dựng nghĩa trang giải quyết ô nhiễm trồng khu dân cư, đến năm 2015, đầu tư mỗi huyện một nghĩa trang tập trung, từng bước di dời các nghĩa trang phân tán (nghĩa trang Cà Đú), mộ mã chôn cất ở trong khu dân cư về nghĩa trang tập trung của huyện.

Đầu tư các công trình kè bảo vệ bờ sông, bờ biển, chống sạt lở, quy hoạch cát sỏi lòng sông để quản lý khai thác chống sạt lở bờ sông; nâng cấp, xây dựng hệ thống công trình chống xói lở bờ sông Cái Phan Rang; Các cụm kè hạ lưu cầu Mông; nâng cấp, mở rộng các công trình chống xói lở bờ biển và bồi lấp cửa sông như kè với cảng cá Mỹ Tân, kè Đầm Vua, kè Khánh Hội, kè với cảng cá Cà Ná. Xây dựng mới kè Sơn Hải, kè Thái An; xây dựng hồ, đập và các công trình chống sa mạc hóa; triển khai kế hoạch trồng rừng nâng độ che phủ rừng, cải tạo môi trường sinh thái, trồng rừng đầu nguồn để giữ nước, trồng rừng phòng hộ ven biển để chống cát bay.

Đối với khu vực nông thôn cần chú ý bảo vệ môi trường khi dùng thuốc trừ sâu, phân bón hoá học. Trong phát triển nuôi trồng thủy sản cần chú ý tới việc ngăn ngừa và có giải pháp kỹ thuật để bảo vệ môi trường ven biển. Có các biện pháp lâm sinh để chống xói mòn, tăng độ phì cho đất, chống cát bay cát chảy ở ven biển.

Tăng cường công tác quản lý nhà nước trong quản lý và bảo vệ môi trường; đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến và giáo dục pháp luật về môi trường; đào tạo, tập huấn chuyên môn, quản lý về bảo vệ môi trường; nâng cao ý thức người dân vùng nông thôn trong việc giữ gìn vệ sinh chung.

Nâng cao năng lực thẩm định điều kiện về môi trường của các dự án đầu tư, tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra sau thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, các điểm nóng về môi trường. Đến năm 2011- 2012, đầu tư hoàn chỉnh phòng thí nghiệm môi trường đất, nước, không khí đạt tiêu chuẩn ISO – 17025.

:

Phát triển kinh tế xã hội phải gắn chặt chẽ với nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, là nhiệm vụ trọng tâm, bám sát các Nghị quyết của Đảng và chiến lược phát triển quốc phòng, an ninh trong tình hình mới để quy hoạch các vùng trọng điểm, có vị trí chiến lược phục vụ quốc phòng, an ninh.

Định hướng quy hoạch giai đoạn tới là tập trung quy hoạch đất đai có vị trí chiến lược về quốc phòng dành ưu tiên cho phát triển tiềm lực quốc phòng của tỉnh và cả nước, quy hoạch sử dụng đất khu vực kết hợp giữa phát triển kinh tế với quốc phòng, và đất đai phục vụ nhiệm vụ phát triển kinh tế, kêu gọi đầu tư.

- Đối với các dự án phát triển vùng ven biển, các khu du lịch, khu công nghiệp đều có tính đến các phương án bảo vệ quốc phòng, an ninh, quy hoạch phát triển khai thác thủy sản, các cảng cá và khu dịch vụ hậu cần nghề cá kết hợp với bảo vệ an ninh vùng biển và có phương án chuyển trạng thái từ thời bình sang thời chiến.

- Khảo sát, nghiên cứu các hang động thiên nhiên có vị trí chiến lược về quốc phòng an ninh để quy hoạch địa điểm xây dựng các công trình phòng thủ của tỉnh để phát triển tiềm lực quốc phòng của địa phương và của Quân khu.

- Quy hoạch các địa bàn trọng điểm về an ninh, nhất là an ninh nông thôn để xây dựng phương án bảo vệ; quy hoạch các nơi luyện tập, đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ của cán bộ chiến sỹ, xây dựng cơ sở vật chất cho lực lượng vũ trang như trụ sở công an xã, phường, Đồn Biên phòng, quy hoạch đầu tư các công trình phòng thủ, củng cố tiềm lực về quốc phòng, an ninh; bảo vệ các công trình trọng điểm.

Phần thứ ba

Cải thiện môi trường đầu tư, nâng cao năng lực cạnh tranh, hỗ trợ các thành phần kinh tế phát triển:

- Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo, nâng cao trách nhiệm của thủ trưởng các cấp, các ngành trong việc triển khai thực hiện công tác cải cách hành chính. Tiếp tục rà soát các thủ tục hành chính trên các lĩnh vực thuộc thẩm quyền quản lý, đặc biệt là trong công tác quản lý đất đai, quản lý đầu tư xây dựng, quản lý kinh doanh, hộ tịch, hộ khẩu và trong giải quyết các nhu cầu, quyền lợi chính đáng của người dân và doanh nghiệp. Trên cơ sở đó sửa đổi, bổ sung hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ kịp thời.
- Tiếp tục thực hiện có hiệu quả mô hình một cửa liên thông trên lĩnh vực đầu tư tại Văn phòng Phát triển kinh tế (EDO); rà soát, điều chỉnh bổ sung kịp thời các quy trình, thủ tục còn bất cập cho phù hợp với tình hình thực tế, trên tinh thần là tạo điều kiện thuận lợi tốt cho nhà đầu tư đến đầu tư, sản xuất kinh doanh tại tỉnh. Triển khai đồng bộ các giải pháp thực hiện có hiệu quả Đề án nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh của tỉnh giai đoạn 2011 - 2015, phấn đấu đến năm 2015, nâng chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh nằm trong nhóm các tỉnh đứng đầu cả nước.
- Đẩy mạnh và nâng cao chất lượng việc thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông theo Quyết định 93/2007/QĐ-TTg ngày 22/6/2007 của Thủ tướng Chính phủ.
- Tiếp tục đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động của các cơ quan hành chính Nhà nước, thiết lập hệ thống cơ sở dữ liệu về thủ tục hành chính và công bố công khai trên cổng thông tin điện tử của tỉnh. Sử dụng hiệu quả thông tin điện tử trong chỉ đạo, điều hành trao đổi thông tin ở các cơ quan hành chính Nhà nước. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị quan tâm chỉ đạo triển khai thực hiện có kết quả việc áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2008 vào hoạt động của các cơ quan hành chính Nhà nước. Việc áp dụng thực hiện hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO phải gắn với quy trình thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông.
- Đánh giá và củng cố, kiện toàn đội ngũ cán bộ, công chức quản lý ở các cấp, các ngành, đảm bảo đủ sức hoàn thành nhiệm vụ chính trị trong bối cảnh, tình hình hiện nay. Thực hiện tốt công tác giáo dục, nâng cao tinh thần, thái độ, ý thức phục vụ nhân dân của cán bộ, công chức trong thực thi công vụ, đặc biệt là những cán bộ, công chức có quan hệ trực tiếp với người dân và doanh nghiệp. Xử lý nghiêm những cán bộ, công chức thuộc quyền quản lý có hành vi những nhiều, gây khó khăn, chậm trễ trong giải quyết công việc.
- Duy trì cơ chế đối thoại thường xuyên giữa lãnh đạo UBND tỉnh, các sở, ngành và các nhà đầu tư, để xử lý kịp thời các khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện dự án đầu tư, đảm bảo dự án hoạt động hiệu quả, đúng tiến độ.

- Thực hiện tốt việc giao đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho doanh nghiệp theo đúng quy định hiện hành, giúp doanh nghiệp chủ động tiếp cận vay vốn hoạt động sản xuất kinh doanh, quản lý, sử dụng đất đúng mục đích.

:

a) Đối với vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước:

- Làm tốt công tác chuẩn bị đầu tư để đăng ký các nguồn vốn hỗ trợ từ Trung ương như: Trái phiếu Chính phủ, nguồn hỗ trợ có mục tiêu của Trung ương, nguồn tăng thu, kết dư,... Lập danh mục các dự án huy động từ nguồn vốn vay, từ các nguồn tài chính hợp pháp khác; huy động nguồn vốn vay nhân rồi Kho bạc để đầu tư các công trình dự án bức xúc của tỉnh như giao thông đô thị, mở rộng hạ tầng các cụm công nghiệp...

- Bám sát các quy hoạch phát triển cơ sở hạ tầng cả nước... để đề nghị Trung ương đầu tư trên địa bàn đúng tiến độ đề ra. Phối hợp tốt với các bộ, ngành Trung ương để triển khai các công trình trọng điểm của quốc gia đầu tư trên địa bàn.

- Rà soát việc quản lý và sử dụng đất đai để có biện pháp khai thác sử dụng hợp lý, có hiệu quả quỹ đất thông qua đấu giá quyền sử dụng đất và đấu thầu dự án để tạo vốn xây dựng kết cấu hạ tầng. Xây dựng và công bố bảng giá đất hàng năm sát với giá chuyển nhượng quyền sử dụng đất thực tế trên thị trường, vừa tăng nguồn thu cho ngân sách, tránh thất thu tài nguyên từ đất nhưng phải bảo đảm giá đất hợp lý để khuyến khích, thu hút các nhà đầu tư đến đầu tư tại tỉnh.

- Làm tốt công tác chuẩn bị đầu tư để đăng ký các nguồn vốn từ Trung ương để đầu tư vào các công trình kết cấu hạ tầng lớn của mạng lưới giao thông, thủy lợi, bệnh viện, cơ sở đào tạo... có tính chất liên vùng, liên tỉnh trên địa bàn tỉnh.

b) Đối với vốn ODA, FDI:

- Làm tốt công tác chuẩn bị đầu tư để tranh thủ nguồn tài trợ ODA, xây dựng chiến lược thu hút, kế hoạch vận động và sử dụng vốn ODA tập trung vào lĩnh vực xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật, nhất là hạ tầng đô thị, giao thông, thủy lợi, y tế, giáo dục, dạy nghề, cơ sở hạ tầng ở các vùng nghèo, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, các công trình bảo vệ môi trường, đa dạng sinh học, xóa đói giảm nghèo...

- Tiếp tục chủ động, hợp tác với các mục tiêu ưu tiên và tiêu chí của nhà tài trợ. Phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư vận động nguồn vốn ODA đối với các nhà tài trợ đa phương, đồng thời chủ động vận động tài trợ thông qua kênh vốn của các tổ chức phi chính phủ và một số khoản hỗ trợ song phương.

- Tập trung kêu gọi vốn FDI cho các cụm ngành năng lượng, du lịch, công nghiệp. Có cơ chế khuyến khích các doanh nghiệp trong tỉnh hợp tác, liên doanh, liên kết trong hoạt động sản

xuất - kinh doanh với các doanh nghiệp trong nước để khai thác tiềm năng, thế mạnh của địa phương.

c) Đối với vốn tín dụng của Nhà nước:

Triển khai chương trình hỗ trợ tín dụng nhà nước cho các doanh nghiệp có các dự án thuộc đối tượng được hỗ trợ theo quy định của Chính phủ; hỗ trợ tín dụng sản xuất các sản phẩm chất lượng cao, chế biến sản phẩm có giá trị gia tăng và hướng đến xuất khẩu. Tiếp tục kiến nghị trung ương hỗ trợ vay vốn tín dụng ưu đãi nhà nước hàng năm để triển khai chương trình đầu tư hạ tầng giao thông nông thôn, hạ tầng làng nghề và nuôi trồng thủy sản.

d) Nguồn vốn đầu tư từ doanh nghiệp ngoài quốc doanh và dân cư:

- Tiếp tục thực hiện đầy đủ, chính sách ưu đãi tối đa theo khung quy định của Chính phủ để khuyến khích các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế triển khai các dự án thuộc lĩnh vực có lợi thế so sánh của địa phương như kinh tế biển, xây dựng các khu đô thị, văn phòng cho thuê, xây dựng danh mục dự án ưu tiên thực hiện hình thức đầu tư BOT, BT đối với các lĩnh vực đầu tư hạ tầng giao thông, cảng biển.

- Tăng cường công tác xúc tiến đầu tư trong và ngoài nước để thu hút làn sóng đầu tư mới từ các quốc gia và các vùng khác vào tỉnh, chú trọng thu hút nguồn từ Nhật Bản, Hoa Kỳ và các quốc gia khác vào Việt Nam...

- Động viên, khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư vốn phát triển kinh tế hộ gia đình, kinh tế trang trại, tiểu điền; đầu tư phát triển các cơ sở chế biến nông, lâm sản, khôi phục các làng nghề truyền thống của địa phương.

- Thực hiện có hiệu quả chủ trương xã hội hóa trên các lĩnh vực văn hóa - xã hội thông qua các chính sách khuyến khích hỗ trợ cụ thể từng lĩnh vực y tế, dạy nghề, giáo dục, văn hóa và thể thao.

- Xây dựng chương trình hợp tác với các tỉnh, thành như: thành phố Hồ Chí Minh, các tỉnh khu vực Nam Trung bộ và Lâm Đồng... để huy động các nguồn lực khai thác các lợi thế so sánh của tỉnh. Từng bước đẩy mạnh hợp tác quốc tế, hoạt động kinh tế đối ngoại và hợp tác đầu tư với một số tỉnh của một số nước phát triển có tiềm năng về thị trường và trình độ khoa học công nghệ phát triển.

- Ngoài việc hợp tác trong các vấn đề về kinh tế - xã hội cần phải thực hiện tốt việc hợp tác trong lĩnh vực thông tin, dự báo. Đảm bảo các thông tin cũng như dự báo về kinh tế - xã hội của các tỉnh cũng như vùng, thường xuyên được trao đổi, cập nhật.

3. Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực:

- Tập trung xúc tiến mời gọi các trường Đại học, các Trung tâm đào tạo có uy tín, có kinh nghiệm để đầu tư thành lập cơ sở đào tạo tại tỉnh. Đồng thời, cụ thể hóa các cơ chế, chính sách của Chính phủ vào điều kiện thực tiễn của địa phương để thu hút các thành phần kinh tế, các doanh nghiệp có dự án đầu tư quy mô lớn mở các trường đào tạo hoặc liên kết mở các lớp đào tạo để đào tạo các ngành nghề đặc thù cho doanh nghiệp. Tích cực liên danh, liên kết với các trường đại học lớn trong vùng để đào tạo nhân lực tại chỗ cho tỉnh.

- Tăng kinh phí đầu tư từ ngân sách tỉnh để đầu tư các cơ sở đào tạo để đáp ứng yêu cầu đào tạo nghề cho lao động trong nông nghiệp để chuyển dịch cơ cấu lao động sang công nghiệp và dịch vụ, nhất là các ngành công nghiệp sử dụng nhiều lao động của địa phương ở trình độ thấp, lao động phổ thông. Xây dựng và ban hành chính sách cụ thể tạo điều kiện thuận lợi cho lao động được học nghề nhất là dạy nghề cho nông dân, làng nghề, khuyến khích các tổ chức cá nhân tham gia dạy nghề, làm tốt công tác xúc tiến việc làm cho lao động sau đào tạo tìm được việc làm.

- Tạo điều kiện thuận lợi để khuyến khích tài năng trẻ nghiên cứu, sáng tạo và ứng dụng những thành quả công nghệ mới. Trẻ hoá đội ngũ cán bộ quản lý, tạo điều kiện tham quan, học tập, giao lưu với nước ngoài để nắm bắt các thông tin về thị trường, công nghệ... Thường xuyên mở các lớp đào tạo cán bộ quản lý doanh nghiệp để nâng cao trình độ quản lý, đáp ứng yêu cầu hội nhập và cạnh tranh.

- Có chính sách sử dụng và thu hút nhân tài, tạo điều kiện thuận lợi, hỗ trợ người lao động được đào tạo lại, học nghề mới, tự tìm kiếm việc làm đồng thời đẩy nhanh tốc độ đào tạo nguồn nhân lực tại chỗ đáp ứng yêu cầu chuyển dịch cơ cấu kinh tế của tỉnh trong giai đoạn tới. Quan tâm đầu tư cho các sinh viên của tỉnh đang theo học ở các trường đại học và các trường dạy nghề để sau khi tốt nghiệp về quê hương làm việc.

- Có chính sách khuyến khích các tổ chức xã hội, cá nhân đầu tư vào giáo dục, đào tạo theo hướng đào tạo nhiều cấp học, hình thành nhanh chóng các trường học ngoài công lập có chất lượng để nâng cao chất lượng giáo dục phổ thông.

4. Phát triển khoa học công nghệ và bảo vệ môi trường:

a) Khuyến khích các doanh nghiệp tập trung đầu tư cải tiến công nghệ sản xuất, thay thế dần các thiết bị lạc hậu, đồng bộ hóa công nghệ trong những ngành có lợi thế như chế biến nông - lâm - thủy sản, chế biến thực phẩm. Cung cấp thông tin về công nghệ mới cho các doanh nghiệp, tạo thuận lợi cho doanh nghiệp đầu tư đổi mới công nghệ sản xuất và quản lý. Mở rộng hình thức liên kết hợp tác giữa các cơ sở sản xuất với cơ quan nghiên cứu ứng dụng khoa học và các trường đại học nhằm đưa khoa học vào thực tế cuộc sống, đón bắt kịp thời đà phát triển của cả nước và trên thế giới. Tuyên truyền phổ biến đến doanh nghiệp trong tỉnh về chính sách năng suất - chất lượng; chính sách sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả.

b) Đẩy mạnh ứng dụng kỹ thuật, đầu tư đổi mới thiết bị máy móc, dây chuyền công nghệ đi đôi với bảo vệ môi trường:

- Lựa chọn đúng công nghệ cần đổi mới, sử dụng công nghệ nhiều tầng, kết hợp công nghệ truyền thống với công nghệ hiện đại. Chuyển từ sản xuất và xuất khẩu sản phẩm thô sang chế biến và xuất khẩu sản phẩm tinh, sản xuất hàng thay thế nhập khẩu.

- Liên kết các viện nghiên cứu, các trường đại học, hỗ trợ kinh phí cho các công trình nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao công nghệ cho các doanh nghiệp, không phân biệt sở hữu.

- Tập trung đầu tư, đổi mới trang thiết bị công nghệ vào các ngành mà thị trường trong nước và thế giới có nhu cầu mà tỉnh có điều kiện sản xuất và đảm bảo cạnh tranh được. Kết hợp chặt chẽ giữa đổi mới công nghệ và bảo vệ môi trường.

- Khuyến khích các doanh nghiệp, làng nghề đầu tư xây dựng các cơ sở xử lý chất thải rắn, lỏng, khí trước khi thải ra môi trường. Không nhập các thiết bị có công nghệ lạc hậu cũng như thiết bị gây ảnh hưởng xấu đến môi trường.

- Ban hành các quy chế, áp dụng các biện pháp ngăn ngừa xử lý các hành vi huỷ hoại hoặc gây ô nhiễm môi trường, nhất là đối với thành phố, thị trấn, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, làng nghề, khu dân cư tập trung, khu vui chơi giải trí, du lịch, bệnh viện, bến xe...

- Xây dựng chương trình tổng thể triển khai các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm môi trường trong các ngành sản xuất như sử dụng các công nghệ tiên tiến thân thiện với môi trường, xử lý chất thải, giám sát chất lượng nước, xử lý nước thải; bảo vệ rừng và nâng cao chất lượng độ che phủ rừng, bảo tồn các hệ sinh vật, rạn san hô ven biển.

- Tăng cường công tác truyền thông, nâng cao ý thức người dân trong bảo vệ môi trường và chống biến đổi khí hậu.

- Đẩy mạnh phát triển các nguồn năng lượng sạch, khuyến khích các cơ sở sản xuất đổi mới công nghệ thân thiện với môi trường.

5.

a) Thực hiện có hiệu quả công tác cải cách hành chính, tiếp tục phân cấp toàn diện cho Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và cơ sở nhằm phát huy mạnh mẽ tính năng động, sáng tạo, quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của chính quyền địa phương các cấp trên cơ sở phân định rõ, cụ thể nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của từng cấp trong bộ máy chính quyền nhà nước; bảo đảm nguyên tắc hiệu quả, việc nào, cấp nào sát thực tế hơn, giải quyết kịp thời và phục vụ tốt hơn các yêu cầu của tổ chức và nhân dân thì giao cho cấp đó thực hiện; phân cấp phải rõ việc, rõ địa chỉ, rõ trách nhiệm, gắn với chức năng, nhiệm vụ của mỗi cấp; phân cấp phải bảo đảm tương ứng giữa nhiệm vụ, thẩm quyền, trách nhiệm với nguồn lực tài chính, tổ

chức, nhân sự và các điều kiện cần thiết khác; đồng thời tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính, trách nhiệm của người đứng đầu để nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước.

b) Tăng cường năng lực cho đội ngũ cán bộ công chức ở các cơ quan hành chính nhà nước có đủ khả năng và mang tính chuyên nghiệp cao để cụ thể hoá các chủ trương của Đảng và chính sách, pháp luật của nhà nước phù hợp với điều kiện thực tế của tỉnh của từng thời kỳ, đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ mới đòi hỏi.

c) Tiếp tục rà soát, sắp xếp tổ chức bộ máy các cơ quan nhà nước theo hướng tinh gọn phù hợp với chức năng nhiệm vụ theo quy định của Chính phủ, tránh chồng chéo hoặc bỏ sót chức năng nhiệm vụ. Hoàn thiện cơ chế phối hợp giữa các cơ quan hành chính nhà nước để giải quyết yêu cầu của doanh nghiệp và người dân gắn với các chế tài cụ thể.

d) Tăng cường hoàn thiện thể chế, nâng cao chất lượng xây dựng văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền của HĐND tỉnh, UBND tỉnh, nhất là các cơ chế chính sách để phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, đặc biệt là các chính sách phát triển một số lĩnh vực then chốt: Chính sách phát triển các khu vực động lực về kinh tế, phát triển dịch vụ, du lịch, tài chính, đào tạo nhân lực v.v.

6. Mở rộng hợp tác liên kết phát triển vùng, cả nước và hội nhập quốc tế:

a) Chủ động hội nhập kinh tế quốc tế, nâng cao nhận thức của cán bộ, công chức, doanh nghiệp và người dân trong tỉnh về kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, về hội nhập kinh tế quốc tế; cập nhật kiến thức về hội nhập kinh tế quốc tế liên quan đến các hiệp định kinh tế - thương mại - đầu tư mà Việt Nam đã ký kết, các khó khăn đối với doanh nghiệp khi tham gia Tổ chức Thương mại thế giới (WTO) cho đội ngũ cán bộ, công chức và quản lý doanh nghiệp.

b) Đẩy mạnh hợp tác quốc tế, nâng cao hoạt động kinh tế đối ngoại và hợp tác đầu tư với một số thành phố lớn của một số nước phát triển có tiềm năng về thị trường và trình độ khoa học công nghệ phát triển nhằm tăng cường quảng bá hình ảnh của Ninh Thuận, đào tạo đội ngũ cán bộ quản lý và kỹ thuật giỏi, chuyển giao khoa học kỹ thuật tiên tiến phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa - hiện đại hoá và tăng cường xúc tiến thương mại và đầu tư.

c) Mở rộng hợp tác toàn diện trên các lĩnh vực giữa Ninh Thuận với các tỉnh trong khu vực nam Trung bộ và các tỉnh thuộc vùng kinh tế trọng điểm phía Nam và các thành phố lớn trong cả nước:

- Tập trung phối hợp khai thác và phát triển các thế mạnh và đặc thù của vùng và lợi thế so sánh của từng địa phương; ưu tiên hợp tác liên kết phát triển du lịch, thương mại, sản xuất, khai thác và chế biến, tiêu thụ các sản phẩm công nghiệp, nông nghiệp, thủy sản, chú trọng các sản phẩm truyền thống là thế mạnh của từng địa phương; phối hợp thực hiện tốt công tác quản

lý khai thác rừng, biển, khai thác xa bờ; liên kết, tổ chức các hoạt động giao lưu văn hóa, lễ hội truyền thống; phối hợp trong việc bảo vệ an ninh quốc phòng vùng biên, vùng giáp ranh.

- Hợp tác đào tạo phát triển nguồn nhân lực trong các lĩnh vực y tế, giáo dục và dạy nghề.

Tổ chức thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh giai đoạn 2011 - 2015 là nhiệm vụ trọng tâm của các cấp, các ngành từ tỉnh đến cơ sở, cộng đồng doanh nghiệp, cán bộ và nhân dân trong tỉnh. Đây là khâu có ý nghĩa quyết định, bảo đảm cho việc thực hiện thắng lợi kế hoạch 5 năm và phấn đấu hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Ninh Thuận đến năm 2020 và Nghị quyết Đại hội tỉnh Đảng bộ lần thứ XII.

- Căn cứ Quyết định phê duyệt Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm (2011 - 2015) của UBND tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư cụ thể hoá các mục tiêu, nhiệm vụ của Kế hoạch 5 năm bằng kế hoạch cụ thể hàng năm.

- Trên cơ sở Kế hoạch 5 năm 2011 - 2015, tham mưu UBND tỉnh ban hành khung theo dõi đánh giá thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm theo kết quả đầu ra. Tổ chức đánh giá giữa kỳ tình hình thực hiện kế hoạch 5 năm 2011 - 2015 và có báo cáo đánh giá giữa kỳ, từ đó đề xuất các giải pháp phù hợp để hoàn thành thắng lợi Kế hoạch 5 năm 2011 - 2015.

- Trên cơ sở khả năng vốn ngân sách địa phương cân đối hàng năm, Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì phối hợp Sở Tài chính tham mưu xác định danh mục công trình sử dụng vốn ngân sách địa phương theo thứ tự ưu tiên; tìm các giải pháp tích cực và hữu hiệu huy động cao nhất các nguồn lực để phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh phát triển đạt mục tiêu đề ra.

:

- Tập trung hoàn thành công tác rà soát điều chỉnh, bổ sung quy hoạch phát triển các ngành, lĩnh vực, sản phẩm chủ yếu của tỉnh giai đoạn 2011 - 2020; quy hoạch sử dụng đất đai giai đoạn 2011 - 2020 và kế hoạch sử dụng đất 5 năm 2011 - 2015, đẩy mạnh công tác quy hoạch xây dựng để đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế địa phương trong giai đoạn tới.

- Trên cơ sở Kế hoạch này, các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thành phố hoàn thiện kế hoạch 5 năm của ngành, địa phương mình và cụ thể hóa vào kế hoạch hàng năm nhằm thực hiện tốt các mục tiêu, nhiệm vụ đề ra.

- Tham mưu UBND tỉnh triển khai xây dựng và ban hành một số chương trình, đề án trọng tâm để tổ chức triển khai thực hiện thắng lợi kế hoạch này.

- Chủ động triển khai các biện pháp huy động các nguồn lực để thực hiện các dự án ưu tiên giai đoạn 2011 - 2015 trong kế hoạch, các dự án đầu tư trọng điểm của ngành và địa phương mình.

- Hàng năm, các sở, ngành và địa phương tổ chức đánh giá, kiểm điểm kết quả thực hiện thuộc chức năng, nhiệm vụ của ngành và địa phương mình được phân công; giữa kỳ có tổ chức sơ kết đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ phục vụ công tác đánh giá chung của tỉnh./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

CHỦ TỊCH

(Đã ký)

Nguyễn Đức Thanh

[1] Năm 2010: Chỉ tiêu tỷ lệ hộ nông thôn được cấp nước sinh hoạt hợp vệ sinh và hộ gia đình nông thôn có công trình hợp vệ sinh được rà soát, điều tra và công bố tại Quyết định số 1343/QĐ-UBND ngày 16/6/2011 của UBND tỉnh

[2] Tốc độ tăng GDP qua các năm: năm 2006 là 14,1%; năm 2007 là 11,4%, năm 2008 là 8,4%, năm 2009 là 7,3% và năm 2010 là 11,8%.

[3] Tỷ trọng GDP khu vực nhà nước giảm từ 26,95% năm 2005, xuống còn 14,5% năm 2010; tỷ trọng GDP khu vực kinh tế ngoài nhà nước tăng từ 72,1% năm 2005 lên 83,4% năm 2010 (trong đó khu vực kinh tế tư nhân tăng từ 10,2% năm 2005 lên 17,8% năm 2010), khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tăng từ 0,86% năm 2005 lên 2,1% năm 2010.

[4] 04 hồ hoàn thành: hồ Sông sắt, hồ Tà Ranh, hồ Nước Ngọt, hồ Bầu Ngủ; 9 hồ đang thi công: 5 hồ chứa hệ thống thủy lợi nhỏ và vừa, hồ Bà Râu, hồ Lanh Ra, hồ Sông Biêu, hồ Núi Một.

[5] Cây Neem đã phát triển được trên 2.000 ha rừng trồng tập trung tại Ninh Phước, Ninh Hải và Thuận Bắc.

[6] Diện tích cây mía 1.600 ha (mục tiêu là 3.000 ha), mì 1.902 ha (mục tiêu là 2.500 ha), cây nho 1.160 ha (mục tiêu 3.000 ha), thuốc lá 1.210 ha (mục tiêu 2.000 ha).

[7] Năm 2010 đạt 7,6 triệu USD, bằng 24% mục tiêu KH (30 triệu USD).

[8] Vốn ngân sách nhà nước 171,2 tỷ đồng, vốn ODA 96 tỷ đồng, vốn huy động đóng góp của nhân dân 12,2 tỷ đồng.

[9] GDP ngành du lịch năm 2005 chiếm 2%, năm 2010 chiếm 3,2% trên tổng GDP tỉnh, tốc độ tăng bình quân hàng năm 15%/năm.

[10]) Năm 2008: Mật độ giao thông của tỉnh là 0,28 Km đường/ Km² , cả nước là 0,68 km/km² .

[11] Năm 2009: Giá trị xuất khẩu đạt 40,75 triệu USD, chỉ bằng 62,3% giá trị xuất khẩu năm 2008.

[12] Gồm: 3 Ngân hàng thương mại nhà nước; 6 chi nhánh và Phòng giao dịch của Ngân hàng thương mại cổ phần; 3 Quỹ tín dụng nhân dân và 2 Ngân hàng chính sách: Ngân hàng chính sách xã hội và Chi nhánh NH phát triển.

[13] Dư nợ ngắn hạn 2.850 tỷ đồng chiếm 49,1%, tăng bình quân 22,7%/năm; dư nợ trung và dài hạn 2.950 tỷ đồng, chiếm 50,9%, tăng bình quân 25,8%/năm.

[14] Năm 2005: 13,2%, năm 2006: 15,9%, năm 2007: 16,65%, năm 2008: 18,35%, năm 2009: 20,9%.

[15] Tiểu học: giảm từ 1,8% năm 2006 và còn 0,8% năm 2010 ; THCS: giảm từ 5,5% năm 2006 xuống còn dưới 3,3% năm 2010 ; THPT: giảm từ 3,2% năm 2006 xuống còn dưới 2,3% năm 2010.

[16] Đến năm 2010, toàn tỉnh có 165 cơ sở ngoài công lập chiếm 39,6% trong tổng số cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh, trong đó bậc mầm non có 87/108 trường, chiếm 80,55%, bậc trung học phổ thông có 01/17 trường chiếm 5,9%, khối chuyên nghiệp có 01/5 trường chiếm 20%, cơ sở Ngoại ngữ - Tin học 11/11 chiếm 100%;

[17] Giáo viên mầm non đạt chuẩn 93,72%, trên chuẩn là 20,3%; giáo viên Tiểu học đạt chuẩn 96,6%, trên chuẩn 73,88%, giáo viên THCS đạt chuẩn 98,6%, trên chuẩn 41,88%, giáo viên THPT đạt chuẩn 100%, trên chuẩn 4,23%

[18] Đến nay trên địa bàn tỉnh mới có 1 Trường phổ thông tư thục (mục tiêu có từ 2-3 trường); Số học sinh ngoài công lập ở bậc học mầm non mới đạt 28,9% (mục tiêu là 60%); trung học phổ thông 31,4% (mục tiêu là 40%) và dạy nghề đạt 3% (mục tiêu là từ 50-60%)

[19] Đến cuối năm 2009, chỉ tính riêng khối hành chính sự nghiệp, toàn tỉnh có: 15 tiến sĩ; 105 thạc sĩ; 4.589 đại học và cao đẳng. Các tổ chức KH&CN có tăng về số lượng, chất lượng và hiệu quả hoạt động. Đến nay toàn tỉnh có 11 tổ chức KH&CN, trong đó có 01 tổ chức KH&CN tư nhân. Đã cấp giấy phép hoạt động KH&CN cho 10 tổ chức.

[20] Đất nông nghiệp: 62.842 ha/96.409 hộ; đất ở : 3.519,18 ha/111.721 hộ.

[21] Bệnh viện Lao và phổi, bệnh viện Điều dưỡng phục hồi chức năng, Trung tâm phòng chống HIV/AIDS, nâng cấp mở rộng trung tâm chăm sóc sức khỏe sinh sản, triển khai đầu tư mới bệnh viện Đa khoa tỉnh qui mô 500 giường

[22] Trong 5 năm đã đào tạo 96 bác sỹ; trong đó: Y học cổ truyền 08 bác sỹ, dược sỹ đại học 07, chuyên khoa I là 40, thạc sỹ 12 và chuyên khoa II là 01 bác sỹ. Trung tâm đào tạo và bồi dưỡng cán bộ y tế đã tự đào tạo và liên kết đào tạo được 24 lớp/ 993 học viên trình độ sơ cấp và trung cấp y tế

[23]) Năm 2005 có 52% trạm y tế xã phường có bác sỹ, năm 2009 tỷ lệ này còn 44%, đặc biệt các xã miền núi đạt thấp, năm 2005 đạt 27% và năm 2009 đạt 26%.

[24]) Năm 2009, đạt tỷ lệ 5 bác sỹ trên 1 vạn dân, tức là chỉ có 1 bác sỹ phục vụ cho 2.000 người dân tỉnh Ninh Thuận, trong khi đó trung bình cả nước là 1 bác sỹ phục vụ 1.400 dân; tỷ lệ giường bệnh: đạt 526 người dân được 1 giường bệnh, trong khi bình quân cả nước là 400 dân được 1 giường bệnh.